



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 12

(2667)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 19 - 3 - 2011

QUÊ NGOẠI

Truyện ngắn của PHẠM PHÁT

THỦY tổ họ Dương là Tiết độ sứ Dương Đình Nghệ, nguyên Hào trưởng Châu Ái (vùng đất Thanh Hóa bây giờ), người có công lớn vây đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán về nước, khôi phục quyền tự chủ cho đất Giao Châu vào năm 931.

Sau đó, Tiết độ sứ bị một bộ tướng làm phản, sát hại để đoạt quyền và cấu viên nhà Hán.

Hai con của Tổ là nữ tướng Dương Thị Như Ngọc (sau là vợ Ngô Quyền) và tướng quân Dương Tam Kha đã cùng Ngô Quyền diệt tên phản tặc và sau đó đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, buộc vua Tàu phải rút quân về nước, chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc của nước ta.

Đến thời Lê, cư dân vùng Thanh Nghệ đã mang gươm theo vua Lê Thánh Tông đi Bình Chiêm mở nước về phương nam. Dấu chân của những tông binh lập nghiệp đến đâu, làng mạc mọc lên đến đó.

Trong những ngôi làng Việt đầu tiên trên đất Quảng ngày ấy, có một làng nằm trên bờ sông Thu Bồn, gần đường thiên lý, cách Hội An không xa, được chúa Nguyễn Hoàng chọn làm dinh trấn Quảng Nam, đã cùng Hội An sớm trở thành một nơi phồn thịnh vào bậc nhất của xứ Đàng Trong thời ấy. Đó là Thanh Chiêm. Và trong những tiến triển hậu hiện có công khai cơ lập nghiệp làng này có hậu duệ của thủy tổ Dương Đình Nghệ từ Thanh vào. Rồi đời này qua đời khác, sinh con đẻ cháu thành dòng tộc Dương - Thanh Chiêm ngày nay. Mẹ tôi là con gái của nhà họ Dương ấy.

Nhưng gốc tích lũy lũng ấy của quê ngoại tôi mãi sau này tôi mới biết. Vậy mà từ thuở chín mười, tôi đã quyến luyến với vùng quê này lắm. Trời đất sinh thế! Hàng năm, ngoài ba tháng hè gần như được ở với ngoại, còn ra tết nhất, ngày đơm ngày ky, cha mẹ tôi thường cho tôi về miết. Hễ được về ngoại là trong người cứ nôn nao như trẻ bây giờ sắp được đi du lịch xa.

Tối hôm trước, khi lên giường, mẹ dặn nhỏ: "Sáng mai, hễ mẹ nhéo một cái vào đít là phải ngồi dậy ngay, sẽ sẽ kéo em thức dậy hẳn đời." Tôi dạ thật to rồi nhẩy cạ tung trên giường như phát khùng.

Sáng hôm sau, mẹ tôi cắp rổ mây, như cái lán của các bà, các chị bấy giờ, tong tã đi trước, tôi lú lú vừa chạy theo vừa réo mẹ chờ. Mẹ tôi không quay lại, giục đi mau kéo hết xe.

Xe đây là xe kéo, thường gác gong chờ khách ở Quán cơm đầu đường. Anh phu xe người cùng làng với mẹ, vừa thấy bóng mẹ con tôi, đã đơn dả xốc cang trở xe tới:

"Hôm nay trên nhà có đám hả cô Năm? Mẹ tôi tươi cười "ừ" một tiếng nhỏ thay lời chào, khẽ vén tà áo dài phía sau ra trước bụng, bước một chân lên rồi nhắc gọng người vào xe. Anh xe bế thốc tôi đặt vào lòng mẹ. Mẹ tôi đưa tay đỡ và kéo tôi vào lòng. Nhưng tôi lại muốn chồm tới để nhìn anh xe. Anh nhắc gọng xe, mặt quay về phía trước, sửa cho ngay ngắn cái nón lá hẹp vành như nón lính thú ngày xưa, bắt đầu đưa những bước nhỏ. Ông quán buông lửng

(Xem tiếp trang 20)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



GIẢM BỚT HỘI HỌP

Nhà văn CAO NĂM

TRONG sự nhốn nháo sinh ra từ mặt trái của cơ chế thị trường những năm gần đây, có thể nói hội họp cũng là cái nạn gây bức xúc trong nhân dân. Chẳng thế, câu nói đầy chất bí hài "đâu có họp là ta cứ đi" đã thành cửa miệng của nhiều người.

Thời thì đủ cấp, đủ kiểu hội họp, thấp là phường, xã, quận, huyện, cao là tỉnh, thành, ban, ngành bộ trung ương. Chỉ kể sơ kết thôi, một năm không biết đã có đến bao nhiêu cuộc sơ kết, chứ đừng nói đến tổng kết, với diện rộng, và tất nhiên số đại biểu cũng đông hơn, lớn kém tiền của nhiều hơn. Khi về các bộ phận, xã mà tôi biết hầu như cả tháng chỉ có đi họp, hết ở xã, phường lại huyện, quận, nhiều khi còn lên tận thành phố.

Họp đã thế, hội cũng chẳng kém (đây không nói lễ hội, chỉ nói hội họp thôi). Không hiểu sao mười năm nay nhiều kiểu hội thế, chưa kể hội thảo, hội đàm, hội nghị (cũng quanh năm tứ mùa mở ra đầy đặc không kém họp), chỉ kể hội thi đã không biết cơ man nào là cuộc hội thi. Xin đơn cử mấy dạng mà không ở đâu, không năm nào không diễn ra các hội thi bí thư chi đoàn giỏi, bí thư chi bộ giỏi, chi hội trưởng nông dân giỏi, chi hội trưởng phụ nữ giỏi, mặt trận thi dân vận khéo, rồi kể chuyện theo sách, tuyên truyền viên dân số, v.v... Hội thi nào cũng tiến hành rầm rộ mấy tháng trời, có khi kéo dài cả năm, và thường được "tiến hành từ cơ sở" lên huyện, quận, tỉnh, thành thậm chí tận trung ương. Thường những cuộc hội thi như thế không phải ai đăng ký là thi, mà phần nhiều có "dự kiến" trước, nghĩa là được chọn để bồi dưỡng "có bài bản", thậm chí còn có người "luyện giọng" cho trước khi đi hội thi nữa! Thật công phu, và dĩ nhiên là phải tốn kém công quỹ.

Tác dụng của những cuộc họp hành, hội thi xin miễn bàn, đây chỉ nói dưới góc độ giảm chi tiêu công để kiểm chế lạm phát theo tinh thần Nghị quyết số 11 của Chính phủ. Ai cũng biết, những cuộc họp hành, hội thi mấy năm qua tổ chức tràn lan và hầu như không theo một quy định thống nhất nào. Và chín mươi chín phần trăm các cuộc hội họp đều có "tiêu chuẩn", bất kể người đến dự thuộc đối tượng nào, người đương chức, hưởng lương Nhà nước, hay người không hưởng lương, cũng đều "phong bao" như nhau. Quả là một sự vô lý mặc nhiên được "thừa nhận", không những làm tổn hại công quỹ Nhà nước mà còn tạo ra sự mất công bằng trong xã hội, trước hết là ngay trong đội ngũ công chức Nhà nước, thậm chí ngay trong một cơ quan, đơn vị, địa phương. Thế nên, có lẽ đã đến lúc Thủ tướng Chính phủ mạnh tay ra một quyết định cấm tất cả các cấp, các ngành, tổ chức chính trị, xã hội (có hỗ trợ kinh phí Nhà nước) không được chi tiêu hội họp cho những người đương chức, hưởng lương Nhà nước và cắt giảm tới mức tối đa những cuộc hội họp tập trung, tăng cường hội họp trực tuyến, qua internet, có hình thức kỷ luật đối với những cán bộ lãnh đạo cho chi "tiêu chuẩn" hội họp sai nguyên tắc. Chính phủ đang làm mọi cách để kiểm chế lạm phát, và đây cũng là một biện pháp nhằm giảm chi tiêu công, góp phần thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ một cách thiết thực. ■



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM CHÚC THỌ CÁC NHÀ VĂN CAO TUỔI

SÁNG ngày 15 - 3 - 2011, Hội Nhà văn tổ chức gặp mặt các nhà văn cao tuổi. Đồng đạo các nhà văn từ 70 trở lên đã đến dự. Các nhà văn Học Phi và Vũ Đức Phúc (99 tuổi) cùng các nhà văn hơn 90 như Vũ Khiêu, Tô Hoài... không tới được vì lý do sức khỏe. Nhà văn cao tuổi nhất có mặt hội trường là nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, hơn 90 - ông là đại diện cuối cùng của phong trào Thơ Mới 1932 - 41.

Thay mặt Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Hữu Thịnh đã nói lời chúc mừng và ghi nhận những đóng góp rất quan trọng của đội ngũ các nhà văn cao tuổi cho nền văn học nước nhà. Ông nhấn mạnh, trong lĩnh vực sáng tạo đường như các nhà văn cao tuổi vẫn ngày một sung sức, thể hiện độ chín của tư duy nghệ thuật. Bằng chứng là, trong cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 3 vừa kết thúc năm 2010, đã có không ít nhà văn cao tuổi chiếm lĩnh những đỉnh cao của cuộc thi như nhà văn Nguyễn Quang Thân, Bùi Bình Thị, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Khắc Phê và đó đều là những tác phẩm để lại những ấn tượng mạnh cho độc giả không chỉ về sự thành công trong nghệ thuật thể loại mà còn đạt tới sự chín chắn của tư tưởng, dấu hiệu thể hiện rõ ràng hiểu biết sâu sắc cuộc sống của nhân dân ta trong những năm tháng đã qua.

Bên cạnh sự tiếp tục thành công trong sáng tạo, các nhà văn cao tuổi cũng đã có nhiều ý kiến đóng góp xây dựng tổ chức Hội, xây dựng các cơ quan cấp 2 của Hội. Đó đều là những ý kiến tâm huyết. Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn sẽ nghiên cứu nghiêm túc những ý kiến đó để tiếp tục đổi mới công tác Hội, xây dựng các cơ quan cấp 2 của Hội, đặc biệt là các cơ quan báo chí xuất bản, đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới.

Chủ tịch Hội Nhà văn cũng đã thông báo với các Nhà văn cao tuổi có mặt trong buổi gặp mặt và



chuyển lời tới các Nhà văn cao tuổi trong cả nước những hoạt động của Ban Chấp hành khóa VIII, trong đó có chương trình chăm sóc và đầu tư, khích lệ các Nhà văn cao tuổi có điều kiện phát huy hết những thế mạnh sự từng trải về tuổi đời, tuổi nghề của mình, đóng góp cho nền văn học nước nhà nhiều tác phẩm xuất sắc hơn nữa, tiếp tục là những trụ cột quan trọng của nền văn học Việt Nam trong nhiều năm tới.

Nhà văn Xuân Cang thay mặt các nhà văn cao tuổi cảm ơn sự quan tâm của Đảng đoàn và Ban chấp hành Hội Nhà văn với các nhà văn cao tuổi. Ông cũng xin được chuyển lời của nữ Nhà văn cao tuổi Lê Minh, vì lý do riêng không tới dự cuộc gặp hôm nay rằng: Hội Nhà văn hãy luôn nhận thức lực lượng các Nhà văn cao tuổi hiện vẫn là một lực lượng mạnh, đang "thường trực" sáng tác trong đời sống văn học. Ví thế sự quan tâm của Hội không chỉ mang ý nghĩa chính sách, nhà phải coi là một hướng đầu tư chiến lược để khai thác hết tiềm năng sáng tạo của đội ngũ những nhà văn từng trải, có tay nghề và rất tâm huyết với dân, với nước. ■ PV

TOA ĐÀM NHỮNG CHIẾC GAI TRONG MƠ

TẬP thơ song ngữ "Những chiếc gai trong mơ" của nhà thơ Nguyễn Bảo Chân là nội dung buổi tọa đàm diễn ra sáng ngày 12- 3 tại Hội trường Văn nghệ. Cuộc tọa đàm do Ban nhà văn Trẻ và báo Văn nghệ Trẻ phối hợp tổ chức. Các ý kiến trong cuộc tọa đàm này không chỉ có giá trị về học thuật mà còn là những trao đổi mang tính chất chuyên môn trên tinh thần thẳng thắn và xây dựng.

Nhà phê bình Lê Thành Nghị nhận xét: thơ của Bảo Chân là những vết khắc chân thực từ tâm khảm, là chất lọc những cảm nhận. Nhà thơ Đặng Huy Giang chia sẻ: "Có cảm giác, bằng trải nghiệm của riêng mình, thông qua một cách nói giàu nhịp điệu, giàu hình ảnh và tự nhiên, Nguyễn Bảo Chân đã thấm cảm ơn nỗi đau bằng thơ và chính nỗi đau

bằng thơ đã làm cho con người chị lớn dậy". Nhà phê bình Văn Giá tâm đắc với việc lập tứ và triển khai tứ của nhà thơ Bảo Chân. Đặc biệt, việc dồn trọng tâm vào câu cuối cùng làm bài thơ trở nên long lanh và tạo dựng nên tầm vóc cho bài thơ. Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha đánh giá: đọc tập thơ có cảm giác như Nguyễn Bảo Chân dám sống đến nát lòng biển cả. Tuy nhiên ông cũng lấy làm tiếc vì trong tập thơ đôi chỗ tác giả dùng từ còn có phần quen tay, thả lỏng và thậm chí hơi dễ dãi.

Tuy không phải là tập thơ song ngữ hiếm hoi xuất hiện thời gian gần đây, nhưng tập thơ "Những chiếc gai trong mơ" của Nguyễn Bảo Chân đã thực sự "ghi điểm" bởi việc chuyển ngữ và cũng là quá trình sáng tạo những tác phẩm thơ bằng hai ngôn ngữ, vừa tinh tế, vừa ám ảnh.

Cũng tại buổi tọa đàm, lá thư của GS-TS Harry Aveling (Trung tâm nghiên cứu QT, Trường ĐH Ohio Athens, Hoa Kỳ) đã được gửi tới những người có mặt trong khán phòng. Lá thư có đoạn viết: "Những cuốn sách hay đáng được xã hội nhìn nhận bởi chúng dâng tặng bạn đọc, những người yêu văn chương, những người yêu thích một cái gì đó mới mẻ và trường tồn - sự hiểu biết sâu sắc hơn về đời sống, được diễn đạt với ngôn ngữ thuần khiết nhất... ở đây có những dấu vết của niềm vui và nỗi buồn, của hy vọng và thất vọng, của những chiếc gai hằn in trong những giấc mơ ngọt ngào nhất. ■ PV



HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ TIẾP CẬN VĂN HỌC CHÂU Á TỪ LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI PHƯƠNG TÂY

TRONG báo cáo để dẫn mở đầu Hội thảo này tại Viện Khoa học Xã hội Việt Nam sáng hôm 14- 3-2011, Viện trưởng Viện Văn học PGS.Ts. Phan Trọng Thuồng nói vấn đề nổi lên hiện nay trong khu vực nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học vẫn là tương quan giữa những cái được xem như tính đặc thù phương Đông của văn học và tính phổ biến của các lý thuyết văn chương, rộng hơn là văn hoá học và khoa học nhân văn khác du nhập từ phương Tây; tình trạng tiếp xúc và tiếp nhận cùng lúc nhiều lý thuyết như vậy từ những nguồn phát sinh đa dạng có thể là một nguyên nhân gây những rối ren nhầm lẫn cả trong nghiên cứu và tiếp nhận.

Hội thảo quốc tế lần thứ hai này được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác giữa Viện Văn học Việt Nam với Viện Harvard-Yenching và Quỹ Japan Foundation nhằm thảo luận về tính tương thích trong sự vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu như đã nói trên cùng các cơ hội và thách thức thường xuyên trên quá trình đó.

Phần thảo luận của các học giả Việt Nam, cho thấy sự du nhập các lý thuyết văn chương và khoa học nhân văn khác vào nghiên cứu văn học Việt Nam là một thực tiễn phong phú đã thực sự kiến tạo nên bộ mặt văn học ngày nay, đồng thời, như một dấu chỉ của vận động, cũng đặt ra những vấn đề từ thực tiễn đó, đặc biệt trong tình trạng một chuyển đổi kép như những năm gần đây.

Phần thảo luận của các học giả từ Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan đóng góp cái nhìn trên những hướng mới này. Đồng thời cũng đặt một loạt câu hỏi khiến chúng ta phải suy nghĩ lại về các lý thuyết từ việc vận dụng chúng trong các môi trường xa lạ, dẫn đến một sự hình thành lại lý thuyết trong quá trình và tư duy nghiên cứu.

Hội thảo kết thúc sau hai ngày làm việc tích cực và tiếp nối bằng các thuyết trình chi tiết hơn của ba giáo sư Harvard tại Viện Văn học cho đến cuối tuần. ■

NGUYỄN CHÍ HOAN

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT:

ÙN ÙN KÉO ĐẾN...

BÔNG LAI

NĂM nào cũng có những chuyện nghe vừa thương lại vừa tức dân mình. Chuyện: Vùng kia có khu vườn, thanh thoai không khí thế nào mà người bệnh chỉ cần vô đây vài bữa là khỏi liền. Tin ra, người ùn ùn kéo đến cả trăm cả ngàn, khỏi còn chỗ mà chen chân chớ đừng nói chỗ đi... ! Mùi mồ hôi, mùi đờ đờ tấp bệnh, mùi của rác thải ôi thiu lẫn mùi thực phẩm đã qua bộ máy tiêu hóa "chế biến" khiến nhất định cái không khí thanh thoai ấy (giả dụ vậy) đã ô nhiễm nặng rồi mà người ta vẫn không thôi kéo đến...

Cả chuyện này nữa. Những người làm thống kê bảo rằng càng năm càng tăng, hàng triệu khách du lịch đi viếng Chùa Hương, Phủ Giày, viếng Bà Chúa Kho, Bà Chúa Xứ, vân vân ... Du lịch ư? "Có đâu mà du với chả lịch! Người ta cứ nói thế, bọn em năm nào mà không kéo nhau mà nhẩn cửa đến. Xin lộc ngài cho nhậu rồi về còn bán hàng". Một bà buồn nhang ở ngôi chợ tỉnh bão. Quả có vậy, người người nhể nhại mồ hôi chen nhau, "du" đẩy nhau mau đến chỗ thiêng rồi "lịch" rịch bày ra những xôi cùng oản, lăm lăm khăn tài khăn lộc trong mù mịt sặc sụa khói hương! Lấy đâu sự thường lăm? Thậm chí chẳng có gì mà thường lăm! Đây là chưa nói bệ rạc cảnh ăn uống, nhọc nhằn nơi ngự "nhất quận công".

Còn gì để tức để giận nữa? Còn ối. Nhưng kể thêm một chuyện thôi cho khỏi nhảm chữ. Chuyện: Nam Định là tỉnh kinh tế phát triển chưa mấy khởi sắc, lâu nay ít được dư luận quan chiếu. Đột nhiên vài năm gần đây chuyện rôm rả phát ấn đến Trần thu hút cả nước. Tất nhiên là lại ùn ùn kéo đến. Giận và thương dân mình u thì có u, mê thì có mê đã đành, nhưng không tới đây để cầu siêng năng phú quý sung túc, cầu mưa thuận gió hòa mà cầu cái sự cưỡi đầu cưỡi cổ làm ông nọ bà kia. Có cái sự này là tại cái sự đồn. Còn đồn từ đâu ra thì đổ ai biết. Đồn rằng... Cô, cậu, chú, bác kia nhờ có được cái ấn son vua Trần mà năm rồi thế này... thế này... Nghe đồn là tin, dân ta vậy. Mà cái chuyện ham hồ quan quyền chức tước ở xứ mình cũng là có thật; xin đừng phủ nhận. Nó có nguồn gốc cả đấy. Vấn đề này đủ đất cho một luận án tiến sĩ dày dặn thi triển. Xin gợi ý: ông ngoại của nguyên nhân là nền Khổng học, còn ông nội của nó là cái học đường cả ngàn năm chăm chăm chỉ đào tạo độc một nghề: nghề leo võng làm quan. Ông Jean Marquet, nhiều năm làm Giám đốc Nha học chính Đông Dương thời thuộc địa, từng có một nhận định sắc sảo và xác đáng trong tác phẩm "Ngũ hoa" (Giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp) của mình như sau: "Trong mỗi người Tàu có một gã lái buôn, còn trong mỗi dân An Nam là một ông quan" (*) Chuyện này xin chưa bàn ở đây. Chỉ bàn cái cả tin đáng giận của người mình. Nhưng có thường giận dân mình một thì lại thấy tội cho các nhà chức trách mười. Các ngài hình như, năm này qua năm khác, chẳng chế được cái sự "ùn ùn kéo đến" khiến nó cứ phình mãi thêm, u mê mãi thêm, lăm trò lăm kiếu mãi thêm. Bởi chỉ một chuyện tài chính thôi, nguồn thu tăng đủ để xoa tay cười. Đây là từ dịch vụ ăn uống, này là từ dịch vụ trông xe, này là... Địa phương không chủ trương thu tiền "ấn phí". Tốt. Dung mà... Đừng nghe những kẻ đi dự lễ về kể xấu - lời nói chẳng mất tiền mua - hãy nhìn những bức ảnh được đăng tải: cứ 10 người thò tay qua khe cửa phòng vé, xin lỗi, phòng phát ấn (trông cứ như cái cũ) thì thấy tới 9 người kẹp theo một tờ bạc. Kẻ thứ 10 bảo: Tôi chờ dài tay dài cổ chẳng thấy động tĩnh gì, đành làm theo người ta, thế là được ngay một cái ấn Trần!

Báo chí đã có ý kiến rất nhiều trước những xấu xí của cái tục phát ấn (ai bày cái tục này?). Mong mỗi rằng... Thì vừa hay Ban tổ chức họp lại tổng kết, có cả các vị đầu tỉnh và thành phố tham dự. Ông Chánh thành phố: Công tác tổ chức đã đổi mới, sẽ nghiên cứu để việc phát ấn được khoa học hơn. Ông Phó tỉnh: Đã tốt rồi cần tốt nữa. Xem xét để lùi lại thời điểm phát ấn và kéo dài thêm (?) thời gian lễ hội. Ông Chánh tỉnh: Tinh chủ trương giữ nguyên lễ tục này, chỉ cần tổ chức cách phát ấn sao cho trật tự là ổn.

Thế là rõ. Địa phương quyết tâm bảo lưu việc phát ấn nhưng còn đang nghĩ xem có cách nào hay hơn, khoa học hơn, đỡ lộn xộn ngắt xiú hơn. Có hai cách - xin mạnh dạn gợi ý - đảm bảo chắc chắn 100% thành công và trật tự.

Một, chấp nhận ý kiến của ông thủ từ đến là, các cá nhân, tập thể nào có nhu cầu (?) nên đặt trước số lượng. Ngoài ra, cấm mở các đại lý phát ấn khắp cả nước, những tỉnh lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh thì có nhiều đại lý. Chu đáo hơn nữa, việc phát ấn có thể thực hiện rông rã cả năm, thậm chí 24 trên 24.

Hai, bỏ đi, nghĩ cái việc phát ấn này đi cho khỏe. Thế. ■

(*) Nguyên văn: "Dans chaque Chinois il y a un commercant comme dans chaque Annamite il y a un mandarin" ("Les cings fleurs", Jean Marquet, Paris, 1928)

ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN VÀ TINH THẦN NHẬT BẢN

SONG ANH

TRẦN động đất được coi là lớn nhất trong vòng một thế kỷ trở lại đây diễn ra vào ngày 11-3-2011 vừa qua tại Nhật Bản kéo theo những hệ lụy khác là sóng thần và những vụ nổ nhà máy điện nguyên tử Fukushima 1 và 2 đã khiến nước này chịu tổn thất nặng nề. Báo chí Nhật cho biết, tổn thất chung về người có thể lên đến con số sáu nghìn người.

Không thể không lo lắng và chia sẻ với những người Nhật đang đối đầu với tai họa. Tuy vậy, trong những câu chuyện mất mát đang diễn ra hàng giờ ở Nhật, ta vẫn có thể nhìn thấy những điều phi thường kỳ lạ. Đó là sự kiên cường của người Nhật trong cuộc đối đầu với thiên tai.

Một vị bác sĩ Nhật tự hào tuyên bố với báo chí: "Những trận động đất xảy ra hàng năm trên đất nước Nhật, và cả trận lớn như thế này cho thấy người Nhật thật sự rất kiên nhẫn và đoàn kết. Cho dù biết bao nhiêu người bị tổn thất, mất mát, đau đớn cùng cực, người Nhật vẫn không để mất đi tinh kỷ luật trật tự xã hội của mình". Trong số hơn 200 người được sơ tán khỏi khu vực nhà máy điện nguyên tử, có rất nhiều người vẫn tỏ ra tin tưởng vào chính phủ. Một người đàn ông trả lời phỏng vấn hãng tin Kyodo ngày 15-3 đã khẳng định: "Chính phủ bảo cứ bình tĩnh và tôi hoàn toàn tin tưởng họ".

Về phía mình, chính phủ Nhật đã bắt đầu chiến dịch ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng mà thiên tai gây cho nền kinh tế ngay ngày hôm sau khi xảy ra nguy hiểm. Thứ bảy, ngày 12-3, Ngân hàng trung ương Nhật Bản đã lập tức chuyển cho 13 nhà băng khu vực đông bắc 670 triệu đô la Mỹ ứng trợ khẩn cấp về tài chính; ngày 13-3 tuyên bố sẽ bằng mọi cách trấn áp các biểu hiện đầu cơ trên thị trường tài chính chứng khoán; ngày 14-3 ông Masaaki Shirakawa, thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản cho biết sẽ xem xét vấn đề điều chỉnh lãi suất... Tất cả đều nhằm việc củng cố khả năng các ngân hàng giữ thị trường ổn định sau đợt thiên tai khủng khiếp vừa rồi.



Chiếc ô tô bị sóng cuốn lên mái nhà

Các nhà phân tích kinh tế nhận thấy: bất chấp những thiệt hại nói trên, với việc đầu tư xứng đáng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hồi được nguồn vốn về nước, nhờ những biện pháp tích cực kích thích nền sản xuất công nghiệp từ phía chính phủ, ở Nhật Bản cuối 2011 đầu 2012 vẫn sẽ có một cuộc "bùng nổ" về sản xuất công nghiệp. Từ *The Guardian* dẫn lời các chuyên gia kinh tế người Nhật cho rằng: động đất khiến nền kinh tế của Nhật phát triển tích cực hơn chứ không hề làm nó yếu đi. Chủ nhật vừa rồi, chính phủ Nhật đã bác bỏ đề xuất của phe đối lập là tăng dần thuế trong nước, tuyên bố sẽ thực hiện mọi biện pháp nhằm ổn định thị trường, có thể sẽ áp dụng những biện pháp mạnh về hành chính đối với những hiện tượng đầu cơ tích trữ. Quan sát viên của tờ *Kommersant* (Nga) cho rằng, trong 25 trở lại đây cứ mỗi lần đối mặt với những trạng huống gây chấn động xã hội quy mô lớn thế này, Nhật Bản thường áp dụng các biện pháp kích cầu đúng lúc và

nhau chóng. Trong trường hợp có nguy cơ lạm phát, ngân hàng quốc gia Nhật Bản thường coi quá trình lạm phát như một hiện tượng tất yếu cần phải có. Và cuối cùng hầu như các chuyên gia kinh tế xã hội đều nhất trí nhận xét, Nhật Bản không ngần ngại tiếp tục tăng các khoản nợ chính phủ mà hiện nay đã chiếm đến 196% GDP.

Không hiểu sao tôi rất nhớ và thích thú với một chi tiết trong bộ phim "Trở về tương lai" của đạo diễn Robert Zemeckiz (Mỹ) thực hiện năm 1985, trong đó có đoạn nhân vật chính từ những năm 80 của thế kỷ XX rơi vào những năm đầu sau thế chiến I, khi nền kinh tế Nhật Bản được coi như một con số không to tướng so với thế giới. Nhân vật chính của câu chuyện đã khiến những người thời đó ngạc nhiên khi nói đến Nhật Bản như một đất nước có nền công nghiệp tân tiến, có cả ô tô và đồ điện tử "sành điệu". Tin làm sao được chứ! Thay đổi bộ mặt một đất nước từ quá khứ đến hiện tại đã là khó, thay đổi từ quá khứ đến ...tương

lai thì quả thật phi thường.

Trong suy nghĩ của tôi, Nhật Bản là một dân tộc phương Đông hết sức lãng mạn với truyền thuyết về chàng Izanagi và nàng Izanami bắc Thiên Cầu Kiều xuống hạ giới uơm mầm cuộc sống, nhưng đồng thời cũng hết sức thực tế và khắc kỷ trong việc rèn luyện ý chí con người. Ý chí, lòng tự tôn dân tộc, ý thức kỷ luật của mỗi cá nhân làm nên sức mạnh của cả xã hội Nhật Bản. Nếu không thế, làm sao họ có thể khôn khéo và bất khuất đối đầu với thiên tai vẫn diễn ra mặc định hàng năm, không một lời kêu than, ca thán! Nói lan man thêm một chút, tôi chợt nhớ tới chị Vân Chi, một người bạn lớn của tôi hiện đang giảng dạy tại trường ĐH Tổng Hợp Hà Nội, có chia sẻ những ghi chép của chị sau khi đọc một bài viết có tên là "Tinh thần nghệ nhân" của Nhật Bản như thế này: Đối với một thợ làm gốm Nhật Bản, "mất ba năm để học trộn đất sét cho giồi, mười năm để sử dụng bàn xoay giồi"; Với người nấu ăn "mất mười năm chỉ để học cách sử dụng con dao trong nhà bếp, mười năm khác cho việc chế biến các món theo mùa". Với thợ làm nút kẹo theo kiểu Nhật thì "phải mất ba năm để học cách điều khiển ngọn lửa trong lò, mười năm nữa để làm nút kẹo"; và với thợ điêu khắc thì "phải cúi thấp ba lần trước một nét chạm trổ." Chính vì vậy mà người thợ thủ công hiện nay được coi như không chỉ là những chuyên gia - những người có được một sự nghiệp có ý nghĩa trong cuộc đời của họ mà còn là hiện thân của danh dự, tinh ngoan cường, tinh kiên định và lòng nhiệt tình.

Nhớ lại những chi tiết trên, thêm những gì tôi đã từng được biết về tinh thần Nhật Bản - những "đạo" kinh doanh và triết lý làm người của họ, tin tưởng rằng người Nhật một lần nữa, bằng ý thức mạnh mẽ về danh dự, tinh ngoan cường, tinh kiên định và lòng nhiệt tình sẽ nhanh chóng vượt qua những thử thách mà họ đang phải đối mặt trong những ngày tháng ba này. ■

THÔNG BÁO VỀ VIỆC XÉT GIẢI THƯỞNG HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM NĂM 2011

TRONG kỳ họp thứ 3, Ban Chấp hành Hội Nhà văn khóa VIII đã quyết định sửa đổi một số điểm trong Quy chế xét Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam. Một trong những sửa đổi đó nhằm làm cho Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam cập nhật với đời sống văn học trong nước. Từ năm 2010 trở về trước, Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam được trao cho những tác phẩm xuất bản năm trước đó. Nhưng từ năm 2011 đến năm 2015, Giải thưởng sẽ được trao cho những tác phẩm xuất bản từ ngày 1 tháng 11 của năm trước đến ngày cuối cùng của tháng 10 năm sau dựa theo ngày nộp lưu chiểu.

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011

có một điểm đặc biệt là xét các tác phẩm xuất bản trong cả 2 năm tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 10 năm 2011. Vì Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2010 chỉ trao cho những tác phẩm xuất bản trong năm 2009, do đó, để tạo điều kiện về thời gian cho việc đọc một khối lượng lớn tác phẩm được để cử xét Giải thưởng Hội Nhà văn năm 2011, các Hội đồng nghệ thuật của Hội Nhà văn Việt Nam sẽ tiến hành công việc sơ khảo sớm hơn so với các năm trước.

Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam xin thông báo thời gian nhận các tác phẩm để cử cho Giải thưởng năm 2011 chia làm hai đợt :

• **Đợt một** : nhận các tác phẩm xuất bản từ 1/1 đến 31/12/2010. Hạn cuối cùng nhận các tác

phẩm để cử đợt một là ngày 15/4/2011.

• **Đợt hai** : nhận các tác phẩm xuất bản từ ngày 1/1 đến 31/10/2011. Hạn cuối cùng nhận các tác phẩm để cử đợt hai là ngày 15/11/2011.

Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam trân trọng đề nghị các nhà xuất bản trong cả nước, các Hội VHNT địa phương, các cơ quan báo chí, các Hội đồng nghệ thuật của Hội Nhà văn Việt Nam, các Chi hội nhà văn hoặc các Ban Liên lạc nhà văn và các cá nhân là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam giới thiệu các tác phẩm tốt dự xét giải.

Các tác phẩm dự giải xin gửi về Ban Sáng tác, Hội Nhà văn Việt Nam số 9, phố Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội.

BAN CHẤP HÀNH HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRỞ LẠI HỦA PHẢN

Bút ký của KIỀU VƯỢNG

NHỮNG ngày đầu xuân Tân Mão, cả thị xã Sầm Nưa tỉnh Hủa Phăn trên đất nước bạn Lào, rực rỡ màu hoa đào và trắng xóa hoa ban như để chào đón đoàn cán bộ cấp cao tỉnh Thanh Hóa sang thăm hữu nghị chính thức tỉnh Hủa Phăn kết nghĩa. Hai bên đường vào khu trung tâm chính trị tỉnh, nhân dân các bộ tộc Lào cùng với quân đội và các cháu thiếu nhi nói dài, trên tay mỗi người đều cầm cành đào vẫy chào làm tôi cứ ngỡ đang mơ.

Đãy núi Ca Na Xa giữa thị xã có dòng Nậm Sầm chảy dưới chân mang hình một đôi tay luôn giang rộng đón bạn bè xa gần. Trên gương mặt mỗi con người ở đây xinh sáng như cánh đào khoe sắc giữa mùa xuân. Mỗi tỉnh Thanh Hóa - Hủa Phăn có từ lâu lắm rồi. Hai tỉnh có chung 192 cây số đường biên giới. Dòng sông Mã qua tỉnh Sơn La đột ngột đổ vào đất Hủa Phăn cứ thế rong ruổi, vật vã suốt 62 cây số trên đất bạn mới chảy vào Thanh Hóa ở Na Tao huyện Mường Lát, rồi hành trình hơn ba trăm cây số qua 11 huyện thị tỉnh Thanh tạo nên hàng trăm thác ghềnh và cơ man huyền thoại. Chính dòng sông Mã quấn quện các dân tộc hai tỉnh lại bên nhau như một cơ thể không thể tách rời.

Tỉnh trưởng Khâm Hùng xuất thân là bác sỹ và đã từng công tác tại Bệnh viện Việt Trung Thanh Hóa nên ông rất am hiểu địa lý và con người xứ Thanh.

Trong cuộc hội đàm giữa hai đoàn cấp cao của hai tỉnh, ông khẳng định rằng trong nhiều thập kỷ qua Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa đã giúp Hủa Phăn vô tư và tận tình ủng hộ nghĩa anh em. Một tỉnh có 8 huyện, 91 vùng và 750 bản ngoài việc tập trung phát triển kinh tế, đảm bảo tốt an ninh quốc phòng hiện đang tập trung xây dựng khu du lịch lịch sử tại Viêng Xay, nơi đã từng là căn cứ địa cách mạng của Đảng nhân dân cách mạng Lào từ năm 1963 đến năm 1975.

Thanh Hóa đã giúp tỉnh chúng tôi xây dựng hàng trăm công trình ở khu căn cứ cách mạng như bệnh viện, trường cấp 3, thủy lợi, thủy điện, đường giao thông và nhiều công trình cho an ninh quốc phòng không chỉ ở thị xã Sầm Nưa mà nhiều nhất là ở Viêng Xay và huyện Xiêng Kho. Trong chiến lược đào tạo nhân lực Thanh Hóa cũng đã làm nền móng nâng cao trí tuệ cho Hủa Phăn để có một Hủa Phăn nhiều hứa hẹn như hôm nay.

Sau những lời đầy tình nghĩa của tỉnh trưởng Khâm Hùng, tiến sỹ Trịnh Văn Chiến, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tóm lược những việc làm được và chưa làm được của hai tỉnh thông qua bản thỏa thuận hợp tác kinh tế văn hóa, an ninh quốc phòng ký ngày 15-6-2006 tại Hủa Phăn.

Qua phát biểu của Chủ tịch Trịnh Văn Chiến tôi được biết, tổng giá trị hàng hóa trao đổi qua cửa khẩu Na Mèo giữa Thanh Hóa và Hủa Phăn là trên 18 triệu USD. Năm năm Thanh Hóa đã giành kinh phí giúp Hủa Phăn gần 20 tỷ đồng Việt Nam, trong đó đầu tư cho các công trình là 13 tỷ và 7 tỷ chi trực tiếp cho lưu học sinh Hủa Phăn đang được đào tạo tại Thanh Hóa. Các bệnh viện đa khoa dọc biên giới đã khám điều trị cho 768 lượt cán bộ và nhân dân Hủa Phăn.

Nhiều việc, nhiều con số đáng nói, đáng nhớ nhưng tôi nhớ nhất trong cuộc hội đàm vẫn là nghĩa tình sâu nặng của hai tỉnh và hai dân tộc suốt mấy chục năm qua. Đồng chí Trịnh Văn Chiến quan tâm nhiều đến an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế của hai tỉnh. Đặc biệt là bảo vệ sử dụng lưu vực sông Mã trên đất bạn hơn 60 cây số. Nếu môi trường nước không được bảo vệ tốt thì nguồn nước sông Mã khi chảy về Thanh Hóa hơn 300 cây số sẽ rất khó an toàn để phục vụ dân sinh.

Trong suốt ngày hội đàm cấp cao hai tỉnh, đồng chí Trịnh Văn Chiến đặt nặng vấn đề đôn đốc sức cho nhau cùng phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho nhau tìm mọi biện pháp xóa đói giảm nghèo thật nhanh và hiệu quả. Tôi nhận ra cách ứng xử trong giao tiếp của vị chủ tịch còn rất trẻ này thật tinh tế và thiết thực ngay trong cuộc hội đàm. Lâu lắm rồi tôi mới thật sự mừng như thế, mừng cho một thế hệ lãnh đạo đầy hứa hẹn với công cuộc đổi mới trên quê mình.



Lễ ký kết hợp tác giữa hai Tỉnh trưởng và hai đoàn cấp cao Thanh Hóa - Hủa Phăn

Kết thúc hội đàm, các doanh nghiệp trẻ Thanh Hóa đã trao cho bạn năm trăm triệu đồng Việt Nam để xây dựng ngay một số căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo tỉnh Hủa Phăn. Các doanh nghiệp hai bên cũng đã bàn định, ký kết hợp tác. Công ty CP được vật tư y tế Thanh Hóa đã nhận đất để xây dựng tổ chức sản xuất và đại lý thuốc chữa bệnh tại Hủa Phăn, còn các đồng chí lãnh đạo hai đoàn cấp cao đi dự lễ khởi công Trường chính trị tỉnh do Thanh Hóa tài trợ tại huyện Viêng Xay.

Chiều ấy, Chánh Văn phòng Tỉnh trưởng đưa chúng tôi đi thăm lại khu căn cứ cách mạng Lào trong các hang núi do quân tình nguyện Thanh Hóa đã làm năm mươi năm trước.

Tháng 8-1961, sau hiệp định ký kết giữa hai nước, công trường 217B được thành lập với hơn 5 ngàn thanh niên trẻ sang mở tuyến đường từ cửa khẩu Na Mèo đi Sầm Nưa và ngược bờ sông Mã lên huyện Xiêng Kho. Công trường do ông Vũ Bá, phó Ty Giao thông vận tải làm trưởng ban. Những năm tháng đầy cam go, đầy bi hùng ấy tôi không mấy khi dám nhắc lại. Chỉ nhớ bao gian nan nhưng tuổi trẻ luôn mang trên chiếc mũ lá câu khẩu hiệu "**Vi tinh nghĩa hữu nghị đặc biệt Việt Lào - Thanh niên Thanh Hóa quyết làm hết sức mình**".

Đến tháng 3-1962, công trường chọn sáu trăm thanh niên khỏe ở toàn tuyến đi nhận nhiệm vụ đặc biệt. Chúng tôi được biên chế từng đại đội, mỗi đại đội vào mỏ và sửa chữa một hang. Công việc chính suốt ngày chỉ có đục đẽo, đập phá các tảng đá chắn lối để mở thành một cái hang rộng và sâu hun hút. Công cụ sản xuất là chông, búa, xà beng và đục sắt. Đá đục ra đến đâu, kèn nhắc vác đổ xuống những vực sâu để xóa dấu vết. Suốt 7 tháng 18 ngày trong hang, có lúc đường tắc, những ai ốm thật có y tá xác nhận mới được ăn cháo bí đỏ nấu với mấy hạt gạo còn người khỏe đi làm thì ăn sẵn gạo nài thiếu muối. Ăn và ngủ trong hang đá, đại đội nào làm đâu chỉ biết đó, tuyệt đối không được giao lưu với bên ngoài. Những trận sốt rét vật vã hầu như không trừ cho một ai nhưng tuổi trẻ hồi ấy vượt lên tất cả. Ngày cuối cùng, chúng tôi được ra ngoài thấy có 5 chiếc xe tải bọc bạt đứng sẵn. Một bữa liên hoan đặc biệt gồm thịt lợn luộc thái sẵn đặt trên các tàu lá chuối tươi giữa trảng cỏ non trước cửa hang. Chúng tôi thỏa sức ăn xôi, thịt luộc chấm với hạt mắc tén. Mấy chục năm rồi tôi vẫn có cảm giác đó là bữa ăn ngon nhất trong đời mình. Khi ăn xong tất cả lên xe

bọc bạt có lính công binh mặc đồng phục bóng súng đứng kiểm tra và không để sót lại một ai vì phải đảm bảo bí mật tuyệt đối cho công trình. Xe chạy suốt một đêm và mãi chiếu hôm sau nửa chúng tôi được đổ quân xuống bến phà huyện Cẩm Thủy để mở tiếp con đường từ xã Cẩm Sơn đi Điện Lư huyện Bá Thước.

Tròn năm chục năm trời trở lại Viêng Xay, tôi bàng hoàng vì cái hầm chúng tôi đục đẽo lại là nơi sống và làm việc của Hoàng thân Xu Pa Nu Vông từ năm 1963 đến năm 1975. Tôi gục đầu vào tảng đá cửa, kệ cho nước mắt cứ trào ra, trong lòng tôi ngổn ngang bao nỗi niềm, bao kỷ niệm xưa cũ trên đất Viêng Xay. Nơi cửa hang này, thàng Sơn quê huyện Hậu Lộc lên cơn sốt rét ác tính, hần nức cổ áo tôi lòi ghì lại đòi thuốc kỹ ninh - thuốc có còn viên nào đâu mà cứu nó. Phải hai giờ đồng hồ quần quai, vật vã rồi mới rũ ra như con chim bị đạn kiệt sức và mới nhắm mắt được. Chúng tôi khâm liệm Sơn ngay ở cửa hang này. Nơi ấy hôm nay tôi trở lại có một cây bưởi xanh tốt đang trở hoa thơm ngát. Mãi đến trưa ngày hôm sau, cả đoàn Thanh Hóa trở vào thăm di tích lịch sử, nơi ở và làm việc của Hoàng thân thì người giới thiệu du lịch mới thuyết minh là cây bưởi do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trồng lưu niệm năm 1975 khi đến dự Đại hội Đảng nhân dân cách mạng Lào trước khi Đảng và nhà nước Lào chuyển về thành phố Viên Chăn.

Căn hầm của Hoàng thân, của cố Tổng bí thư Cay Xôm Phông Vi Hân, của đồng chí Khâm Tày Xi Phăn Đom đều do thanh niên Thanh Hóa mở hồi ấy hiện đang được tôn tạo và bảo vệ nguyên bản cho bạn bè khắp thế giới đến tham quan du lịch. Hàng vạn khách du lịch đến đây nhưng không ai biết tông tích những người đầu tiên vào làm chiến khu này. Tôi hỏi người thuyết minh thì anh cười và bảo:

- Cả Viêng Xay có hàng ngàn cái hang. Còn cái khu này nghe nói là thanh niên tình nguyện Việt Nam làm.

Đoàn cán bộ cấp cao Thanh Hóa dừng lại rất lâu bên chiếc bàn đá đặt ảnh của 7 đồng chí ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào thời ấy. Sáu cái giường gỗ mộc thô sơ còn nguyên để các đồng chí Bộ chính trị nghỉ trưa sau buổi họp. Thật cảm động cho một thời gian khó khăn mà bọn phỉ Vàng Pao cấu kết với phản động ngoài nước chống phá quyết liệt cách mạng Lào thời kỳ còn non trẻ. Và thời ấy, may sao tuổi trẻ chúng tôi có mặt để chúng kiến ý chí quật cường, quyết giành

độc lập dân tộc của Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào.

Từ trong hang quay ra, tôi ngỡ ngàng vì phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa Hoàng Văn Hoàng cùng với một số giám đốc doanh nghiệp Hợp Lực, Tiến Nông, Công ty phát triển công nghệ an ninh đang nói chuyện với người bảo vệ việc gì đó có vẻ quan trọng lắm. Và rồi các anh gửi người bảo vệ một ít tiền để nhờ họ ngày đêm chăm bón cho cây bưởi mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trồng lưu niệm 36 năm trước ở cửa hang lịch sử này.

Mùa này rừng Viêng Xay vẫn tràn ngập hoa đào đá. Những cây đào bao đời mọc tự nhiên phải ngửa mặt lên mới nhìn thấy màu hoa rực rỡ. Và trên hồng các núi đá trùng điệp nối nhau mùa hoa ban, hoa mạn như đến sớm hơn làm sáng cả một vùng núi rừng.

Hủa Phăn, vùng đất, vùng rừng trùng điệp đã gắn quăng đời đầu trẻ trung của tôi với bao kỷ niệm khó phai trong ký ức. Đêm cuối cùng của cuộc trở lại mảnh đất xưa cũ sau bữa cơm là mùa Lăm vông- điệu múa truyền thống lâu đời của dân tộc Lào như có sức cuốn hút những ai đến với đất nước triệu voi này "... Ở này có gái Lào... mùa một mình sao nó không đẹp..."

Điệu nhạc Lăm vông dập dồn, cuốn hút dòng người nối nhau thanh thản và bình yên.

Mãi tận khuya, tôi về khách sạn đang mơ màng định đi nằm thì tiếng gõ cửa làm tôi giật mình. Cửa bật mở. Anh Hoàng Văn Hoàng, phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy bảo tôi:

- Ta đến một nơi đặc biệt nữa rồi về hãy ngủ.

Mười hai giờ khuya, xe chạy vòng vèo qua bao đồi núi đến một khu nhà rộng rực ánh điện, tôi nhận ra Tỉnh trưởng Khâm Hùng và Chủ tịch tỉnh Thanh Hóa Trịnh Văn Chiến đang có mặt ở khu nhà này. Chúng tôi lặng lẽ cắm từng cây hương bên các hài cốt quân tình nguyện Việt Nam vừa được quy tập.

Trung tá Lê Bật Phong đội trưởng đội quy tập của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa cho biết:

- Đợt này ta cùng bạn đã quy tập thêm về đây được 133 hài cốt của các đồng chí hy sinh trên đất bạn. Hiện nay đội chúng tôi cùng bạn đang tập trung xác minh danh tính từng người trước khi đưa về nước. Trong số hài cốt quy tập đợt này về chủ yếu là bộ đội nhưng có cả thanh niên tình nguyện, có cả những người hy sinh tử kháng chiến chống pháp.

Chúng tôi đứng mặc niệm rất lâu bên căn nhà đặt hài cốt bao người con Thanh Hóa hy sinh qua nhiều giai đoạn khác nhau nhưng tất cả lặng im, không ai nói lời nào. Tôi như đang ở cõi mộng du xa lắc, tôi ngửa mặt nhìn những ánh sao chói với trên nền trời khuya cứ muốn kêu lên "*Sơn ơi! Bạn bè năm chục năm trước ơi! Liệu chúng mày có đưa nào trong số 133 hài cốt đợt này đưa về quê không? Thời ấy chúng mình đói, rét và sốt rừng thì nhau hành hạ nhưng đất nước Lào và đất Hủa Phăn hôm nay bình yên lắm rồi, đẹp lắm rồi!*"

Một đêm thức trọn. Nhớ buổi sáng hôm đoàn vừa đặt chân đến đây, khi vào thấp hương viếng nghĩa trang quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên đất bạn Lào, tôi đã khóc.

Hôm ấy anh Trịnh Văn Chiến nói với tôi ý định sẽ xây một đài tưởng niệm quân tình nguyện Thanh Hóa trên đất huyện Nậm Xôi sát biên giới cửa khẩu Na Mèo. Tôi mừng lắm.

Tôi ao ước một ngày nào đó, có một nông trường có ngàn vạn con trai, con gái tỉnh Thanh sang sống cạnh đài tưởng niệm để xây dựng, để trồng rừng, để chăn nuôi đại gia súc, để sinh sống và đưa nền kinh tế hai tỉnh phát triển thật nhanh để mong sao không còn ai phải đói nghèo. Thế hệ trẻ ấy sẽ sinh con đẻ cái, sẽ sống hạnh phúc ở vùng đất đầy hứa hẹn và mệnh mông này, họ sẽ làm đẹp cho vùng đất mà cha ông họ đã đổ mồ hôi xương máu gìn giữ tình hữu nghị đặc biệt của hai dân tộc, hai nước Việt - Lào. Chào Sầm Nưa, Xiêng Kho, Viêng Xay...

Chào dòng Nậm Sầm bao đời ngân nga dàn nhạc nước bên những rừng hoa đào, hoa mạn, hoa ban.

Nhớ lắm, lưu luyến lắm đất nước Lào mến khách và bình yên. ■

HOÀNG VIỆT HẰNG

Lịch một bờ vai

Lý ra cha con phải dạy con điều này
khi mới lớn, bao nhiêu điều bí ẩn
bí ẩn lời yêu, bí ẩn đường đời
con không học, đi đường bằng cũng vấp.
có những điều mẹ không hiểu lắm
thế giới của con ngán gọn thế kia ư?
chỉ nói một câu, làm sao mẹ nhớ
tóc trắng trên đầu quên nhớ cũng như mưa.
bờ vai ngang mẹ gánh lịch trời trưa
phải dạy dỗ con trai đi đường dài thật khó
nhưng mẹ không thể thay giọng cha con
nghiêm khắc ở cung đàn
lịch một bờ vai mẹ ngồi so trong đục...
thời thì đàn không lời
tả tơi cùng mưa gió...

Vịn vào rêu

Hun hút lối mòn đủ bàn chân đi
xung quanh ngọc cỏ xanh
sông Châu lặng như mặt giấy
xa ngái một ngôi chùa bỏ đấy
ít dấu chân người lại qua
rêu phong thăm cả rêu phong
mắt ta chạm đến rêu phong
lòng héo ủa bỗng nhiên tươi dịu
thập thững bước chân ta thập thững
vịn vào rêu
để không ngã vào chính lòng mình.

PHẠM QUỐC CA

Hoa chờ em

Trời buồn heo heo giá lạnh
Đất vàng lên nắng đã quý
Hoa lả lướt cùng cao nguyên gió
Mùa nổi niếm mây trắng thiên di
Ai phơi gấm đối cao lũng thấp?
Tha thân anh đi
mãi chẳng hết chiều
Em có về khi hoa báo nắng
Gợi kỷ niệm vàng những lối yêu?
Đợi chờ em
Cỏ hồng sương tím
Trập trùng xa sóng núi cao nguyên
Lòng anh như đã quý đến hẹn
Vàng rục mùa hoa chờ em.

Trang thư bầu trời

Tròn một năm xa
Mùa đông lại đến
Giò vèo đưa
Tùng trận én sang sông
Những - con - chữ - cánh - chim gửi về em đó
Trang - thư - bầu - trời
Em đọc ra không?

HỒ PHONG TƯ

Học lái xe

Này còn, này số, này ga, này phanh
Vô lăng như vòng luân hồi,
Giữ chặt lấy, hướng về phía trước
Nổ máy,
đi!
Số một chậm nhưng chắc
Xe vào đường, lên dốc
(Nhưng mấy ai thích đi số một!)
Số hai nhanh hơn
Khi đường đã phẳng phiu và không trơn tuột
Đạp hết côn lên số ba
Xe bon về phía trước
Để lại phía sau những mái phố, những khuôn mặt
người
Thân quen câu bụi
Số bốn xe như bay
Như mơ
Nhưng đừng mơ!
Con đường như cuộc đời
Ổ gà, ổ voi...
Chạm bẩy
Khổ nhất là số lùi
Âm thầm, chậm chạp
Tưởng không chịu đựng nổi
Gương trước, gương sau..
mình đối diện mình

Sau mọi cạm thẳng, âu lo
Rối sẽ yên bình
Bài học giản dị nhận ra khi học lái xe
Tiến đã khó nhưng biết lùi càng khó!

Cố hương

Từ bấy ra đi
Đôi lần trở lại
Trở lại mà như khách qua đường ? (!)
Sau một đêm nhọc nhằn
Lại đi...

Chẳng biết cây gạo đầu làng có còn trở hoa ?
Người ấy năm xưa có khi nào bỗng nhớ ?
Trái táo trong vườn ai sang nhặt nữa ?
Chưa một lần dừng đợi bến sông quê!

Con đường sau cơn mưa
Nước đọng vũng như mảnh gương mới vỡ
Hoa mướp vàng hoe
Ánh mắt nào nhìn theo như quen, như lạ...

Mộ cha nằm lặng lẽ
Hoa lau trắng trời...
Thêm một bước
lại thấy con đường dài thêm một bước
Triu nặng
Chân nhang nghiêng ngả
Chai!

Cố hương
Vời vợi...



ĐINH LONG

Không để

Buổi sáng
Người hành khất chia cây đàn
Xin tôi...

Buổi chiều
Người hành khất chia cây nạng
Xin tôi...

Buổi tối
Người hành khất chia lời lẽ
Xin tôi...

Ban đêm
Trong mơ
Tôi xin người hành khất.

À ơi

À ơi, vật đổi sao dời
Cái hoa thành quả, quả rồi thành cây

À ơi, nước hoá thành mây
Mưa trôi ra biển, vơi đáy mùa trăng

À ơi, núi hoá đất bằng
Đêm đêm rơi vật sao băng cuối trời

À ơi, cái kiếp con người
Oa oa tiếng khóc chào đời hoang sơ

À ơi, cái nhện giăng tơ
Con chim tha rác bên bờ xanh cây

À ơi, tơ tóc cũng gãy
Tình vơi thì khổ, tình đầy lại đau

À ơi, tóc trắng trên đầu
Liều xiêu gánh nặng qua cầu nhân gian.

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

LÊN CAO THẤY TRỜI THẤP THẬT

Truyện ngắn dự thi của DU AN

THị trấn trên đỉnh núi. Mới như quả bí đỏ bỏ đời. Dân cũ vốn là hai bản người Thái, bây chừ chọc nhà, ngót nghét ba trăm nhân khẩu.

Dân chưa cũ, chẳng mới là những giáo viên. Thanh là giáo viên mới tinh, tính theo năm X, ngày hôm nay tháng tám. Thực ra nếu xét toàn diện thì Thanh chỉ mới về mặt công chức, cái bằng. Còn mặt đời... đã hai tư tuổi, có chồng, một con gái lên năm.

Thanh có đời sau một năm tốt nghiệp trung học phổ thông. Hỏi sao sớm thế, Thanh cười: Nhìn khắc biết.

Tảo hôn từ xinh gái mà ra. Thanh công nhận, kể ngắn gọn. ... Tán tỉnh, rung rinh, đắm đuối. Trông mặt, có con.

Nhưng lựa, điểm dừng của tất cả mơ ước bao người nhưng vẫn thiếu một cái. Hằng đêm Thanh thở dài, chữ nghĩa hiện về. Bao lần rạo rạo, lựa lúc chống vùi, Thanh nói thật. Chồng nhất trí cho ôn thi, rồi thi đỗ, học một lèo, nhận cái thủ khoa Trung học sư phạm tỉnh. Hôm cầm bằng tốt nghiệp về chống bảo: "Hay là để thư thư vài năm nữa cho cái Thu vào lớp một rồi đi làm". Thanh nản nỉ, phân tích. Chồng chiếu. Có hai buổi tối đánh ở đó đi, mang về cái quyết định nhân công tác tại trường Tiểu học thị trấn N. Chồng bảo: Em chịu khó vùng cao một năm; thành phố, huyện gần không có chỉ tiêu. Thanh bảo: Được đi dạy học là em thích rồi.

Thanh được một mình một phòng tập thể. Đã thế đằng trước một khoảng sân, đằng sau khoảng vườn, rào dậu đẹp mắt. Chị hiệu trưởng bảo có cô mới được như thế đấy, con cháu ông VIP nào bắt mối cho chị kè với. Thanh bảo nhà em lao động, có chẳng nhiều mỡ hơn mọi người. Chị hiệu trưởng cười rung, bầu ngực nâng lên hạ xuống.

Hai tháng trôi qua, Thanh bắt đầu biết cái tai hại của mình. Tối nào cũng khách. Anh trưởng chi nhánh ngân hàng, anh phó phân viện, anh hạt kiểm lâm và nhau chan chát. Được cái có học, không ai đánh ai. Nhưng bàn ghế, ấm chè cứ nóng suốt bốn tiếng đồng hồ. Họ chuyện cho vay, chuyện mỗ xè, chuyện bắt gỗ... không ai nghe ai mà rôm rã. Thanh, người chứng kiến chốc lại... Thế à? Thế à? Đôi mắt tròn, làn da bắt điện hồng rục, cái đầu nghiêng xuống vì mệt, tóc xỏa mắt hắt lên, trông càng duyên, càng chưa hiểu biết. Thế là trở tài, y như một cuộc thi chọn rể. Thanh cười thắm khi lóe lên ý nghĩ này. Rồi ý nghĩ tắt ngay khi cái hơi rượu thịt đến gần quá. Thanh xua tay trước mũi, hỏi em làm sao thế, bảo: "Anh hút thuốc kinh quá". Điều thuốc vút xuống đất, giày đi đi, đôi nhấc cao.

Tối nào cũng giống tối nào, tiếng cười nói, tiếng đàn chó nhà ông Pấn tru lên đập tới và nửa đêm. Đêm ở trên này sâu lạ. Nghe hết, tỉnh ngủ hết. Chẳng hiểu ra làm sao, rồi hiểu. Hiểu rồi thì bậm bực chửi vào đêm. Vẫn thế, thì chửi khi tiếng xe máy qua nhà mình. Đi xe máy ai nghe, cái đầu lại đang lẳng lẳng, họa có mà người gỗ.

Thế là lộ tu điểm cô giáo Thanh. Sấm sấm tối, chị hiệu trưởng mặc bộ quần áo ngủ hoa rất to đến. Chị bước vào phòng nhìn ngắm, nhắc cái lọ hoa khen đẹp. Đập đập cái váy, cái váy đung đưa, mắt chị lác lác. Thanh đứng bên ngoài cửa sổ chưa vào. Xem bà này làm gì. A hóa ra là phản khởi động. Bắt đầu vào bài...

- Cô ở đây có buồn không?
- Vùng cao ai chả buồn. Có khi cô mới đến chưa có bạn nhỉ? Để tôi giới thiệu cho mấy anh.

- Mà cô thì thiếu gì anh. Có khi cô cứ nhận rồi chia cho tôi mấy anh lè.
Thanh sải chân bước vào, mời chị uống nước. Chén nước đưa lên cái môi vẫn còn son, loại mười nghìn một thôi. Chén nước cạn. Chị ta vờ mỉm mà con mắt như đang

đổi ngôi chủ sân.
- Hình như chị hôm nay hơi mệt?
- Cảm ơn cô... Tôi mệt vì cô đây này.
Câu chuyện bung ra với yêu cầu, để nghị nhắc nhở lần thứ nhất. Thanh nóng mặt, uống một cốc nước rồi cố ghim, nhẹ giọng bẻ dưới.
Chị hiệu trưởng đắc thắng ra về. Xướng nửa dốc, gặp một xe máy gần ga lên.
- Ai như chú Hoạt phải không nhỉ?
- Dạ. Chị Lan ạ. Anh Toàn bảo hôm nay đến chị mà lại phải về huyện họp. Một mình em buồn quá. Hoạt nhân nhờ, ngoáy ngoáy cái đầu chẳng ra đàn ông, chẳng ra đàn bà.
- Chú liệu liệu với nhân viên của tôi đấy.
- Vàng. Cùng là cán bộ cốt cán của huyện chị yên tâm.

Người đàn bà thấy mình lên cao. Có cái gì cứ mơn man da thịt, đang bờ xuống những mùi thịt bánh mì dưới bụng. Màn đêm thoát mệnh mỏng khi cái xe máy rú ga, xa dần.

Đàn bà có một cái rất yếu là chẳng biết giữ một miếng võ riêng cho mình. Dù chức vị quyền cao đến đâu vẫn là đàn bà. Lan lấy cái việc mình vào tận cái tổ đêm đêm làm quà cho công luận. Chết thật, giờ giải lao, họp các cơ quan, đơn vị trong thị trấn chị ta cứ làm như mình vừa đi họp quốc hội về, sung sướng cái mồm. Vừa hiệu trưởng vừa đàn bà trong một sự việc rất chi là sinh hoạt... Tôi cương quyết yêu cầu cô Thanh. Tôi thông cảm thiếu vắng nhưng không có nghĩa là mặc kệ đạo đức. Tôi khổ lắm chứ, có ra làm sao thị trấn, rồi phòng lại gọi tôi lên. Bối gió chất trấu mặt tôi trước chữ. Mặt tôi là mặt giáo dục của toàn cụm vùng cao này. Giới ạ! Phải em gái tôi, tổng về quê làm ruộng luôn, giáo mới ướt thế đấy... Có anh cười thắm. Có anh lắc đầu. Có chị nắm tay, lời ra bảo chưa đâu vào đâu đừng có bỏ bỏ cái mồm như thế. Chị ấy đại rồi, chị Lan nổi sung lên... Bỏ là bỏ thế nào, không sâu sát thì làm cái gì. Thời thì chịu, sống lâu lên lão bà, lão bà có mang cái đầu của đứa bé thì cũng chịu.

Thanh bị đòn. Mãi hôm ra chợ mới tường. Mua thịt bảo chị cắt cho em ba lạng. Cát ra bốn lạng, bảo chỉ ba lạng thôi, hơn em không lấy. Chị hàng thịt nhoay nhoáy con dao. Tích tắc, còn ba lạng rưỡi. Thanh than thở, bắt em ăn mấy ngày đấy... Thật đúng là hàng thịt. Không hiểu sao Thanh lại nói thế. Động vào tổ kiến lửa rồi. Chị ta ném con dao xuống phân, tay chống nạnh. Có mà cũng phải kệt à. Lương chắc chẳng

bao giờ phải động đến. Hôm nay chắc nhớ cái mồn hươu nai nhà cô. Tôi vô phúc. Không ngờ ở đây cũng có một người chữ nghĩa, rĩa mắt. Thanh nóng bừng mặt, rồi rút nhanh tiền trả. Kính nghiệm dạy cô rằng những chỗ bụi bặm như thế này tốt nhất là chịu nhì.

Hôm sau, mấy anh khách cũ bị Thanh thôi lịch sự, thẳng thắn:
- Các anh đã có gia đình. Em cũng có chồng con. Anh em vùng cao chơi với nhau có chừng có mực không người ta dị nghị.
- Chúng ta có làm gì đâu mà sợ. Được nói chuyện với em một buổi, anh thấy ngày tháng hết lè thế. Buồn lắm em ạ... Biết làm sao...

Lời nói của Thanh không mấy chuyển biến. Tối sau, không anh này thì anh kia đến. Chết nỗi, Thanh không đủ võ học để thô thiển. Chuyện vắn chuyện, nghe vắn nghe, và không thể làm lo lem hay mượn bộ quần áo rách mặc vào cho các anh phát chán. Thanh lo lắng, nhiều đêm giặt thối khi nghĩ đến chị hiệu trưởng. Sẽ lần nữa chị ta đến, chắc chắn là bà la sát bát ngát.

Cái cục lo lắng của Thanh một ngày giải thoát từ trên trời rơi xuống, như mặt gấu sìn có người đem cho đứng lúc sung vù.

Lâm hai một tuổi, quê Thái Bình, học Trung học Sư phạm dưới quê xong, không xin được việc. Ông cậu, phó chủ tịch huyện bảo ở dưới ấy không nói làm gì, chứ lên đây, đơn giản như đi gặt. Quả đúng, khuôn mặt măng tơ của Lâm đã ngồi ở hàng ghế giáo viên trường tiểu học Na Sa ngay ngày mồng năm tháng chín. Chẳng cần nói, người ta đọc ra, nề vì, con cháu nhà sếp. Sếp nào không biết, đều là sếp.

Từ trường Thanh sang Na Sa có hai cây số. Sau vụ bà Lan hiệu trưởng, hàng thịt. Thanh hay sang đó chơi. Trường chẳng có đứa nào cùng khóa nhưng Thanh biết chúng nó vì cùng dân phố lên đây.

Trường Na Sa ở trên đồi, từ đó nhìn xuống, bên phải đường từ bản Thái ra, bên trái đường bản Mông xuống. Thanh cùng đám bạn ngồi tán gẫu bên gốc muỗm.

Cái Hoa nhà C9, làm sao áo toàn nhựa chỗ để, tóc nó được cái vẫn dài nhưng chẻ ngọn. Trên đầu, xuôi xuôi dưới lưng, phần đuôi... một khoảng bên trên xù lên. Thanh thấy thương thương làm sao. Thanh hỏi tích cóp được nhiều chưa? Hoa bảo cũng được hơn chục rồi, lè ra hơn hai nhưng đạo đầu năm phải đưa chống đi cai hai lần. Tao định bằng mọi giá sang năm phải chuyển vùng được. Cái Hòa nhà tao lên lớp mười, dứt

khoát phải gần mẹ. Thanh thở dài: Bây giờ nhiều người có tiền lắm, cả quyền nữa. Thời thì cứ quyết tâm, thấy hoàn cảnh mình người ta sẽ thương.

Cái Bình ngồi nghịch di động. Thành thoáng tự nói: Nhờ mới chả nhưng, có giới thì tối nay lên đi. Đồ dè, vừa hôm thứ ba cho một trận phải chống gậy về, hôm nay còn muốn chết. Thanh hỏi: Cái lão ấy còn hay thôi rồi. Bình cong môi, uốn từ phải sang trái: Năm sứt chứ gì? Xưa rồi. Thành đang trong cái a lè là thứ ba. Người ngợm thế nào, hôm nào đưa sang chỗ tao chơi. Khủng khiếp, nhất là hồi nách. Thế nên mày chỉ nhân tin à...

Cả đám phá lên cười. Hoa bảo hồi nách hay mồm thối, không nghiệm ngập, cờ bạc thì cười đi. Cười! Lão ta cũng chưa muốn, mà tao cũng chưa, tao yêu cầu lão... mua đất phố là một, chữa hồi nách là hai. Lúc ấy chữa mấy tháng lên xe hoa cũng OK.

Thanh thấy ghé ghé. Thanh lấy chống sớm nhưng may mắn. Huy màu làm ăn nhưng chân chỉ, hiển lành, hiểu và chiều vợ. Thanh lên đây cũng chưa nghĩ ngày về. Về, mình về có nghĩa là những đứa như Hoa sẽ mất đi cơ hội; hoặc nếu có phải thêm năm năm, mười năm ăn rau muống, cá khô, tháng tháng vượt những tờ tiền nhảm về đích. Chao ôi, ở trên cao mới biết là khó xuống lắm.

- Cái Lâm nhờ được bao nhiêu sơi cho bà Hoa rồi? Đưa đây tao giả tiền. Bình hát hăm.

- Em vút hết xuống đất rồi. Đây. Lâm cùi xuống định nhặt lên thì Hoa cười.
- Giới ạ cô em út của tôi còn quay không. Chưa biết có quê được hết năm nay không.

Lúc này Thanh mới để ý Lâm. Khuôn mặt rất nét, tay thon, chỉ tội nước da hơi nâu nâu. Cô bé này sẽ là bông hoa của thị trấn, rồi sẽ chó sủa, sẽ rập riu. Thanh thấy mình làm sao, năng nạng trong ngực, Thanh nuốt khan, hít một hơi thật dài khi đọc được tên ý nghĩ vừa rồi. Lo, ghen cố hữu đàn bà. Thật chả ra làm sao. Thanh vẫn chả ước có một đứa như người mẫu đến ở chia lửa với mình.

Thanh thử người thả mắt xuống đường. Nắng vàng man dại, cánh rừng màu trắng phản lên như chống chọi, cảm tức. Từ khoảng mờ mờ, trên lối mòn, có mấy đốm đen đen, rõ dần. Ba con ngựa thổ hàng, mấy người Mông uể oải. Hoa đứng lên, vò vai Thanh một cái - Nhớ chống há. Thanh chỉ tay ra xa xa. Lập tức Hoa chạy vào nhà lấy cái bao, lao xuống dốc như ma đuổi. Thanh thấy mình như có tội.

- Khổ thân cái con mẹ này. Làm như mai sẽ chết. Lương chẳng bao giờ dám động. Tại nó cơ, cứ hão huyền chuyển vùng. Năm nay mười triệu, sang năm gấp đôi. Có cỡi trưởng ngồi trên tên lửa cũng chả đuổi kịp.

- Thì hoàn cảnh vậy, biết làm thế nào. Thanh nói với Bình, muốn nhạt nhạt đi cái sự thật kinh người.

- Lâm! Theo mày thì chị Hoa phải làm gì. Mà mày bảo với cậu mày một câu đi, giúp chị ấy đi!



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY



BÍ THƯ TỈNH ỦY KIM NGỌC CUỘC ĐỜI, VĂN HỌC VÀ ĐIỆN ẢNH

(Trò chuyện với nhà văn Văn Thảo về ông Kim Ngọc và tiểu thuyết *Bí thư Tỉnh ủy*)

Khi ngồi với nhau, chúng tôi thống nhất rằng, là kẻ sỹ thì không nói xấu quá khứ, càng không dám chêm trách ai, không mấy ai có khả năng "đi" ra ngoài khoảng không của con tàu vũ trụ thời đại mình. Chúng tôi trò chuyện với nhau chỉ vì nghĩ, nếu không rạch ròi chuyện quá khứ sẽ là bất kính trọng tương lai và rằng nếu vì thế nhĩ với một vài người mà để cái cũ có cơ sống sót làm di họa cho tương lai thì mới thật là bất kính với họ. Là vì chúng tôi tin rằng, nếu còn sống đến hôm nay, những người từng phê phán ông Bí thư Tỉnh ủy Phước Vĩnh sẽ chia sẻ những điều éo le này...

MINH TRIẾT KIM NGỌC

PV: Thưa anh Văn Thảo, lẽ ra phải là Nguyễn Hữu Nhân hoặc thậm chí là tôi, những nhà văn cùng quê với ông viết về Kim Ngọc. Thế rồi anh mới là tác giả tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy", còn chúng tôi thành kẻ vô ơn?

VĂN THẢO (VT): Như tôi đã nói ở lời cuối sách, tôi có mặc cảm rằng, khi ông Kim Ngọc cùng Tỉnh ủy Vĩnh Phú bị kiểm điểm, bị quy kết, tôi đã hoàn toàn ủng hộ việc phê phán những "sai lầm" của ông Kim Ngọc. Dù chỉ là ủng hộ trong lòng thôi, nhưng vẫn là ủng hộ. Tôi viết để giải tỏa mặc cảm, để phê phán cái nhận thức sai lầm một thời của chính mình. Nhưng sao anh lại nói mình là kẻ vô ơn?

PV: Chúng tôi cùng hàng vạn dân Vĩnh Phú thời ấy được hưởng lợi từ nỗi oan ức lịch sử có tên là Kim Ngọc. Nghị quyết 68/TU là của Vĩnh Phúc, khi bị phê phán công khai trên báo Nhân dân và Tạp chí Học tập, tỉnh này đã nhập với Phú Thọ thành Vĩnh Phú, nhưng ảnh hưởng của nó thì còn như mưa bóng mây, những cơn mưa dai dẳng. Tôi nhớ ngay trong tâm thế bị phê phán như gà phải cáo ấy, lời ông Kim Ngọc nói "Đã là nông dân, kể cả nông dân của CNXH thì phải có vườn rau ao cá" vẫn loan truyền trong dân gian. Và thế là việc cấm cử cấm, còn dân Thanh Sơn, Yên Lập chúng tôi thì cứ âm thầm khai phá đất ven đống, ruộng chằm hay đầu thừa đuôi thẹo mà cấy lúa trồng khoai. Cấy thì trưa hay tối, nhưng gặt thì phải gặt đêm, đêm đêm trên các nẻo đường hẹp ven rừng đụn gánh của chúng tôi, của cả Bí thư Đảng ủy Chủ tịch xã cứ va nhau cồm cộp và không ai chào ai. Nhưng, vào những năm 90, tôi đã nhiều lần viết về "khoản Kim Ngọc," ra vào nhiều lần nơi quản lý-tư liệu của tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng không thể mở được các hòm thiếc chứa các nghị quyết cũ vì lý do "tế nhị".

VT: Tôi may mắn hơn anh. Khi mang Giấy giới thiệu của Đại Truyền hình Việt Nam về Vĩnh Phúc, tôi được Tỉnh ủy giữ làm khách 4 tháng, có Trưởng phòng Lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy luôn sẵn sàng cung cấp hay thậm chí cùng nhau đi tìm tư liệu, được bố trí ở căn nhà cấp 4 trong khuôn viên Tỉnh ủy cũ, nơi ông Kim Ngọc sống và làm việc. Vắng vẻ vô cùng, tôi cảm thấy những đêm dài không ngủ của ông, với chiếc điều hòa ông nghĩ về khoán, về cái đói của dân và nhất là về cách làm ăn gian dối của dân - những người được vinh danh là giai cấp cần lao.

PV: Tôi có nghe nói về các ý kiến, các bức thư và gồm cả đơn từ phản đối việc làm phim Bí thư Tỉnh ủy?

VT: Có. Cảm động nhất là thư của người thư ký cho ông Kim Ngọc, nghe đâu có thời phải bán vé số trong Thừa Thiên Huế. Nhưng cũng có người phản đối, cho rằng, Hợp tác hóa chẳng những là phương thức sản xuất của CNXH mà còn của sản xuất hàng hóa và, nhất là còn vì nó thuận lợi cho việc huy động nhân lực vật lực cho cuộc chiến tranh; tóm lại, họ không muốn xối xáo lại quá khứ.

PV: Tôi không tin tác giả những bức thư như thế lại nghĩ như thế, nó chỉ là đồn lầy cuối cùng của giáo điều và của thái độ hời hợt trước lịch sử - một nét tính cách không hay của hết thầy chúng ta. Nhưng anh phải cảm ơn họ, nhờ họ mà anh để cho nhân vật bà Thường nói rất cò sức thuyết phục trong tiểu thuyết rằng "nếu bảo nhỡ có hợp tác chúng ta mới có nhân vật lực đánh Mỹ là không phải với lòng yêu nước của nông dân; thử hỏi, hồi chống Pháp, chúng ta có HTX đâu mà người và của vẫn rầm rập ra trận?" Nhà tôi ăm no suốt thời hợp tác nhờ ông Kim Ngọc, nhưng có 4 trong 5 anh em trai tôi ra trận còn bố mẹ tôi thì vẫn vui vẻ nhận ngày công 2 lạng thóc ươi - vui vẻ với phép vua nhưng sống thật với lệ làng là một bí mật ai ai cũng biết nhưng không ai nói ra.

VT: Không ai nói ra còn vì chúng ta hay "tế nhị" nề ông này, e ông nọ tự ái. Tỉnh Vĩnh Phúc cũ có chưa đến 1 triệu dân, nhưng chỉ trong 2 năm đã có tới 22.000 thanh niên ra mặt trận, nghĩa là hầu hết những người có thể cầm súng của tỉnh này. Tôi để bà Thường nói cái ý tôi hằng ăm ức suốt mấy mươi năm: Nếu bảo có hợp tác mới thắng Mỹ, sao thắng Mỹ rồi, HTX hết lý do tồn tại rồi lại vẫn cứ nhân rộng nó ra cả nước? Mà những người nói thế, hóa ra bảo nông dân bị ép buộc nên mới có sức mạnh ư?

PV: Bây giờ sang một khía cạnh khác của con người ông Kim Ngọc. Ở thời ấy, những người như Đình, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cũ hay quy kết rằng ông Kim Ngọc ảnh hưởng xét lại; còn ngày nay, những kẻ vọng ngoại, coi nước ngoài mới có tư tưởng chứ người mình làm gì mà có được, lại bảo ông Kim Ngọc học khoán của tỉnh An Huy Trung Quốc, anh nghĩ sao?

VT: Tôi không được gặp cha đẻ của khoán hộ, nhưng sau 4 tháng gặp hầu hết những người cùng thời hoặc từng là cộng sự với ông, tôi tin nó là tư duy của ông Kim Ngọc. Trong Thường vụ của ông, có ông Nguyễn Văn Tôn bấy giờ làm Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, người rất có lý luận. Kim Ngọc xuất thân là nông dân, tham gia cách mạng từ năm 17 tuổi, rất thương và tin

yêu nông dân, gần gũi với nông dân. Vì các nét tính cách và sống trong môi trường cộng sự ấy, ông Kim Ngọc nghĩ ra khoán hộ là điều dễ hiểu.

PV: Tôi từng đến xã Bình Định huyện Yên Lạc quê ông. Đó là xã khuất nẻo, nhưng chưa đủ độ hẻo lánh để có thể nuôi giấu cán bộ cách mạng hoạt động bí mật. Đàng khác, như trong sách anh viết, ông Kim hoạt động liên lạc cho Xứ ủy Bắc Kỳ và nuôi giấu ông Trung Chính ngay từ khi còn đi ở cho địa chủ Đình, anh không thấy vô lý sao? Như tôi từng tìm biết, đó là thời ông Kim Ngọc (Nguộc) làm tá điền ở chân núi Tam Đảo. Đó là một đồn điền lớn, chỉ khi nó lớn mới cần khoán cho các tá điền, chứ địa chủ Đình của anh, như anh viết, chỉ có duy nhất Kim làm người ở chân trâu rồi làm thợ cày. Khác với chủ đồn điền, địa chủ vùng châu thổ Bắc bộ giỏi lắm có vài ba hecta ruộng, vợ chồng, bố con, anh em nhà họ đã tự làm què què; rất ít người mướn tá điền. Và tôi ngờ rằng ông Kim không chỉ phục địa chủ Đình cách muối cà ăn cả năm vẫn giòn, mà còn phục cách khoán quân của nó - ở đây là chủ đồn điền Đỗ Đình Đạo, cái đồn điền sau này ta tiếp quản thành Nông trường Quốc doanh Tam Đảo.

VT: Có thể anh có lý. Nhưng, như tiểu thuyết tôi có nói, ông Kim có lý luận hẳn hoi, ông vận hỏi cơ chế cũ: Nếu hợp tác hóa lấy hộ làm đơn vị để tính quy mô (lớn cả xã hoặc cấp thấp là xóm) thì vì sao sau khi có HTX quy mô rồi, anh gạt hộ ra ngoài mà không tính hộ như là một đơn vị sản xuất? Đây cũng là cơ sở cho việc khoán nhóm lao động sau khi khoán hộ bị phê phán.

PV: Anh yên trí, tôi vẫn đang bàn về cơ sở lý luận của khoán hộ. Nhưng cách khoán của Đỗ Đình Đạo (cả giao ruộng thu sản thóc lẫn khoán ruộng thu lợn hơi, bò cừu) nếu có gợi ý cho ông Kim Ngọc, thì khi thành của Kim Ngọc, nó đã thành một tư duy khác: Lợi ích của khoán thuộc về dân, về Hợp tác chứ không phải thuộc về địa chủ, tư sản. Và đó là cốt tử của cách mạng. Nó cũng là cơ sở lý luận để 30 năm sau ông Đặng Tiểu Bình nói câu nổi tiếng ngữ như vu vơ: "Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, quan trọng là có bắt được chuột hay không?" còn những ai chỉ vì quyền lợi của một nhóm nhỏ thì bảo "Bắt được chuột hay không, không quan trọng; quan trọng là mèo đen hay mèo trắng"; họ cũng phải có lý luận của họ chứ?



Nhà văn Văn Thảo

VT: Thật không may là Kim Ngọc đã đi trước quá xa thời đại của mình, chứ nếu không, tôi cũng tin như anh, chính Kim Ngọc mới là người nói về mèo đen trắng. Ông là một minh triết phương Đông, từ thực tế nâng lên thành lý luận, tin vào trực cảm mãnh liệt và tin vào nhân dân của mình chứ không quen thói coi họ chỉ là đối tượng của cách mạng.

TIỂU THUYẾT VÀ PHIM TRUYỀN HÌNH

PV: Trong tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy" nhân vật ông Kim, bà Thường và đặc biệt ông Đình thật sống động, giàu tính sử thi, thú vị nhất là chỗ Đình cứ chốc chốc lại lên chỗ tay thợ ghi âm mà nhắc không được để sót lời nào của anh Trung Chính. Tôi đặc biệt thú vị ở chức năng nhận thức của nó, nếu nó thật là sử thi, thì hóa ra những kẻ đốn ý/ nịnh trên nạt dưới và cơ hội tìm cách tiến thân trên xương máu đồng chí mình đã có ngay từ thời bấy giờ?

VT: (cười) Có chứ, có nhiều ấy chứ và thậm chí chính là do họ nhiều nên mới làm thành "một thực tiễn" kiểu khác, làm cơ sở cho các tin điều giáo lý của trên chứ ai chả từ thực tiễn nâng lên thành lý luận, ai chả lấy thực tiễn để kiểm chứng lý luận, nhất là những nhà lý luận chuyên nghiệp?

PV: Trong tiểu thuyết, anh có để cho khoán hộ thành công lấy lừng hai năm 4 vụ, năng suất từ 1, 3 tấn tăng lên 4, 5 tấn, có nơi 7 tấn một hecta. Trong thực tiễn, khoán hộ và chính sách cho dân khai hoang đất chân đống bìa rừng chưa bao giờ bị dừng tuyệt đối ở Vĩnh Phú. Nhưng đặc biệt thú vị chuyện tôi nghe GS Trần Phương, nguyên Phó thủ tướng, nguyên cán bộ tổ trợ lý Tổng bí thư kể, một sớm kia ông cùng ông Đông Ngọc ngồi uống nước, Tổng bí thư Lê Duẩn từ trong đi ra, đặt mạnh tờ báo có đăng bài phê phán Kim Ngọc xuống trước mặt họ, cười khó hiểu mà rằng: "Các cậu đọc chưa?" rồi đi mà không trở lại vấn đề này bao giờ. Có lẽ vì vậy, từ năm 1968 ông Kim Ngọc vẫn làm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú cho đến năm 1976?

VT: Rất tiếc, tôi không được biết chi tiết này; nhưng đúng là ông Kim Ngọc dù bị phê phán gay gắt nhưng vẫn làm Bí thư Tỉnh ủy đến hết khóa, năm 1976. Năm 1976, trong chuyến lên Vĩnh Phú làm nhân sự cho khóa tiếp theo, đồng chí Lê Duẩn nói với ông Kim Ngọc: "Anh vẫn phải tiếp tục làm việc, dân vẫn cần anh". Nhưng ông Kim Ngọc nhất định xin nghỉ vì sức khỏe.



Nhà văn Văn Chính và nhà văn Văn Thảo trong buổi trò chuyện

Tôi cũng biết, do "án" khoán hộ quá nặng nề, năm 1981 không ra được Nghị quyết TW, mà là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư.

PV: Tại sao lại là VTV cấp giấy giới thiệu cho anh đi tìm tư liệu viết tiểu thuyết?

VT: À, là vì trước đó tôi có làm kịch bản phim cho VTV nên họ nhờ tôi viết kịch bản phim về ông Kim Ngọc. Tôi đã viết kịch bản trước, sau mới viết thành tiểu thuyết.

PV: Thảo nào, tiểu thuyết của anh mắc đúng cái tật mà tôi tạm gọi là tật phim của phim truyền hình.

VT: Tật của phim truyền hình? Tôi muốn nghe cụ thể hơn vì dù sao thì cũng là người có làm kịch bản phim truyền hình?

PV: Cái tật này là nhìn qua mắt của người viết/ đọc tiểu thuyết, chứ rất có thể trong nội hạt nghệ thuật phim truyền hình, nó lại được xem như bình thường, anh không nhất thiết phải tin tôi. Tôi muốn nói đến sự dài dòng, là nhân vật A nói cốt để mới cho B nói, chứ ngoài đời trò chuyện kiểu khác. Phim truyền hình làm ra là để cho 100% cư dân hiểu, vì vậy, nhân vật nói năng phải đầy đủ nội dung điều muốn nói; trong khi người ta khi nói chuyện thường che bớt suy nghĩ thật, nói ý tứ để người nghe đoán ra và nhất là người nói biết người nghe cũng biết rõ điều đang nói, nên không bao giờ nhắc lại điều người nghe đã biết. Vậy nên các nhân vật văn học nói ít để người đọc (có chọn lọc) hình dung ra cái ý ở ngoài lời. Người xem phim truyền hình nhiều khi phải làm nhiều việc vặt, nấu cơm, nhặt rau, lau nhà nên nhân vật nói dài dòng, nói lặp đi lặp lại cũng không sao; khán giả chạy đâu đó một lúc quay vào vẫn xem tiếp và vẫn hiểu đủ. Đó là chưa kể, tập sau vẫn phải "nhắc lại" tập trước làm ã cho lỉnh lỉnh tiếp. Trong tiểu thuyết "Bí thư Tỉnh ủy" có đúng bằng ấy cái tật, đọc nhiều khi phải cố. Cái này nữa, là tật riêng của phim truyền hình của ta: Dùng đối thoại để trình bày cốt chuyện và "nói ra" tính cách nhân vật.

VT: Phê bình là quyền của người đọc. Nhưng, tôi cảm nhận rằng bạn đọc thích "Bí thư Tỉnh ủy". Khi nổi oan lớn được phân giải và khẳng định là công lao, nó làm hả hê nhiều người.

PV: Vâng, tôi đã nói trước, anh không nhất thiết phải tin tôi. Dù sao thì như người ta vẫn nói, "công nghệ làm phim" và "sáng tạo văn chương". Bây giờ mời xin nói kỹ về "Bí thư Tỉnh ủy". Thành công để nhận nhất của "Bí thư Tỉnh ủy", như trên đã nói, là khắc họa thành công chùm nhân vật Kim, Thường và Đình. Có thể thêm Côn và Bao, nhưng họ mờ nhạt hơn. Các nhân vật này chuyên chờ vấn đề đặt ra của tiểu thuyết, khiến nó sống động và có sức thuyết phục cao. Những trang văn khi nói về họ giầu cảm xúc, nhiều chỗ có cảm giác nhà văn đang viết về một ông thành, nhưng, theo quy luật tiếp nhận, bạn đọc vẫn hào hứng đọc. Cái này sẽ gợi ý cho các nhà văn viết tiểu thuyết tư liệu, khi nhân vật đã nổi tiếng từ trước, đã sống trong niềm ngưỡng vọng của dân chúng thì họ chấp nhận những cái phi thường. Xét về góc độ này, đây là một tiểu thuyết thành công.

Tuy nhiên, nó dài quá, hơn 600 trang khổ 18 x 26 (khoảng hơn 800 trang khổ thường.) Giá bớt đi được một nửa, bỏ đi phần dân quân bắn máy bay và các đoạn bom phá cầu đường, bỏ đi những trường đoạn chuyên tranh luận đường lối chính sách. Các nhân vật ai nói năng cũng sắc sảo thông minh, đôi khi nói cái lời mấy chục năm sau mới có trong đời sống (ví dụ: "Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp"...). Đó là những chỗ bạn đọc không quan tâm đến vấn đề của tiểu thuyết để sinh sản.

Dù sao thì cũng xin chúc mừng anh, cha đẻ của tiểu thuyết viết về cha đẻ của khoán hộ.

VT: Cũng xin cảm ơn anh... ■

VĂN CHINH (thực hiện)

HOÀI NIỆM VỀ GIÁO SƯ NGUYỄN TÀI CẢN

NGUYỄN QUANG HỒNG

TÔI những tưởng rằng, với dáng vóc khiêm tốn, lại gầy gầy, và thần thái thì luôn luôn linh lợi, hoạt bát... GS Nguyễn Tài Cản hẳn phải trường thọ, cho đến trọn một trăm năm. Vậy mà ông đã vội quy tiên ở tuổi 86, bỏ lại người thân và tất cả chúng ta, những người quen biết ông, mến mộ ông, trên cõi nhân gian này.

Lần đầu tiên tôi được biết GS Nguyễn Tài Cản là vào cuối năm 1965, gần như cùng thời gian với lần đầu tiên tôi gặp GS Cao Xuân Hạo. Hôm ấy, GS Nguyễn Tài Cản có buổi thuyết trình cho một nhóm những người đang hăm hở đi vào ngôn ngữ học. Ông nói về "tiếng" như là đơn vị gốc, cơ bản, trong hệ thống ngữ pháp tiếng Việt. Đây là một thuật ngữ mới mẻ, mà cách định danh thì rất giản dị, mang tính truyền thống ngữ văn dân gian Việt Nam. Mà thực ra đó chính là một khái niệm làm nòng cốt cho toàn bộ lý thuyết của ông về hệ thống ngữ pháp tiếng Việt, mà sau này ông đã trình bày trong công trình *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng. Từ ghép. Đoàn ngữ* (1975, tái bản nhiều lần). Phong cách thuyết trình của ông rất hấp dẫn, nhưng điều gây hứng thú đặc biệt cho tôi chính là một cách tiếp cận mới vào tiếng Việt, dám thoát ra khỏi "vòng vây của ngữ pháp Âu Tây" (mượn lời của GS Vương Lực), mà lại gắn gũi với truyền thống ngữ văn học Trung Hoa và Việt Nam.

Trong lĩnh vực ngữ pháp, phải kể đến một tác phẩm khác của GS Nguyễn Tài Cản, đó là cuốn *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại* (1975). Tuy cũng ấn hành năm 1975, nhưng chắc là ông đã hoàn thành công trình này từ sớm, trước khi thực hiện công trình *Tiếng. Từ ghép. Đoàn ngữ* nói trên. Đây cũng chính là luận án PTS (nay ở ta gọi là TS) đầu tiên của nước ta được bảo vệ ở Nga. Trong công trình này GS Nguyễn Tài Cản đưa ra "công thức" nổi tiếng "Tất cả những (cái) con NGƯỜI bạc ác ấy" để xác định từ loại danh từ trong tiếng Việt. Bất cứ ai, chỉ cần biết chút ít tiếng "Tây", đều cảm thấy rất khó xác định từ loại cho tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập không biến hình. Danh từ, tính từ, động từ... trong các ngôn ngữ Âu Tây hầu như bao giờ cũng có "cái đuôi" của nó, và chỉ cần nhìn những cái đuôi khác nhau ấy thì trên đại thể cũng đủ nhận ra từ loại của chúng. Còn các đơn vị gọi là "từ" trong tiếng Việt (cũng như tiếng Hán v.v) đều "không có đuôi"! Vậy cho nên phân định từ loại là câu chuyện "đau đầu" cho các nhà Việt học cũng như Hán học. GS Nguyễn Tài Cản tiếp cận vấn đề này từ một hướng khác, ông cố gắng xác lập một chu cảnh với sự phân bố các đơn vị từ ngữ thích hợp, trong đó từ đang xét có thể xuất hiện ở một vị trí cố định. Cái chu cảnh phân bố áp dụng cho danh từ tiếng Việt chính là cái "công thức" nói trên do ông xác lập, trong đó NGƯỜI được xác định là danh từ. Đây hẳn là một cuộc thử nghiệm đầu tiên ở Việt Nam theo phương pháp "phân bố" của trường phái Ngôn ngữ học cấu trúc Hoa Kỳ.

Phải có một học vấn sâu rộng liên quan đến nhiều ngành (ngôn ngữ, lịch sử, dân tộc, ...), phải có một khối tư liệu thực tế dồi dào và đa dạng (văn liệu, ngữ liệu, sử liệu, ...), phải có một khả năng biện luận chặt chẽ, phải có một phương pháp tiếp cận thích hợp và các thao tác làm việc hữu hiệu, v.v. mới có thể nghĩ đến việc dàn dựng một công trình khoa học tầm cỡ như cuốn *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Sơ thảo)* (1995) của GS Nguyễn Tài Cản. Tôi nhớ, khi tặng tôi cuốn sách này, ông có nói rằng nguyên tên sách không phải là "lịch sử ngữ âm", mà là "ngữ âm lịch sử", vì đây là nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt từ góc nhìn lịch sử, theo phương pháp so sánh lịch sử như ở các nền ngôn ngữ học khác vẫn làm.

Đi vào nghiên cứu chữ Nôm, văn tự cổ truyền của dân tộc, GS Nguyễn Tài Cản (với sự cộng tác của GS Nonna Stankevich) đã lần lượt viết một loạt bài và sau đó tập hợp lại trong cuốn *Một số vấn đề về Chữ Nôm* (1985).

Với nội dung này ông bước đầu để cập vấn đề sự hình thành âm Hán Việt, nhưng với chuyên luận *Nguồn gốc và*



Giáo sư Nguyễn Tài Cản

quá trình hình thành cách đọc Hán Việt (1979, 2000), ông mới tập trung nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về âm Hán Việt. Âm Hán Việt là cách đọc có hệ thống của người Việt Nam áp dụng cho tất cả các chữ Hán trong Hán văn và cả trong văn Nôm. GS Nguyễn Tài Cản cho biết: cơ sở của chuyên luận này là một số bài giảng mà ông đã đọc cho sinh viên năm thứ 3, thuộc ngành Hán Nôm, khoa Ngữ Văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học KHXH và NV - Đại học Quốc gia Hà Nội). Tôi không rõ các bài giảng ấy như thế nào, nhưng chắc rằng từ các bài giảng cho sinh viên đến chuyên luận dày dặn này là một khoảng cách khá lớn. Bởi lẽ các anh chị sinh viên, cho dù là thuộc ngành Hán Nôm, khó lòng có đủ kiến thức cần thiết, đặc biệt là kiến thức về Âm vận học truyền thống Trung Hoa với đầy rẫy những khái niệm khúc mắc, để có thể đọc "thấu" được cuốn sách này.

Mấy năm trước đây, khi GS Nguyễn Tài Cản chuyển sang sinh sống và làm việc ở Moskva, không trực tiếp giảng dạy được, Khoa Ngôn ngữ ở Trường Đại học KHXH và NV đã mời tôi thuyết trình và hướng dẫn một số học viên Cao học đọc cuốn sách này của ông. Đây là một nhiệm vụ cực kỳ nặng nề đối với tôi, nhưng "việc nghĩa khôn từ", tôi đã cố gắng thử sức. Kết quả là các học viên nắm được ít nhiều những gì được GS trình bày ở phần đầu cuốn sách, còn phần sau hầu hết họ đều lắc đầu... "chịu chết". Thực ra, tôi nghĩ, với GS Nguyễn Tài Cản, giảng đường đại học là môi trường học thuật, và người thầy cần phải giảng giải về những bước đường và kết quả nghiên cứu của mình cho học viên, gợi mở và dẫn dắt họ đi vào con đường nghiên cứu khoa học. Rồi từ những bài giảng dễ hiểu như thế, giảng viên tiếp tục đào sâu, nâng cao để cuối cùng soạn thành giáo trình mang tính chuyên luận.

Song song với những công trình lớn như trên đây, GS Nguyễn Tài Cản đã viết trên dưới một trăm bài nghiên cứu, lần lượt đăng ở các tạp chí trong nước và nước ngoài. Chỉ mới khoảng hơn một phần ba trong số các bài viết ấy được tập hợp lại và được ông cho in thành tập *Một số chứng tích về Ngôn ngữ, Văn tự và Văn hóa* (2001).

Từ sau khi chính thức nghỉ hưu, GS Nguyễn Tài Cản hầu như dồn hết tâm sức vào lĩnh vực nghiên cứu Ngữ văn Hán Nôm.

GS Nguyễn Tài Cản tặng tôi cuốn *Thử tìm hiểu sơ thảo Đoạn trường tân thanh* nói trên vào dịp Tết ta đầu năm 2009. Hôm ấy tôi đến thăm và chúc Tết ông, có ngờ đâu... đây là lần cuối cùng! Hôm ấy là ngày 21-01-2009, cách nay đã 2 năm. Trước đó chừng hơn một năm, tôi đã bùi ngùi ngồi viết những dòng hoài niệm về GS Cao Xuân Hạo. Còn giờ đây, bàn tay tôi run run gõ từng chữ một lên bàn phím, để ôn lại những điều tôi tâm đắc từ các công trình lực lưỡng của GS Nguyễn Tài Cản để lại, cùng với những kỷ niệm ấm lòng mà tôi có được qua những lần được trò chuyện cùng ông. ■

MỘT MÌNH ĐẾN MỸ

Bút ký của CAO DUY THẢO

ANH chị Ba tôi ở Mỹ mời tôi sang chơi. Anh rể, chị ruột. Qua Mỹ từ năm 1994 theo diện H.O, nhưng vì tuổi tác đã cao nên anh chị tôi quyết định chỉ nhận thẻ xanh thường trú mà không thi nhập quốc tịch. Thành ra Bảy (tên gọi theo thứ), con của anh chị có quốc tịch Mỹ đứng ra làm thủ tục bảo lãnh cho tôi. Thực tình mà nói, tôi rất khoái kiểu đi này. Tôi một lần đi Liên Xô khi quốc gia này chưa tan rã và hai lần đi Trung Quốc, trong đó một lần bằng con đường du lịch lữ hành khá thú vị. Kinh nghiệm cho biết, là một nhà văn thì chuyến đi có đôi chút "bụi bặm" bao giờ cũng đem lại nhiều hứng thú hơn khi được là thành viên của một đoàn mang danh nghĩa nhà nước - một cuộc thăm viếng hữu nghị giữa hai tổ chức quần chúng chẳng hạn, ở đó, bởi nhiều lý do, bạn thường chỉ được nghe những lời chúc tụng xã giao, đôi khi khách sáo. Nhưng cho dù như thế thì vẫn còn hơn là chẳng có cơ hội đi đâu, hưởng hồ nơi đó lại là nước Mỹ.

Vé máy bay của tôi đặt trước hai mươi ngày. Dò trên mạng, có rất nhiều hãng hàng không chào mời: VIETNAM AIRLINES, AIR FRANCE, KOREAN AIR, CHINA AIRLINES, UNITED AIRLINES... Thú thật, thoạt đầu tôi rất khoái KOREAN AIR vì nghe nói trên các chuyến bay của họ có tiếp viên biết nói tiếng Việt, lại được quá cảnh Seoul 8 tiếng đồng hồ cho khách đi tham quan thành phố, trước khi vượt Thái Bình Dương. Cái "bất tiện" của đường bay này là khi đến Los Angeles còn phải chuyển qua hai chặng máy bay nội địa nữa, mà những người mới đi Mỹ lần đầu như tôi đều rất ngại kiểu đi chuyển như vậy. Cuối cùng tôi chọn UNITED AIRLINES, vì khi đến Mỹ tại San Francisco chỉ phải qua một chặng máy bay nữa là đến Saint Louis, thành phố nơi anh chị tôi ở. Và còn một lý do khác không kém phần quan trọng: Giá vé của hãng UNITED vào thời điểm đó "mềm" hơn hãng KOREAN đến những 300 đô...

Tôi khởi hành từ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 8 tháng 9, trên chuyến bay mang số hiệu UA862, phải quá cảnh tại Hồng Kông. Mới 4 giờ sáng, vợ chồng Việt và người em cột chèo bên vợ đưa tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất. Vợ chồng Việt còn vô tận phòng làm thủ tục, giúp tôi lấy vé chính thức. Tất cả êm xuôi. Trước khi bước qua cổng kiểm tra an ninh, Việt dúi vào tay tôi quyển "Sư Tử Tuyết Bầm Xanh" tập truyện cổ Phật giáo Tây Tạng, nói là để đọc trên máy bay đỡ buồn chán. Thế là bắt đầu từ đây chung quanh tôi không còn ai là người thân. Tôi phải tự thân vận động một mình...

Máy bay hạ cánh xuống phi trường San Francisco lúc giữa trưa. Đường băng nằm bên vịnh biển ăn sâu vào đất liền, dọc theo bờ vịnh có nhiều chiếc cầu nhỏ vươn ra trên mặt nước. Có thể nhìn thấy bờ bên kia thấp thoáng những mái nhà màu vàng nhạt ẩn trong cây xanh. San Francisco theo tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là "Thành phố Phanxico". Thành phố nằm trên mũi của bán đảo cùng tên, là đô thị đông dân thứ 4 ở tiểu bang California và là đô thị đông dân thứ 14 ở Hoa Kỳ. Từng bị tàn phá trong động đất và hỏa hoạn năm 1906, San Francisco sau đó nhanh chóng được xây dựng lại. Từ lâu người ta biết đến nơi đây có các địa danh nổi tiếng như: Cầu Cổng Vàng (Golden Gate), đảo Alcatraz, xe điện cáp, tháp Coit, China town... Phi trường San Francisco cách trung tâm thành phố chừng 13 dặm (21km) về phía nam, khá rộng, do ít bị các cao ốc che chắn nên thoạt nhìn hơi có phần trần trụi, hoang vắng...

Sau khi gửi lại hành lý, tôi lang thang theo chân máy hành khách đi tìm cửa làm



Cầu Cổng Vàng, nơi được coi là biểu tượng của thành phố San Francisco

thủ tục check in. Đứng như dự đoán ở nhà, đến chặng *tang-bo* sang đường bay nội địa là gặp ngay rắc rối. Cái tấm vé từ San Francisco đến Saint Louis tôi nhận được tại cửa khẩu Tân Sơn Nhất có những khoảng trống thiếu thông tin. Nó không cho biết cửa đi Saint Louis rẽ lối nào. Cắm tấm vé chen giữa đám người xa lạ, hết rẽ trái rồi rẽ phải, tôi khi ngờ ngờ... nhận ra mình lạc đường, tôi đành quay lại. Biết hỏi ai bây giờ? Những người Việt cùng chuyến với tôi chẳng còn ai - vừa tới ga đầu tiên trên đất Mỹ họ đã nhanh chóng tỏa hết về các ngã... Chợt phát hiện phía trước bà nữ tiếp viên hàng không mặc đồng phục, đầu đội bê-rê, tay dắt túi xách kéo, tất cả đen tuyền, đang đi tới. Chờ bà có đến gần, tôi chìa tấm vé của mình ra.

"Help me...", tôi nói.

Họ đứng bước. Một cô mắt xanh trong bọn đón tấm vé trên tay tôi.

"Ồ... ồ...", cô ta thốt lên vẻ ngạc nhiên.

Quay sang nói nhỏ gì đấy với bạn, rồi trao túi xách kéo của mình cho họ, cô mắt xanh ra hiệu cho tôi theo sau. Cô ta dẫn tôi đi ngược lại hướng bà cô vừa đi một đoạn xa rồi đột ngột rẽ trái - đúng cái ngách rẽ lúc này tôi bỏ qua - đến đầu một cầu thang cuốn dẫn xuống tầng dưới. Gặp hai bà khách người Mỹ tuổi sốn sốn cũng vừa đến đó, và chỉ sau vài câu trao đổi, chắc là do công việc thúc bách, cô mắt xanh chóng vánh "bản cải" tôi cho hai bà nọ đưa đi tiếp. Vợ vàng đến mức khi tôi vừa "Thank you" thì cô ta đã mất hút vào đám đông, chỉ một cánh tay là còn lơ lửng vẫy vẫy thay lời chào...

Hai bà người Mỹ và tôi được cầu thang đưa xuống tầng trệt, tiếp cận với dãy hành lang dài có nhiều ngã rẽ. Hai bà đi trước, chốc chốc nghiêng mặt ngó lại, ý chừng sợ tôi lạc mất. Tuy bất đồng ngôn ngữ nhưng tôi cũng biết cách làm cho hai bà bớt lo lắng bằng việc không để mình lọt lại quá xa. Rồi cũng tới được nơi cần tới... Tôi nhận ra điều ấy khi hai bà người Mỹ đứng bước chỉ cho thấy một bảng điện tử lớn đặt tại phòng chờ, trên đó nổi lên dòng chữ: *To St Louis*... Lúc từ biệt để quay trở lại đường đi của mình, hai bà người Mỹ vốn vẫn bắt tay tôi. Tôi nói "Thank you", hai bà cũng "Thank you"... Sao vậy? Những phụ nữ tốt bụng dù ở đâu cũng không khó nhận ra. Và tôi đoán rằng đó là cách để hai bà thổ lộ niềm vui của mình khi có được cơ hội giúp đỡ người khác...

Bây giờ, việc còn lại của tôi là chờ đợi. Tôi thử phào chọn cho mình một chỗ ngồi tại phòng chờ và bắt đầu nghĩ tới cái điểm đến có hậu lúc cả gia đình anh chị tôi ra

đón... Nhưng cuộc đời vốn không đơn giản. Máy bay cất cánh, rồi từ từ hạ cánh... Tôi loáng thoáng nhận ra dưới kia một Saint Louis rợp trong cây xanh và ít nhà cao tầng. Phía xa, ngay bên rìa cánh bay là dòng Mississippi uốn lượn mềm mại hơn mọi tưởng tượng của tôi, khi trong sử sách nó được ghi danh là con sông hùng vĩ nhất của nước Mỹ. Mấy phút sau tôi rời máy bay đến thẳng khu vực bằng chuyển rời nhanh chóng cùng với chiếc xe đẩy đưa hành lý lách qua hai cánh cửa khép mở tự động, nhằm tới cái khoảng trống phía bên kia một nhà hầm để xe. Hoà ra tại đây có một trạm xe bus. Đã cuối ngày, dăm ba hành khách về thờ ơ đứng đón xe bên vệ đường. Nhưng tuyệt nhiên vắng bóng những người tôi chờ đợi...

Ở Nha Trang tôi chơi thân một ông bạn già giỏi tiếng Anh vốn là luật sư dưới chế độ cũ. Ông có hai đời vợ. Bà vợ trước đẹp nói tiếng thành phố biển, sau khi sinh lién cho ông bốn người con, cả trai lẫn gái, tự đứng chèo chống "củ lẩn" bèn bỏ ông đi lấy một MP Mỹ nhỏ hơn bà 5 tuổi, rồi dắt nhau qua Mỹ sống. Sau giải phóng ít lâu, người con trai lớn của ông bạn tôi vượt biên sang Mỹ gặp mẹ, ở đó anh ta làm ăn phát đạt, trở thành ông chủ một tiệm *Nails*. Bà vợ trước bạn tôi tuy bạc tình, nhưng anh con lại rất hiếu đễ với cha. Anh bỏ ra một số tiền lớn để làm thủ tục bảo lãnh đưa cha và người mẹ kể sang Mỹ... Tại xứ người ông bạn tôi được nhận thẻ xanh và hưởng lương trợ cấp người già, nhưng ở chưa tới 3 tháng bỗng ông "trở chứng", một hai đời về nước. Ông bảo người già bên đó chẳng thiếu thứ gì, chỉ niềm vui quá hiếm hoi... Về tới Nha Trang, nghe tôi sắp một mình dẫn thân đi Mỹ, ông gọi điện và mò đến tận nhà đưa cho một phong bì dán kín.

"Anh bỏ thứ gì trong đó?", tôi hỏi.

"Bảo bối", ông bạn cười. "Có điều phải đến Mỹ mới được mở ra. Khi nào anh thấy cần một lời khuyên..."

Thì đã sao, cứ coi như đó là chút đùa giỡn của ông bạn già. Tôi vui vẻ bỏ chiếc phong bì vào ngăn trong của túi xách rồi quên bẵng. Ấy vậy mà bây giờ, khi một mình bơ vơ bên cái trạm đón xe bus này, nó lại đột ngột hiện về trong trí nhớ của tôi... Tôi bèn lục túi lấy chiếc phong bì và mở nó ra như lời ông bạn dặn. Thật lạ, "Bảo bối" chính là một tờ giấy vớ tập kẻ ô, trên đó ghi những lời thỉnh cầu bằng song ngữ Anh-Việt, đại loại như: xin chỉ giúp tôi quầy làm thủ tục check in cho chuyến bay...; xin chỉ giúp tôi cửa lên máy bay ở đâu...; xin cho tôi nước uống (chọn loại mình thích)...; vân vân... Nghĩa là đủ cả, nhưng có một thứ tôi

rất cần lúc này là chiếc điện thoại để liên lạc thì... Trời đất! nó cũng có ở đây rồi: *Please let me borrowed cell phone to call... Thank you!* (Xin làm ơn cho tôi mượn điện thoại gọi về...). Tôi gấp tờ giấy chứa lại mấy dòng chữ trên toan tính đem đi hỏi những người chung quanh. Đầu tiên là hai nữ cảnh sát da đen đứng ở đầu trạm trông rất oai vệ với mấy bộ đàm và chiếc công số 8 sáng loáng nơi thất lưng, họ đang làm nhiệm vụ, nên tôi bỏ qua. Tiếp theo là anh chàng da trắng đáng voi tượng liên tục nhúc nhích chiếc cằm theo điệu nhạc phát ra từ hai chiếc *phone* gắn ở tai, vừa nhìn thấy tờ giấy tôi đưa đến, "con voi" lập tức nhún vai từ chối. Rồi đến lượt một ông râu xồm ngay cạnh đấy, nhưng ông này không hiểu vì lý do gì không mang theo điện thoại, đành giở hai bàn tay trắng của mình ra phân bua. Đứng lúc một chiếc xe con ghé lại trạm, chắc ai đó đón người nhà. Từ trên xe bước xuống một bà tóc nâu, và lạ thay, cái vật đầu tiên bà chạm tới lúc ấy chính là tờ "bảo bối" của tôi...

"Yes, yes..." - bà tóc nâu phản ứng tức thì, chui lại vào ca-bin xe lấy chiếc điện thoại của bà đưa cho tôi.

Tôi bấm ngay số đi động của Chin.

"Chin à. Cậu đây..."

Chỉ vừa có vậy, phía đầu máy bên kia bật lên tiếng reo đến lạc giọng của Chin.

"Úi trời... cậu ơi! Cậu đang ở đâu?... Cả nhà ra sân bay đón cậu suốt từ chiều tới giờ mà không thấy! Cậu đứng chỗ nào?"

"Đã ra đến cái trạm đón xe bus rồi..."

"Thôi chết cậu ơi! Từ nhà ga ra bên ngoài chỉ thẳng một đường, đâu có cái trạm xe bus nào... Hay là cậu xuống sân bay nào khác cơ cậu?"

"Cái thằng! Vé máy bay của cậu còn đây. *To St Louis*... sao mà xuống lộn chỗ khác được. Thôi để cậu kêu taxi..."

"Khoan khoan cậu ơi! Xin cậu đừng tắt máy... Cậu mà taxi thì con chết với ông bà già... Cứ đứng yên đấy nghe cậu... Con tới liền nè..."

Chin hỗn hển, vội vàng. Thực ra từ chỗ Chin đến cái trạm đón xe bus nơi tôi đứng, không xa lắm. Mấy phút sau, chắc là đã có người mách bảo, tôi thấy Chin nhảy bổ ra từ phía nhà hầm để xe, nhào tới ôm lấy tôi. Đã đến lúc phải gửi trả điện thoại cho bà tóc nâu, tôi "Thank you" và nhờ Chin nói ít lời cảm tạ tận đáy lòng... Sau đó Chin báo rằng cái lối ra tôi chọn vừa nãy là một thứ "cửa sau" của sân bay, chỉ những "thổ địa" cần đón xe bus mới biết. Cửa trước nằm ở hướng ngược lại... Dẫn sao thì để đến được đây, tôi phải cảm ơn những phụ nữ Mỹ rất nhiều - những cô, những bà tôi gặp một lần ở nhà ga San Francisco và Saint Louis thật phúc hậu và có tấm lòng rộng mở... Nước Mỹ đã không thể vượt qua cuộc chiến ở Việt Nam như họ mong muốn, có thể cũng không vượt qua nỗi cái ấy ở Afghanistan, nhưng giá như nước Mỹ là những người dân bà như tôi từng gặp, ắt hẳn họ còn được nhiều hơn những gì đã có!

Rốt cuộc rồi chúng tôi cũng gặp nhau nơi cửa trước nhà ga. Gần đủ mặt: Anh chị Ba cùng vợ chồng Chin và bé gái Emily Hồng Anh, Bảy- người bảo lãnh cho tôi- và hai con của Sáu đang tuổi đi học. Chỉ thiếu Loan, con gái thứ ba của anh chị, vợ chồng Triết cùng hai đứa nhỏ, Sáu và vợ..., chắc chúng nó còn bận đi làm. Vừa gặp, chị Ba liền chụp hai bàn tay của mình lên má tôi như thể với đứa em nhỏ dại nào ngày xưa. Chị bảo tóc tôi bạc nhiều... Nhưng anh Ba thì bảo hững hờ rút máy ảnh từ trong túi ra.

"Mời tất cả đứng vô chụp chung phổ hình kỷ niệm ngày cậu đến Mỹ!"

Ngày tôi đến Mỹ đất trời Saint Louis cũng vừa chớm thu... ■

THÂM LẶNG NGUYỄN XUÂN SANH

VŨ TÚ NAM

Có thể gọi nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh là người thâm lặng cống hiến. Biết anh từ năm 1948 tới nay, tôi chưa hề thấy anh "khoe" về đóng góp của anh trong phong trào sinh viên yêu nước trước Cách mạng tháng Tám, hoặc về vai trò của anh trong *Xuân Thu nhà tập*. Nhà thơ lão thành, nhà cách mạng lão thành Nguyễn Xuân Sanh bao giờ cũng lặng lẽ, âm thầm làm việc.

Anh đã từng làm Phó tổng thư ký Hội nhà văn (khoa I), và nhiệm kỳ làm trưởng ban đối ngoại của Hội. Anh ghi chép tỉ mỉ và thuộc từng tên nhà văn các nước có quan hệ với Việt Nam. Hỏi đâu, anh có đó. Chúng tôi thường gọi đùa anh là "trưởng tộc" của Hội. Cho đến nay, anh có hàng chục tập hồ sơ (gói bọc kỹ lưỡng) về hoạt động đối ngoại và các công việc khác.

Nguyễn Xuân Sanh thật có công trong việc đào tạo các cây bút trẻ. Anh đã giảng về thơ ở các khoá Văn hóa kháng chiến khu Bốn 1948 - 1949, và ở trường đào tạo viết văn sau này. Anh là một người thầy nói năng nhỏ nhẹ, gần gũi học viên.

Ở trụ sở Hội Nhà văn hiện nay, có treo một bức ảnh lịch sử, chân dung các nhà văn đã xây dựng Hội văn nghệ Việt Nam từ năm 1948. Trước một hội trường bằng tre nứa ta thấy đứng hàng ngang các nhà văn sáng lập Hội văn nghệ, đủ cả Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Thế Lữ, Nguyễn Hồng, Tố Hữu, và Nguyễn Xuân Sanh. Các nhân vật lịch sử trong bức ảnh đó, nay chỉ Nguyễn Xuân Sanh là đang sống, còn thì đã ra đi tất cả. Anh Sanh đã kiên trì nán lại cùng thời gian.

Đời anh đã mấy lần trải qua thập tử nhất sinh. Năm đi tháp tùng đoàn nhà văn nước ngoài ở Quảng Ninh, xe bị trúng mìn còn sót lại từ thời chống Pháp, anh gãy một chân. Rồi lần khác anh bị ngã, đập đầu xuống cầu thang xi măng, tưởng nguy đến tính mạng, nhưng vẫn qua khỏi.



Vợ chồng nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, nhà văn Nguyễn Thị Cẩm Thanh.

Thật là ở hiền gặp lành. Nguyễn Xuân Sanh cứ lặng lẽ đi cùng năm tháng. Đến nay anh đã 92 tuổi.

Tôi có nhiều kỷ niệm với anh Sanh. Những năm 1948, 1949, anh là thầy dạy của vợ chồng tôi. Thanh Hương học khóa 2, tôi học khóa 3 lớp Văn hóa kháng chiến Liên khu 4 ở Quán Tín, Thanh Hóa.

Cũng ở Quán Tín, nơi anh Sanh chị Thanh mới cưới nhau, tôi đã chú ý đến bản "Thời khắc biểu" ghi rõ công việc của vợ của chồng anh từng ngày một. Chữ anh Sanh viết nắn nót. Tờ giấy được dán trên cột nhà. Tính anh cẩn thận từ dạo ấy.

Anh Sanh còn là thầy dạy tiếng Anh cho chị Thanh và vợ chồng tôi từ 1948, ở Quán Tín. Tối tối, bốn thầy trò ngồi bên bàn, đèn hoa kỳ le lói sáng. Mùa xuân tôi

thường hái hòa xoan hoặc hoa trấu về cắm vào cái cốc, để giữa bàn. Năm ấy, chúng tôi 19 tuổi.

Chị Cẩm Thanh đã chăm sóc anh Sanh trên nửa thế kỷ. Sinh thời Chế Lan Viên thường gọi đùa anh Sanh chị Thanh là Aragon và Elsa. Anh chị đã từng chịu những nỗi đau về con cái. Cháu Việt Lưu là liệt sĩ chống Mỹ.

Hồi tôi làm báo Văn học (1958 - 1963), anh Sanh phụ trách trang quốc tế. Anh đến cơ quan rất đúng giờ, làm việc cẩn thận. Gần đây, anh sinh hoạt cùng chúng tôi suốt một nhiệm kỳ trong Ban nhà văn cao tuổi, đóng góp lặng lẽ vào công việc của Ban.

Nguyễn Xuân Sanh viết không thật nhiều, nhưng đầy tinh thần trách nhiệm. Ngoài thơ ra, anh còn viết truyện cho thiếu nhi, viết tiểu luận về các nhà văn nhà thơ lớn nước ngoài.

Tác giả "đáy đĩa mùa đi nhip hải hà" đã hòa vào đời sống nhân dân, say sưa viết về thợ mỏ than, về những người đánh cá, về nỗi đau miền Nam bị chia cắt, về Bắc Hồ...

Vài năm gần đây, Nguyễn Xuân Sanh đã ít nói càng ít nói hơn. Anh đã bắt đầu lẩn. Chị Thanh cho biết có lần anh uống nhầm một viên băng phiến, phải cấp tốc đi bệnh viện rửa ruột. Chao ôi, trên chín mươi tuổi rồi còn gì!

Nhưng anh vẫn thường hỏi thăm sức khỏe vợ chồng tôi, khi ngồi cùng xe đến Hội Nhà văn. Anh vẫn nói nhỏ nhẹ như những năm nào ở Quán Tín.

Đời vai đã nặng trĩu tuổi tác, nhưng trong lòng Nguyễn Xuân Sanh vẫn như "nghe bước xuân về" (1):

*Ta đi dưới hàng cây xanh muốt mùa xuân
Ta yêu nhau vì ta yêu cuộc sống
Quanh ta đặt đầu cơn gió lộng...*

Cảm ơn Nguyễn Xuân Sanh về những đóng góp lặng lẽ của anh. Xin chúc anh mọi điều tốt lành trong mùa xuân Tân Mão. ■

BÂY GIỜ THÚY Ở ĐÂU?

(Kỷ niệm về nhà thơ Hữu Loan)

LÝ THỊ TRUNG

HQC xong lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng do Tổng bộ Việt Minh mở ở chiến khu Việt Bắc (8-1949) tôi vào công tác tại báo *Chiến sĩ* (Quần khu 4). Lúc ấy anh Hữu Loan làm chủ bút. Tập sự làm báo, lúc đầu tôi chỉ viết tin, đọc các bài cộng tác viên gửi đến chuyển cho các anh phụ trách từng chuyên mục. Tôi cũng tập khắc các minh họa, tit, vi-nhét trên những mảnh gỗ vuông vắn. Anh Hòa Ngọc Nhu thợ khắc chính- khen tôi khéo tay làm được những cái nét đơn giản. Có lần anh Hữu Loan đọc dịch thẳng vở kịch *Người Nga-la-tư* nguyên bản tiếng Pháp cho tôi viết để đưa in.

Ngày ấy đơn vị báo đóng ở nhà dân. Cán bộ phóng viên nhân viên cũng ở nhà dân gần nơi làm việc. Hết giờ làm nếu không cần về nhà, mọi người thu cất tài liệu ngồi trò chuyện chờ keng của bếp ăn tập thể.

Những lúc ngồi với nhau như thế anh Hữu Loan thường kể về chuyến đi công tác Quảng Bình - như đi B thời chiến tranh chống Mỹ. Năm 1947 giặc Pháp đổ bộ lên Quảng Bình, chiếm thị xã Đồng Hới. Đi đến đâu chúng tàn phá, hãm hiếp, giết chóc và đốn bốt mọc đến đầy. Ngày ấy thường gọi "Bình - Trị - Thiên khói lửa", "Bình - Trị - Thiên đau thương và anh dũng". Chỉ nguyên đường vào Quảng Bình cũng vô cùng gian nan. Bài thơ *Về Bó Trạch* của nhà thơ Xuân Hoàng đã viết "Muỗi Khe Gát/ Vết Ba Rền/ Sên Chà Ang/ Cọp Trạ Rờ/ Ai đi qua Quảng Bình/ Hấn từng quen huyện Bó/ Huyện khắc khổ/ Dân nghèo, đất đỏ/ Dưới chân Ba Rền..." Anh Hữu Loan còn nói có đoàn ba cán bộ đang gạt cây rẽ lối đi trong rừng đã bị cọp vồ chết một người. Khi nghe tin người thanh niên trí thức Quách Xuân Kỳ bí thư thị ủy Đồng Hới bị giặc Pháp bắt tra tấn rất dã man nhưng anh không khuất phục, chúng đã giải anh về Hoàn Lão quê hương của anh xứ bản. Hữu Loan đã viết bài thơ *Quách Tân Kỳ* làm cho người đọc, nhất là người dân, thanh niên Quảng Bình vô cùng xúc động và cảm phục. Mấy câu kết của bài thơ thật mạnh mẽ và độc đáo:

*Bóng cao
tóc xù
Trai Quảng Bình
trong quán phở chiến khu
Đập bàn*

*tắt đèn
Thét/ sần/ rách/áo
Thằng Ai Lọc thôn
bản*

thằng Kỳ Hoàn Lão!(2)

Nghe mọi người nói thơ mình mạnh mẽ, nhà thơ cười: - Có người đọc bài *Đèo Cả* của tôi cũng nói thế:

*Đèo Cả!
Đèo Cả!
Núi cao ngút!
Mây trời Ai Lao
Sầu đại dương.*

Họ còn giải thích "mạnh như ai lao mây xuống đại dương"!

Bài *Màu tim hoa sim* anh có sữa, có thêm và bớt một vài câu. Sau hai câu *Tóc nàng xanh xanh/ Ngấn chưa đầy bụi/* (2 câu tiếp bỏ: *Bốn tháng lấy nhau/ Đòi ngày gần gũi/ Tôi nhớ nàng yêu hoa sim tím/ Nhớ ngày nàng vá cho chồng tấm áo màu xanh/* (2 câu này đã sửa lại và viết thêm) *Nàng có ba người anh/ trên chiến khu Việt Bắc/ Được tin em gái mất/ Trước tin em lấy chồng* (2 câu tiếp sau bỏ) *Sau ngày kháng chiến thành công/ Các anh về gặp nhau...*

Mấy năm gần đây có lần tôi và các con tôi về thăm anh và chị Nhu. Chị Nhu bị ngã gãy chân phải đi nặng. Anh Hữu Loan đã trên 90 mắt vẫn sáng, giọng nói sang sảng, đọc nhớ hết các bài thơ. Tôi chợt nhớ đến bài thơ *Tặng Thúy* anh cho cùng các bài thơ khác, chẳng may giá sách nhà tôi bị mối xông sách báo lưu giữ bị hỏng hết. Tôi rất thích bài thơ ấy nên hỏi:

- Anh có nhớ bài thơ *Tặng Thúy* không?

Anh lắc đầu. Tôi đọc:
*Em hiền như chị
Mắt người xanh lam
Em đem đầu lại
Hương thơm hoa ngàn...*

Thật kỳ lạ, như được đánh thức những kỷ niệm từ xa xưa, nhà thơ Hữu Loan đọc tiếp:

*Em hiền như chị
Mắt lam xa vời
Ngày xưa có chuyện đẹp*



Vợ chồng nhà thơ Hữu Loan.

Nàng tiên đi thử người

Anh cười, ánh mắt lấp lánh: "Chỉ nhớ được thế thôi. Hình như còn có câu: *Có một chàng trai, có một chàng là chàng thương binh trẻ mẹ Thúy*".

Tôi về đơn vị báo thì cô Thúy y tá của bệnh xá quân y đã được đi học hoặc chuyển đến đơn vị khác. Anh Hữu Loan khen "con bé" xinh lắm và ngoan, "nó" dịu hiền và hết lòng chăm sóc thương binh. Tôi đọc xong bài thơ hỏi anh: "Em hiền như chị" có phải là chị Ninh không? Lúc ấy tôi cảm thấy như anh không nghe và đôi mắt đắm đắm nhìn xa xa.

Tôi thật tiếc là anh Hữu Loan không còn nhớ bài thơ rất đẹp ấy mà chỉ nhớ hai câu kết: *Ngày mai em đi khỏi/ Ai thương người thương binh?* Tác giả lo khi cô y tá giàu lòng vị tha ấy rời bệnh xá thì ai chăm sóc những đồng đội thương binh của anh.

Bất chợt anh hỏi: Thúy bây giờ ở đâu?

Thúy ở đâu? Ai biết nhỉ?

Tôi làm sao trả lời được nhà thơ. Cho đến hôm nay nhân ngày giỗ đầu của anh, tôi viết những dòng này mong rằng - biết đâu cô y tá Thúy ngày ấy vẫn còn giữ bài thơ được tặng để có một sự lý kỳ huyền diệu nào đó bài thơ tuyệt vời đẹp ấy được ra mắt bạn đọc yêu miền thơ của thi sĩ Hữu Loan. ■

(1) *Quách Xuân Kỳ* xung phong vào vùng địch chiếm đóng gây lại cơ sở, cùng cố tổ chức các đội du kích, địch vận, đào hầm bí mật giấu cán bộ... Liệt sĩ Quách Xuân Kỳ đã được truy tặng anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(2) Ai tưởng qua Hoàn Lão nữ Kỳ đi học (học cùng lớp).



MASATSUGU ONO VÀ VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI NHẬT BẢN

Đất nước Nhật Bản vừa trải qua một tai ương tồi tệ nhất kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II. Trận động đất mạnh 9 độ richter cùng những đợt sóng thần cao ngất đã làm chết hàng chục ngàn người, và tàn phá nặng nề cả một dải bờ biển miền Đông Bắc nước này. Đau thương tang tóc khiến cả thế giới phải sững sờ. Nhưng ai cũng tin rằng, người Nhật sẽ biết vượt qua những mất mát và tổn thất nặng nề nhất, bởi dân tộc này có một truyền thống văn minh và kiên cường đến kỳ lạ.

Cùng với những trải nghiệm bên bạn đang hướng về Đất nước Mặt trời mọc, Văn nghệ xin giới thiệu một vài hoạt động của các nhà văn Nhật trước khi xảy ra thảm họa.

VĂN học nước ngoài, đặc biệt văn học đương đại Nhật Bản luôn có sức hút kỳ lạ với giới trẻ Việt Nam. Sáng 8/3/2011, nhà văn Masatsugu Ono, người được biết đến với hiện tượng **Ngôi mộ vùi trong nước** (Mizu ni Umoreru Haka), đã có buổi thuyết trình tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam về những vấn đề nổi cộm trong văn học Nhật Bản hiện nay.

Masatsugu Ono, sinh năm 1970, là tiến sĩ nghệ thuật và khoa học Đại học Tokyo, tiến sĩ văn học Đại học Paris VIII. Tác phẩm: **Ngôi mộ vùi trong nước** (giải thưởng báo Asahi 2001); **Trời trên vịnh** (giải thưởng Mishima Yukio 2002); **Ven rừng - 2006**; **Chiếc xe buýt mini - 2008** (để cử giải thưởng Akutagawa 2008); **Mệnh mỏng hơn cả đêm đen...** sau khi bảo vệ thành công luận văn Tiến sĩ tại Đại học Paris VIII. Masatsugu Ono đã chăm chút cho sự nghiệp văn chương của mình một cách đều đặn trên các lĩnh vực sáng tác, dịch thuật, phê bình và thuyết giảng.

Là một nhà văn, giảng viên, đồng thời cũng là một nhà phê bình, Masatsugu Ono có khả năng nhìn nhận văn học ở nhiều góc khác nhau. Trong buổi thuyết trình của mình, anh đã đưa ra nhiều vấn đề nổi cộm trong văn học đương đại của Nhật Bản, mang đến những cái nhìn mới mẻ cho những người quan tâm và yêu thích văn học Nhật.

Buổi hội thảo tập trung chủ yếu xoay quanh quan điểm, cách nhìn nhận, đánh giá của Ono về tài năng nổi bật của nền văn học đương đại Nhật Bản: Murakami Haruki, tác giả của cuốn **Rừng Nauy** - cơn sốt trên thế giới lần ở Việt Nam suốt hai thập kỷ qua.

Kịch tác này của Murakami Haruki đã được xuất bản với số lượng đến 10 triệu cuốn trên khắp nước Nhật và toàn thế giới. Trung bình cứ 10 người Nhật lại có một người đọc tác phẩm này.

Lý giải về sức hấp dẫn trong văn học của Murakami, nhà văn trẻ thuộc thế hệ 7x Masatsugu Ono cho hay: "Murakami có thể coi là nhà văn trung tâm trong nền văn học đương đại

Nhật Bản. Các tác phẩm của ông mang một kết cấu chặt chẽ, logic, cân bằng giữa văn học thuần túy và giải trí bởi những hình ảnh vừa cụ thể, vừa chứa đựng những ẩn dụ sâu xa, buộc người xem phải chìm đắm trong suy tưởng".

Người viết văn không thể thờ ơ, đứng bên lề cuộc sống xã hội. Để có một tác phẩm chân thực, làm rung động lòng người, nhà văn cần phải "dấn thân", đặt mình vào bối cảnh thực tế của xã hội, của câu chuyện.

Murakami là một trong số ít các nhà văn Nhật Bản đương đại đã làm được điều đó. Nếu như **Rừng Nauy** thể hiện cái nhìn về xã hội Nhật Bản của tác giả thông qua nhân vật Wanatabe 20 tuổi thì **1Q84** với bối cảnh Tokyo năm 1984 lại đề cập tới vấn nạn bạo lực gia đình, cha mẹ đánh đập con cái, mà xã hội Nhật ngày nay đang phải hứng chịu.

Cũng tại buổi thuyết trình, nhiều câu hỏi xung quanh thực trạng xuất bản văn học ở Nhật Bản, những đề tài "nhạy cảm", về cơ chế "kiểm duyệt" của nhà văn Nhật Bản khi cầm bút...

Tiếp đó, sáng 13/3/2011, tại hội trường C, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà văn đã có buổi tiếp xúc với sinh viên phía nam và những người yêu văn học Nhật Bản.

Trẻ trung trong phong thái và trang phục, Nhà văn nhiệt thành này luôn giữ một vẻ ngoài tươi cười và chủ động trong các cuộc tiếp xúc.

Sinh viên ngồi kín tất cả các hàng ghế. Có lẽ việc một nhà văn trẻ đến từ nước Nhật để nói về một nhà văn Nhật khác (Haruki Murakami) đang được đọc rất nhiều ở Việt Nam, đã thu hút họ. Bài thuyết trình dài phải qua phiên dịch, được trình bày một cách sôi nổi đã được cử tọa chăm chú lắng nghe đến tận phút cuối. Điều này đã khiến Masatsugu Ono ngạc nhiên một cách thú vị: "Khi tôi giảng bài, sinh viên của tôi thường chơi

game dưới gầm bàn hoặc ngủ, còn các bạn thì lắng nghe".

- Khá nhiều câu hỏi đã được nêu ra. Ví dụ:
- "Giới trẻ Nhật Bản đang đọc gì?"
 - "Lứa tuổi 18, 20 chỉ đọc văn học giải trí. Như thế đã là may. Còn người còn không đọc gì. Vào cuối tuổi 20 họ mới bắt đầu đọc văn học nghiêm túc".
 - "Phương pháp nghiên cứu văn học phổ biến nhất ở Nhật Bản là gì?"
 - "Người Nhật chỉ nghiên cứu về các nhà văn đã qua đời. Với các nhà văn đương thời, chỉ những người du học ở Pháp - Mỹ viết phê bình về họ, như một cách giới thiệu những cái hay trong tác phẩm của họ đến cho người đọc".
 - "Các yếu tố nghệ thuật và giải trí trong văn học Nhật Bản?"

- "Ở Nhật Bản có các tạp chí khác nhau dành cho từng loại tác phẩm khác nhau. Nếu chọn nghệ thuật thuần túy, nhà văn sẽ in tác phẩm của mình vào tạp chí dành cho loại chủ trọng tinh nghệ thuật. Với yếu tố giải trí cũng thế. Tác phẩm in ở tạp chí nào thì nhà văn thuộc dòng văn học đó. Tuy nhiên, Haruki Murakami đã làm thay đổi điều này: sau Murakami, các nhà văn đã làm ngược lại điều từng làm. Nhà văn chuộng nghệ thuật có thể in tác phẩm vào tạp chí giải trí và ngược lại..."

Tại cuộc gặp với các nhà văn Việt Nam trước đó một ngày, lại có nhiều câu hỏi dành cho tác phẩm của chính Masatsugu Ono, tiểu thuyết **Trời trên vịnh**. Đó là câu chuyện về một làng chài Nhật Bản, nơi không gian hầu như bị ngăn cản với phần còn lại của thế giới, chỉ có rất ít cư dân, và cuộc sống diễn ra một cách trì đọng, buồn tẻ. Những đời người trôi qua lờ mờ, như ẩn như hiện trong mắt người khác và có khi trong chính bản thân người đó, không đâu không cuối...

Tác giả đã sử dụng thủ pháp hài hước, trong đó tả cũng như trong dẫn dắt, nhận định, với một văn phong rất nhiều hình ảnh, gợi mở, khiến người ta nhận ra một "chất Nhật Bản truyền thống" vốn không thấy nhiều lắm trong tác phẩm của H. Murakami, bởi tính toàn cầu hóa cao của Murakami.

Masatsugu Ono đã nói về điều này: "Murakami viết về toàn cầu hóa nên ai cũng cảm nhận được, nhất là giới trẻ. Nhưng Nhật Bản vẫn sót lại những địa phương tiến-hiện-đại-hóa. Từ 1996, dân số Nhật Bản đã bị lão hóa. Ở các đô thị còn thấy nhiều người trẻ nhưng về các địa phương chỉ gặp toàn người già. Đối với riêng tôi, những ông bà già, những câu chuyện dòng dõi nhà quê lại hợp với tôi hơn, là thế mạnh của tôi. Và cách của tôi là mang tiếng cười vào tác phẩm của mình..."

Nếu được giới thiệu rộng rãi, **Trời trên vịnh** chắc chắn sẽ làm phong phú thêm cái nhìn thường thức của độc giả Việt Nam đối với văn học đương đại Nhật Bản. ■

P.V. Tổng hợp



VĂN HỌC NHẬT Ở VIỆT NAM

HÀ VĂN LƯƠNG

Việc giới thiệu văn học Nhật Bản ở nước ta chậm hơn so với việc tiếp nhận văn học một số nước khác. Điều này không chỉ bị hạn chế bởi hàng rào ngôn ngữ (những dịch giả thông thạo tiếng Nhật còn ít) mà còn do nước ta phải trải qua những năm tháng chiến tranh, chia cắt lâu dài và hơn nữa đã có một thời gian phát xít Nhật chiếm đóng nước ta từ trước 1945 nên việc quan tâm đến nền văn học trong khu vực còn chưa đúng mức.

TRONG việc dịch thuật, trước hết phải nói đến vấn đề ngôn ngữ, sau mới đến trình độ văn hoá và kinh nghiệm của người dịch. Chúng ta tiếp nhận văn học Nhật Bản thông qua các bản dịch từ tiếng Hán, Trung Quốc, Nga, Pháp, Anh và tiếng Nhật. Thời kỳ đầu, các bản dịch sớm nhất từ tiếng Hán hoặc tiếng Pháp. Về sau xuất hiện một số tác phẩm được dịch từ tiếng Nga, Anh.

Nhìn lại việc dịch thuật văn học Nhật Bản trong thế kỷ qua, chúng ta mới thấy hết tính ưu việt đường lối đổi mới của Nhà nước trong việc tiếp thu những tinh hoa của văn học thế giới để góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam giàu bản sắc dân tộc, đồng thời khẳng định đóng góp của những người làm công tác "chuyển ngữ" thầm lặng.

Khi chuyển ngữ, các dịch giả nước ta đã chọn và giới thiệu khá bao quát một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu qua các giai đoạn phát triển của văn học Nhật Bản từ thời cổ đại đến hiện đại. Chính điều này đã giúp cho độc giả Việt Nam có cái nhìn tương đối khái quát về tiến trình phát triển của văn học Nhật Bản. Một số thể loại thơ cổ nổi tiếng của Nhật Bản

như thể haiku, tanca, renca; những tập thơ như **Vạn điệp tập** (trích), thơ **Haiku** của **Basho**; các truyện cổ Nhật Bản như **Truyện dân gian Nhật Bản**, **Hẹn mùa hoa cúc**, **Truyện cổ Nhật Bản**, **Truyện cổ tích dân gian Nhật Bản**, các tác phẩm mang tính chất cổ điển và nổi tiếng của Nhật Bản thời cổ, trung đại như **Truyện kể về Genji**, **Truyện vũ tướng Taira...** đã được giới thiệu ở Việt Nam khá sớm. Những tác phẩm thời cận hiện đại và đương đại của văn học Nhật Bản được dịch nhiều hơn cả. Đó là những tác phẩm của R. Akutagawa (**Tuyển tập truyện ngắn**, **Truyện một người dâng trí...**), Y. Kawabata (**Tiếng rên của núi**, **Ngàn cánh hạc**, **Cổ đô**, **Người đẹp ngủ say**, **Thủy nguyệt**, **Xứ tuyết**, **Cỏ đảo miền Izu...**), Y. Mishima (**Trà thủ**, **Tả lót**, **Ngôi đền vàng**, **Chiều hôm lơ bước**, **Sóng tình**, **Người thủy thủ bị biển khước từ**, **Khát vọng yêu đương...**), K. Abe (**Khuôn mặt người khác**, **Người đàn bà trong cồng cật...**), D. Watanabe (**Đèn không hắt bóng**), N. Soseki (**Tình yêu không quên**, **Nỗi lòng**), H. Murasaki (**Rừng Nauy**) và một số tác giả khác.

Bên cạnh việc chú ý đến các thời kỳ văn học Nhật Bản, vấn đề thể loại cũng được đặt ra với người dịch. Về góc độ tiếp nhận văn học, phải nói rằng, chúng ta đã chọn dịch, giới thiệu khá đầy đủ các thể loại. Về thơ, mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng hầu hết các thể thơ cổ hay của Nhật Bản (*tanca*, *renca*, *haiku*) đã được chọn dịch. Việc tuyển chọn, giới thiệu nhà thơ M. Basho - tác giả tiêu biểu của thơ haiku (Cuốn **M. Basho và thơ Haiku Nhật Bản** của Nhật Chiêu, Nxb TP Hồ Chí Minh) là một ví dụ. Có thể nói rằng, mảng văn xuôi

Nhật Bản được chú trọng dịch nhiều hơn. Ở thể loại này có nhiều tác giả, tác phẩm lớn và có hai nhà văn đạt giải Nobel là Kenzaburo Oe và Kawabata Yasunari. Bên cạnh các truyện cổ dân gian, một số truyện trinh thám, truyện tranh, nhiều truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết Nhật Bản đã lần lượt được giới thiệu với công chúng Việt Nam (**Tuyển tập truyện ngắn của R. Akutagawa**, **Tuyển tập truyện ngắn Nhật Bản hiện đại**, Tập truyện **Hạc chiếu**, Tập truyện **Trăng soi đáy nước...**, tiểu thuyết, truyện ngắn của Y. Kawabata, K. Oe, K. Abe, H. Murasaki...)

Những thập niên 60,70 mặc dù chưa nhiều, nhưng đã xuất hiện một số tác phẩm văn học Nhật Bản xuất bản thành sách hoặc đăng trên tạp chí và báo chí trong nước. Ở miền Bắc, những năm này chỉ mới xuất hiện rất khiêm tốn một số tác phẩm như: **Khu phố không có mặt trời** của Sunao Tokunaga (Nxb Lao Động - 1961), **Núi đối yên lặng** (2 tập, Nxb Văn học, 1962), **Mây gió Hakēnē** của Tabakura Tērō (Nxb Văn học, 1963), **Cánh đồng Busu** của Miyamoto Yurike (Nxb Văn học, 1964). Tập truyện **Sợi xích trắng** của nhiều tác giả (Nxb Lao động, 1966), **Khuôn mặt người khác** của A.Kobe (Nxb Văn học, 1969). Trong khi đó ở miền Nam trước năm 1975, văn học Nhật Bản được dịch với một số lượng lớn hơn. Không chỉ qua các bản Anh ngữ, Pháp ngữ mà đã có một số tác phẩm dịch thẳng từ tiếng Nhật. Theo thống kê chưa đầy đủ, chúng ta cũng thấy được văn học Nhật Bản khá phổ biến ở miền Nam vào thời kỳ này (**Thơ M. Basho** - Vũ Hoàng Chương dịch, 1969, **Cỏ đảo miền Izu**, **Ngàn cánh hạc**, **Tiếng núi rên** của Y. Kawabata do Vũ

Thanh Thư dịch (Tạp chí Văn số tháng 10/1969), **Nắng mùa hè**, **Phòng tra tấn của Shintano Ishihara** do Nguyễn Minh Hoàng và Nhà Điển dịch (Tạp chí Văn miền Nam số 57/1966), tiểu thuyết **Kim Cát tự** (Y. Mishima - Nxb An Tiêm, Sài Gòn, 1970), **Truyện một người dâng trí** (V. Akutagawa - Nxb Tủ Chương, Sài Gòn, 1970...)

Từ những năm 80, 90 của thế kỷ XX trở đi, khi đất nước thống nhất và tiến hành đổi mới, văn học Nhật Bản được giới thiệu với một khối lượng lớn gấp nhiều lần so với các thời gian trước. Độc giả cả nước tiếp xúc với tác phẩm của nhiều nhà văn lớn của Nhật Bản mang phong cách nghệ thuật khác nhau. Chúng tôi xin thống kê một số tác phẩm được dịch trong giai đoạn này như: **Đường đến nguồn nước** (Nxb Lao động, 1984), **Người đàn bà mà tôi ruộng bỏ** (Nxb Lao động, 1984), **Hạnh phúc và bất hạnh** (Nxb Phụ nữ, 1985), **Kẻ lừa đảo** (Nxb Văn học, 1991), **Ngôi đền vàng** (Nxb Thanh niên, 1990), **Núi đối yên lặng** (Nxb Văn học, 1992), **Dòng sông sao** (Nxb Lao động, 1993), **Xứ tuyết** (Nxb Hội nhà văn, 1995), **Giấc mộng đàn bà** (Nxb Văn học, 1997), **Tuyển tập Truyện ngắn R. Akutagawa** (Nxb Hội nhà văn, 2000), **Tuyển tập Y. Kawabata** (Nxb Hội nhà văn, 2001), **Những người Nhật bị lãng quên** (Nxb Giáo dục, 2002)... Ngoài ra còn có hàng trăm truyện ngắn khác được giới thiệu trên các tạp chí, báo khắp cả nước. Công chúng Việt Nam bây giờ mới thực sự đón nhận những tinh hoa của văn học Nhật Bản một cách khá đầy đủ. ■

(Theo **Thongtinnhatban.net**)

DỊCH GIẢ LÊ XUÂN GIANG NHẬN HUÂN CHƯƠNG CAO QUÝ CỦA NHÀ NƯỚC HUNGARY

NGÀY 11/3/2011 tại Budapest, dịch giả Lê Xuân Giang đã được nhận Huân chương Chữ thập Vàng, một trong những phần thưởng cao quý nhất của Nhà nước Hungary.

Với sự hiện diện của Bộ trưởng Bộ Nguồn lực Quốc gia Hungary và các quốc vụ khanh trên ghế Chủ tịch đoàn, buổi lễ trao huân chương đã diễn ra trong bầu không khí trang trọng, nhằm vinh danh những cá nhân đã có thành tích trong sự nghiệp phục vụ dân tộc Hungary, hỗ trợ sự phát triển, thúc đẩy những lợi ích của đất nước và gia tăng những giá trị con người phổ quát. Trong số 54 đại diện xuất sắc trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học được nhận Huân chương Cộng hòa Hungary, Lê Xuân Giang là người nước ngoài duy nhất.

Những nỗ lực của Lê Xuân Giang trong lĩnh vực dịch thuật từ bốn thập niên nay đã được giới chuyên môn và nhà nước Hungary ghi nhận thích đáng. Năm 1990, ông được nhận Giải Déry Tibor cho sự nghiệp truyền bá văn học Hungary. Hiện tại, tuy đã về hưu, nhưng ông vẫn bền bỉ và thường xuyên làm công việc dịch thuật - thời gian gần đây, ông còn nhận được nhiều "đơn đặt hàng" trực tiếp từ Quỹ Sách Hungary.

Trở lại Hungary sau 24 năm xa, ngoài việc nhận huân chương, Dịch giả Lê Xuân Giang còn tham gia Nhà Dịch thuật Hungary (Balatonfüred), một dạng trại sáng tác chuyên dành cho các nhà dịch thuật, trong vòng một tháng để hoàn thành bản dịch tác phẩm cuốn *Scientia sacra* của Hamvas Béla, nhà văn, triết gia lớn của Hungary.

Nền văn học Hungary bắt đầu được biết đến ở Việt Nam từ nửa cuối thập niên 50 thế kỷ trước với một số thi phẩm của các nhà thơ cổ điển như Petöfi Sándor, József Attila, Ady Endre... và một, hai tác phẩm văn xuôi đương đại, chủ yếu được một số nhà thơ lớn của Việt Nam dịch thông qua ngôn ngữ trung gian (đa phần là tiếng Pháp). Lê Xuân Giang là người đầu tiên chuyển ngữ các tác phẩm văn học Hungary từ nguyên bản, với cuốn tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng *Những ngôi sao Eghe* (Egri csillagok), Nxb Văn học ấn hành năm 1972. Trong những năm sau đó, ông đã chuyển ngữ thành công các tác phẩm văn học cổ điển và hiện đại của Hungary.

Cùng với Lê Xuân Giang, đã hình thành



Dịch giả Lê Xuân Giang nhận Huân chương từ Tiến sĩ Réthelyi Miklós, Bộ trưởng Bộ Nguồn lực Quốc gia Hungary. Ảnh: Hồng Trang.

một nhóm các dịch giả văn học Hungary, đều là những người từng có dịp học tập và nghiên cứu tại đất nước này: Trương Đăng Dung, Vũ Ngọc Cân (với bút danh Vũ Thanh Xuân), Nguyễn Võ Lệ Hà (bút danh Hà Anh My)... Tính đến mốc 2008, cũng đã có chừng ba chục đầu sách văn học Hung được ra mắt tại Việt Nam.

Riêng về văn xuôi, trong những năm tháng ấy, ngoại trừ các tác gia cổ điển như Katona József, Gárdonyi Géza, Jókai Mór, Molnár Ferenc, Móricz Zsigmond..., một số nhà văn đương đại Hungary như Illés Béla, Hegedus Géza, Orkény István, Doboz Imre, Berkesi András, Sarkadi Imre, Fekete Gyula, Goncz Árpád, Nagy Sándor, Sánta Ferenc... cũng đã có tác phẩm được chuyển ngữ sang tiếng Việt.

Kể từ khi Hungary gia nhập Liên hiệp Châu Âu (năm 2004) và Việt Nam trở thành một yếu tố quan trọng trong vùng Đông Nam Á, văn học là một trong những điểm nhấn nổi bật, một "nhịp cầu" quan trọng trong mối quan

hệ song phương Việt Nam - Hungary hiện đang trong "giai đoạn phục hưng", như đánh giá của Đại sứ Hungary tại Việt Nam Vizi László.

Phù hợp với sự phát triển đó, việc dịch văn học Hungary tại Việt Nam có sự khởi sắc rất mạnh mẽ. Với cố gắng của các gương mặt dịch giả mới (Giáp Văn Chung, Nguyễn Hồng Nhung...), nhiều tên tuổi lớn của văn học cận và hiện đại Hungary như Kertész Imre (Giải Nobel Văn chương 2002), Márai Sándor, Csáth Géza, Karinthy Frigyes... liên tiếp có cơ hội ra mắt độc giả Việt Nam.

Đặc biệt, trong năm 2010, nhân kỷ niệm 60 năm quan hệ hợp tác Việt Nam - Hungary, đã có hàng loạt hoạt động giao lưu thiết thực diễn ra trên lĩnh vực văn học dịch hai nước. Tháng 8/2010, đúng vào dịp Quốc khánh Hungary, tạp chí "Văn học Nước ngoài" của Hội Nhà văn Việt Nam đã cho ra mắt một số đặc biệt với nội dung khá phong phú về văn học Hungary với nhiều tác giả thi ca và văn xuôi xuất hiện lần đầu tại Việt Nam. Với sáng kiến tái bản một số tác phẩm cũ và ấn hành

những đầu sách mới trong khuôn khổ Tủ sách Văn học Hungary, Nxb Thanh Niên đã đáp ứng được phần nào nhu cầu tiếp cận những giá trị tinh thần đặc sắc của nước bạn.

Không dừng lại ở đó, nhằm giới thiệu sách của Hungary, giới thiệu về văn hóa, đất nước, con người hai nước, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt là tăng cường hợp tác hữu nghị, quảng bá văn hóa của Việt Nam - Hungary, hỗ trợ công tác xuất bản phục vụ công chúng và thanh niên hai nước, một câu lạc bộ văn hóa Việt Nam - Hungary đã được thành lập với sự hợp tác của Nxb Thanh Niên và đối tác Hungary.

Những bước tiến ấy hứa hẹn một sự hợp tác "bài bản" hơn trong quá trình tìm con đường hội nhập văn học "hai chiều" giữa hai quốc gia.

Dịch giả Lê Xuân Giang sinh tại Hà Tĩnh năm 1937, ông từng là sinh viên Đại học Bách khoa Budapest thời kỳ 1956-1963. Tốt nghiệp và trở thành kỹ sư Chế tạo máy, nhưng khi trở về nước, ông lại say mê với những dịch phẩm văn học Hungary. Các tác phẩm dịch đã xuất bản của Dịch giả Lê Xuân Giang gồm có:

- "*Những ngôi sao Eghe*" (Egri csillagok-tiểu thuyết của Gárdonyi Géza)
- "*Bản hùng ca Các-pát*" (Kárpáti rap-szóda, tiểu thuyết của Illés Béla)
- "*Hai mươi giờ*" (Húsz Óra, tiểu thuyết của Sánta Ferenc)
- "*Nhà nguyện Kristóphơ*" (Kristóf kápolnája, tiểu thuyết của Galgóczi Erzsébet)
- "*Đêm thánh Silvester*" (Szent Szilveszter éjszakája, tiểu thuyết của Hegedus Géza)
- "*Con trai người có trái tim đá*" (A kőszívű ember fia, tiểu thuyết của Jókai Mór)
- "*Nhiếp chính Bank*" (Bánk bán, Katona József)
- "*Néro - nhà thơ bạo chúa*" (Nérok, a véres kolto, tiểu thuyết của Kosztolányi Dezso)
- "*Triển lãm hoa hồng*" (Rózsakiállítás, tiểu thuyết của Orkény István)
- "*Bảy xu*" (A hét krajcár, tập truyện ngắn Hungary).

HOÀNG LINH

KINH CẦU CHO MỘT ĐỨA TRẺ KHÔNG RA ĐỜI. MỘT SỰ TIẾP NỐI...

GIÁP VĂN CHUNG

Kertész Imre không phải là một tên tuổi xa lạ đối với bạn đọc Việt Nam, nhất là từ sau khi tác phẩm *Không số phận* của ông ra mắt vào tháng 10-2010 vừa qua, và bây giờ, như một sự tiếp nối "mối quen sơ" này, tiểu thuyết *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* đã đến tay bạn đọc, bổ sung thêm những nét rõ ràng hơn một diện mạo văn chương độc đáo của nền văn học Hungary.

Kertész Imre sinh ngày 9-11-1929 tại Budapest trong một gia đình gốc Do Thái. Năm 1944, khi mới mười bốn tuổi ông bị đày vào trại tập trung của phát xít Đức Auschwitz, rồi trại Buchenwald. Năm 1945, sau khi các trại tập trung này được quân đội đồng minh giải phóng, ông trở về Budapest, tiếp tục đi học và tốt nghiệp trung học năm 1948. Từ năm 1953, ông làm nghề viết văn và dịch thuật tự do. Năm 2002, Kertész Imre đã được trao giải Nobel Văn chương "vì một sự nghiệp văn học nói lên trải nghiệm mãnh mẽ của cá nhân, đối lập với sự độc đoán tàn bạo của lịch sử".

Trên thực tế, sau tiểu thuyết *Không số phận* (1975) và truyện vừa *Thất bại* (1988), năm 1989 Kertész Imre cho ra đời tiểu thuyết *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* như một tiếp nối cay đắng của *Không số phận*, tác phẩm đã đưa ông lên đỉnh cao văn chương. Trong tác phẩm này, Kertész đã cố gắng đi

tim lời giải đáp cho câu hỏi: *Sau trải nghiệm Lò thiêu con người ta có thể sống như thế nào?* Và lời đáp bạn đọc tìm thấy trong một tiểu thuyết tự sự, mang đậm tính tôn giáo, cay đắng và nghiệt ngã nhưng thấm đẫm tinh thần nhân văn, trong đó nhân vật chính là nhà văn - người vừa trải qua địa ngục trần gian Auschwitz - sau những dằn vặt đau đớn, đã thốt lên tiếng "Không!": quyết định không sinh con. Ông ý thức được rằng sau những gì đã trải qua trong nỗi nhục nhã của lịch sử, người đã tận thấy Lò thiêu, nạn nhân của *Holocaust*, không có quyền trao số phận Do Thái cho một con người, cho đứa con chưa ra đời của vợ chồng ông, vì những gì đã xảy ra với ông và hàng triệu thân phận Do Thái khác, có thể tái diễn bất cứ lúc nào, với bất cứ ai trong một chế độ toàn trị kiểu phát xít.

Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời vì vậy chính là quá trình nhìn lại quá khứ, sự tái hiện mang tính tự sự về những gì đã xảy ra trong cuộc đời nhà văn, qua đó ông nhớ lại những sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời mình, trong cuộc hôn nhân ngắn ngủi và quá trình đi đến quyết định dứt khoát thốt ra tiếng "Không!" đau đớn xuyên suốt tiểu thuyết kia.

Đọc *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời*, thoát tiên người đọc có cảm giác bị đưa vào một mê hồn trận: ý tứ trùng lặp, câu văn dài lê thê, vòng vèo, có khi dùng đoạn phân nghĩa nhau, đầy màu thuẫn, vừa khó hiểu, vừa

khó nắm bắt ý tưởng đích thực.

Tuy nhiên, để tiếp cận lối hành văn mới lạ này và cách tư duy phức tạp, rắc rối của Kertész, chúng ta phải tìm đến với... nghệ thuật âm nhạc cổ điển. Cách viết, hay nói cách khác là văn phong, ngôn ngữ của tác phẩm này chịu ảnh hưởng sâu sắc của phong cách âm nhạc Fuga (*fugue*), còn gọi là tấu khúc hay tấu pháp, một trong những dạng quan trọng nhất của các thể loại đối âm (*counterpoint*), một thể loại âm nhạc đa bè, đa âm, cấu kỳ, đã phát triển qua hàng trăm năm và đạt tới đỉnh cao trong thế kỷ 18, đặc biệt trong các tác phẩm của Johann Sebastian Bach và Georg Friedrich Handel. Bản chất của thể loại âm nhạc này là sự lặp lại, đuổi nhau của nhiều âm, nhiều bè qua nhiều nhịp trong một tiết nhạc ngắn hay một chương dài hơn, có thể nói bè nọ đuổi bè kia liên tục, trên nền của những âm thanh khác gắn liền với nó.

Cách viết ảnh hưởng của thể loại nghệ thuật này nhiều khi câu văn cuốn cuộn, lại thường lặp lại, được nâng cấp độ lên dần dần, có khi lại bị níu kéo lại. Nhà văn thường xuyên luận nghĩa, giải thích, phản ứng, đúng như trong tác phẩm ông đã viết: "... không thể né tránh những lời giải thích, chúng ta thường xuyên phân bua và giải thích, cuộc sống cũng đòi hỏi chúng ta lời giải thích, cái hiện tượng và cảm thức phức hợp không thể giải thích này, môi trường của chúng ta đòi hỏi lời giải

thích, và cuối cùng chúng ta đòi hỏi lời giải thích từ chính chúng ta...".

Cả cuốn tiểu thuyết như một bản Kaddish (kinh cầu đọc cho người đã chết của người Do Thái), nó không chỉ gắn bó với truyền thống Do Thái về mặt định danh thể loại nghệ thuật, mà cả trên phương diện cấu trúc nó cũng đồng thời là phương pháp kỹ thuật tuân theo những tiêu chuẩn của thể loại này, vì sự giải thích bằng lời các học thuyết bằng văn bản, sau đó là sự lưu giữ bằng văn viết, sự giải nghĩa tiếp tục là phương pháp đặc trưng của truyền thống Do Thái. Và như vậy, rõ ràng tác giả đã lựa chọn cách viết phức tạp này một cách hoàn toàn có chủ ý, nhằm đạt đến hiệu quả nghệ thuật tối đa.

Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời là tác phẩm quan trọng thứ hai của Kertész Imre, sau *Không số phận*, một bản ấn đặc biệt viết với một bút pháp độc đáo của một nhà văn lớn, có sức ám ảnh mạnh mẽ và sâu sắc, đối với chế độ toàn trị phát xít. ■

Budapest

- 1-Kertész Imre: *Không số phận* (Giáp Văn Chung dịch, Cty cổ phần văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nxb Lao động, 2010)
- 2-Kertész Imre: *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* (Giáp Văn Chung dịch, Cty cổ phần văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nxb Lao động, 2011)

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

TIẾNG NGỔNG TRỜI TRONG BẢN MỜ SƯƠNG

Truyện ngắn dự thi của BÀN HỮU TÀI (Dân tộc Dao)

TRỜI tờ mờ sáng trong màn sương núi đặc lênh lụng linh hư ảo trước chân núi màu tối ở phía xa bắt đầu sáng dần, nhạt nhòa, như ai đó từ từ kéo một tấm vải mỏng có màu sáng rộng khổng lồ phủ lên một đồi cỏ hoang. Sau một đêm mưa to đám rầy ngô của Liu ở cuối bản Giảo Vài đã biến thành một vùng nước ngập lằng lằng một lớp khói trắng sà thấp mặt nước, tuôn xuống xuôi theo gió làm đảo lộn sắc màu không gian của bản. Sương mù tan dần ở nơi này thì lại dồn về dày đặc ở một nơi khác. Đám rầy của Liu chỉ còn nhìn thấy những ngọn cờ ngô phơ phất trong một vùng nước ngấu đục. Liu dậy sớm hơn mọi hôm để xuống thăm ngô thì một chuyện lạ đã làm Liu phải hoảng sợ.

Bấy lâu nay ở bản Giảo Vài chưa từng có ai nuôi ngỗng, vậy mà sáng nay Liu đang xuống thăm rầy ngô thì trong vùng rầy bị nước ngập bỗng có tiếng ngỗng kêu làm Liu hoảng hốt vứt bỏ chạy nhưng Liu vẫn cố trấn tĩnh lấy lại can đảm quan sát. Từ trong vùng nước ngấu đục xuất hiện một con ngỗng to, cổ dài loằng ngoằng đang kêu và bơi từ từ về phía Liu. Liu sợ quá có giò chạy một mạch về nhà nói với mẹ như sắp ngạt thở:

- Mẹ ơi, đám rầy ngô nhà mình lại bị ngập như mọi năm nhưng trong đó có một con ngỗng to xuất hiện làm con sợ quá.

- Mày đã tỉnh ngủ chưa đấy? Tự nhiên nhìn thấy ngỗng ở bản Giảo Vài này là thế nào? - Tưởng Liu đang ngủ mê nói nhảm nên mẹ vào gần cúi đầu nhìn mặt Liu và véo nhẹ tai nó.

- Mẹ à, sáng nay nhiều người đang đi chợ Nà Bao mua đồ để chuẩn bị ăn Tết Đoàn Ngọ vào ngày mai, mừng năm tháng năm Âm lịch, con đang tính đây mẹ tin chưa? - Liu nói vẫn chưa hết hoảng hốt.

Trời đã sáng hẳn trừ trẻ nhỏ ra mọi nhà trong bản ai nấy đều đã thức dậy nhóm bếp. Mẹ Liu ra ngoài nghe ngóng quả thật có tiếng ngỗng kêu trong vùng nước ngập. Con ngỗng đột nhiên xuất hiện vào buổi sáng sau đêm mưa to đã làm mọi người trong bản hoang mang sợ hãi. Chẳng ai dám khẳng định là ngỗng trời hay ngỗng nhà từ đâu tới, nếu là ngỗng trời thì cũng chưa ai từng được nhìn thấy nên cả những tay súng kíp thợ săn có tiếng ở bản cũng không dám lên tiếng, trẻ con không dám khóc. Người lo ngại nhất lúc này chính là bố mẹ Liu. Vì con ngỗng xuất hiện trên đám rầy ngô của mình nên cả nhà Liu nghĩ sắp có tai họa giáng xuống và bản bạc đi tìm thấy cúng thầy mo xem quẻ.

Tại nhà ông Phu thấy mo mọi người đang bàn bạc loạn cả lên, ông Phu bảo cho thằng Thông lớn hơn theo chân ông đi cúng nếu chẳng may ông bị say rượu ngủ ở dọc đường nó còn giúp ông xách được thịt kéo chó tha hết nhưng thằng Quan cũng đã khá lớn mà không hề biết điều, nó cùng bé Kiêm cứ lún cún nhếch nhác bám lấy ông Phu không chịu đi lấy cỏ bò giúp mẹ. Bà Phu nói với chồng:

- Ông à, cuộc đời làm mo cúng tế của ông đã mấy chục năm rồi mà chưa gặp một trường hợp nào lạ như ở bản Giảo Vài lần này. Chẳng phải ông xem quẻ bảo rằng con ngỗng đó là của ông trời phái xuống báo điềm xấu sao? Tôi nghe chừng nguy hiểm lắm, biết đâu ông đang cúng tế cầu xin chưa xong mà ông trời giận dữ làm cho bản Giảo Vài bị sập thì ông cũng bị chết chôn chết vùi mất thôi. Hay ông đi nhà ông Phâu cúng cái nhỏ trước đi còn việc con ngỗng từ từ đã ông ạ.

- Ôi giờ, bà là phận gái có biết gì về việc cúng tế ra làm sao đâu mà nói. Cúng nhà ông Phâu lần này cũng chỉ vì thằng San con ông ấy đi đốn củi nhặt được con sóc chết ngay cạnh đường, để cúng chỉ cần một con gà to báo cho tổ tiên bảo vệ cho con cháu tai qua nạn khỏi tránh được những điều dữ. Còn việc con ngỗng là do ý trời muốn bản Giảo Vài gặp nạn nên phái nó xuống báo

điềm xấu. Muốn để cúng tế xin trời đổi ý, lễ vật cần có đầy đủ gà, lợn, vịt, ngan. Lễ vật tế lần này là cả bản gom góp nên lễ cúng còn to hơn cả đám cưới. Người ta có câu nói "làm cúng ăn thịt, làm quan ăn tiền" vậy bà thử nghĩ xem tôi có thể bỏ qua lễ cúng to thế này được sao?

Nghe ông Phu giải thích bà Phu cũng ậm ừ cho qua chuyện rồi chẳng biết thế nào lời bà Phu cũng làm chổng chần chừ, ông quyết định đi nhà ông Phâu cúng trước.

Trong lúc ông Phu đang cúng báo tổ tiên về con sóc chưa xong, con gà cúng vẫn còn bày trên bàn cúng thì cô Lai cầm dao đến chém lấy cái đuôi gà mang vào bếp nướng trên than củi ăn. Theo kinh nghiệm quan sát khói hương thì ông Phu nhìn thấy có con ma rừng đang đói, ông nói con ma đó theo thằng San về nhà nhập vào cô Lai từ lúc thằng San nhìn thấy con sóc chết ở dọc đường, con ma rừng đó rất đói bụng nếu không cúng để tiễn nó về rừng thì nó sẽ hại súc vật chết để ăn thịt nên ông Phâu phải thịt thêm một con gà, một con ngan nữa cho ông Phu cúng tiễn ma đói về rừng.

Tuy Tết Đoàn Ngọ không ăn to như Tết Nguyên Đán hay Rằm tháng Bảy nhưng theo truyền thống thì trong bản nhà nào cũng phải chuẩn bị chút ít gạo nếp để đồ



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

xôi hoặc làm bánh giày, bánh gai. Bản Giảo Vài không có ruộng nên chỉ trồng ngô và đỗ tương là chính, mọi người phải đi xa hàng ngày đường mới có chỗ phát đổi trồng lúa nương. Những nhà neo người không đủ điều kiện đi làm lúa nương ở xa thì khó khăn lắm mới kiếm được tiền ra chợ mua gạo nếp. Bây giờ có chuyện lạ cả bản đang lo âu và phải gom góp của cải chuẩn bị làm lễ tế trời cầu xin được bình yên ai cũng cảm thấy như gánh thêm một chiếc đòn trên vai mình. Trong lòng người nào cũng hoang mang lo sợ, đặc biệt là bọn trẻ có những đứa còn không dám ra khỏi nhà đi chăn trâu chăn bò. Mọi người xi xèo rằng nếu sự thật như thầy Phu nói thì số trời đã định, tế lễ không hợp lý không trừ được họa thì cả bản sẽ phải chấp nhận tai họa. Vì thế họ càng muốn sẵn sàng đón của cải cho việc tế lễ, nếu trời không đổi ý thì coi như cả bản chết cũng đã được ăn uống đầy đủ trước khi về âm phủ. Liu năm nay mười bốn tuổi, nhà nghèo xơ nghèo xác, Liu phải giúp bố mẹ làm việc như một người lớn quán áo vẫn chưa đủ mặc. Nhà Liu đông anh em các em còn nhỏ nên chỉ mỗi Liu lớn hơn cả và giúp được bố mẹ. Lần này cả bản gom góp chuẩn bị tế lễ, nhà Liu không có đủ lễ vật Liu cũng sẵn sàng đồng ý với bố mẹ đem ngô riêng của mình đi bán để góp tiền cho bố mẹ mua lễ vật đóng góp cùng bản. Liu cùng bố ra chợ bán xong ngô thì cũng là lúc chợ vẫn dần, không mua được ngan hai bố con dạo chợ một vòng rồi quay về đến ngã ba đường xuống bản Giảo Vài thì gặp ông Lữ ở bản Kéo Tám cũng đang cùng đường đi bản Giảo Vài. Bố Liu mời ông Lữ một điếu thuốc cuốn bằng giấy bản và hỏi thì ông Lữ bảo ra chợ nghe nói có con ngỗng lạ xuất hiện nên ông cũng muốn đến bản Giảo Vài thăm dò xem. Tuy đường mòn từ Kéo Tám xuống Giảo Vài cũng hết ba mươi phút đồng hồ nhưng hôm nay vừa đi vừa nghe bác Lữ trò chuyện với bố Liu thấy chẳng mấy chốc mà cũng đã về đến bản của mình.

Bản Giảo Vài vắng lặng đìu hiu hơn kể từ khi con ngỗng xuất hiện. Đám rầy ngô của Liu ở cuối bản vẫn bị ngập nước, đây là đám rầy ở vùng trũng thấp nhất bản nên khi bị ngập nó hết như một cái ao, chiều nay nước vẫn đục lênh khói trắng sà xuống mặt nước, sương chiếu sà xuống trùm lên vạt rừng, trùm lên cái ao và trùm lên cả bản Giảo Vài. Những ngôi nhà lợp sậy với những tấm phên vách được ken bằng mảnh vấu. Để chuẩn bị những bữa cháo ngô thật ngon đợi chờ cả nhà đi làm về ăn thì người trông nhà phải chuẩn bị càng sớm càng tốt, bột ngô được xay bằng cối đá rồi sàng lấy bột, khi nước sôi người khuấy cháo phải thật khéo tay để tránh bột ngô kết lại thành cục. Bên trong những cục bột đó nước không ngấm vào được sẽ khô cứng và không chín. Vì thế đang buổi chiều nhưng bên trong một số nhà đã ánh lên những ngọn lửa bếp lập lòe hắt ánh sáng vàng vọt chập chờn. Khói vừa thoát ra khỏi nhà đã bay quyện vào màn sương trắng xám mịt. Nhìn từ xa chỉ còn là những chấm đỏ chập chờn trong sương.

Có lẽ con ngỗng đã thấm lạnh nên nó đứng một chân trên phiến đá nhô lên khỏi mặt nước và thọc đầu vào bên dưới cánh ngủ. Hai bố con Liu và ông Lữ thập thò đến bên bờ ao thì sợ ý ông Lữ bị trượt chân ngã làm con ngỗng giật mình tỉnh giấc, nó dài cổ ra cất tiếng kêu ộp oạp ngô nghiêng xác định hướng có tiếng người rồi bước xuống nước lội bì bõm, có vẻ nó đã quá đói và bơi từ từ về phía ông Lữ và hai bố con Liu, càng đến gần càng nhìn rõ trên đầu nó có một chấm đỏ lạ thường. Ông Lữ cười khà khà nói:

- Nó là ngỗng nhà tao. - Ông Lữ bẻ lấy một bắp ngô bóc vỏ và tách lấy hạt bỏ xuống đất cho con ngỗng, nó ăn một cách ngon lành. Ông Lữ bắt lấy nó ôm vào lòng, tay ông vuốt lông nó từ đầu đến lưng rồi như muốn cóc nhe đầu nó và nói với nó như nói với một đứa trẻ con:

- Mày đi đâu xa cho mọi người sợ loạn cả lên thế hả, mày?

Con ngỗng nhìn ông Lữ chớp chớp mắt như hiểu được ý và muốn nói lời xin lỗi. Liu nhìn con vật có dáng vẻ thông minh và thật đáng yêu. Liu nói với bố:

- May quá. Thế là cả bản Giáo Vài không phải cúng nữa. Bố ơi, hay mình bảo bác Lữ bán cho mình nuôi luôn không mang về nhà bác ấy nữa bố nhỉ.

- Ừ được đấy. - Bố Liu cũng thở phào gạt đầu cười.

- Nhưng cháu phải mua thêm một con nữa nó mới có bạn và đẻ trứng được, mà trứng ngỗng đắt tiền lắm đấy cháu ạ. - Ông Lữ nói tiếp.

Nghe ông Lữ nói trong lòng Liu bỗng nảy ra những ý định thật kì diệu. Liu nghĩ không phải làm lễ tế trời số tiền bán ngỗng của mình sẽ mua một đôi ngỗng để nuôi. Tuy ngỗng đẻ ít trứng nhưng đắt tiền, mình sẽ để dành được thật nhiều quả mới cho mẹ đem ra chợ bán mua quần áo cho mình và cho các em, đến mùa đông lạnh mua cả khăn ấm tặng bà, bà sẽ khen mình thật giỏi và ngoan. Liu sung sướng nói:

- Vậy bác cho cháu ôm nó rồi cùng về nhà cháu cần nó bằng cần. On Năm(2) của ông cháu rồi tính tiền cho bác nhé!

Ông Lữ gạt đầu và đưa con ngỗng cho Liu. Từ giữa rẫy ngô ba người xào xạc nhằm hướng lối mòn của bản đi ra. Liu lom khom cúi người ôm con ngỗng đi trước thỉnh thoảng lại đưa tay che lên trước mặt đỡ cho lá ngô khô gây rất ngứa. Ra đến lối mòn Liu nhìn thấy thàng Thông con thấy Phu đang cúi cúi vác củi khá nặng đi về phía mình. Khi Thông đến gần Liu mới cất lời:

- Anh Thông ơi vác nặng thế?

Thông giật mình ngẩng mặt nhìn thấy Liu đang ôm con ngỗng cổ dài ngoằng, sừng người cúi đặt bó củi xuống vác củi ngọn củi dựng lên, một tay giữ củi tay còn lại chống hông thở hổn hển, chưa kịp nói gì thì Liu nói tiếp:

- Anh về bảo lại bố anh là không cần phải làm lễ tế trời nữa đâu.

- Sao vậy? Thế mày vừa ôm con ngỗng ở đâu về?

- Nó là con "ngỗng trời" của bố anh nhưng chính xác hơn nó là con ngỗng của nhà bác Lữ bị lạc theo dòng nước từ trên bản Kéo Tám xuống ạ!

- Bố anh dựa vào "quẻ", còn mọi người dựa vào đâu mà biết nó là ngỗng nhà bác ấy chứ?

Bác Lữ cười khà khà nói:
- Ngỗng nhà tao, tao nhuộm đỏ lông trên đầu nó cho khỏi lạc với ngỗng nhà khác kia kia!

- Mọi người nói lão! Muốn phần bác thấy mo thấy cúng à? Bố cháu làm nghề mấy chục năm nay không đáng để mọi người tin cậy sao? Làm gì có chuyện con ngỗng mà lạc đi xa được như thế cơ chứ?

- Anh dám vô lễ với bác Lữ. Em sẽ mách bố anh!

- Mách thì mách anh cũng không sợ. Sáng nay bố anh vừa đi cúng tế ma rừng nhà ông Phâu về, vì thàng San đi đồn củi nhặt được con sóc chết ở ngay vệ đường, máu mồm máu mũi vẫn còn đỏ tươi. Nếu không có ma rừng làm sao nó chết cho thàng San nhìn thấy được. Mọi người giải thích đi!

Ông Lữ và bố Liu đang ngạc nhiên nhìn nhau thì Liu hỏi:

- Vậy anh San nhặt được con sóc ở chỗ nào?

- Chả phải trên đường đi rừng trúc nhà ông Phin gần đoạn rẽ vào rẫy khoai lang nhà mày còn gì?

Liu không kiềm nổi mình, nó trợn mắt nói:

- Vớ vẩn, thật là vớ vẩn. Con sóc đó là của em, sáng hôm trước em đi vác củi rẽ vào rẫy khoai lang thăm cạm bắt được, em để đấy rồi lên rừng vác củi khi quay về không còn thấy nữa em tưởng có con chó nhà ai tha mất, hóa ra...

Liu nói chưa dứt lời nhưng mọi chuyện đã rõ. Bố vờ vai Liu ngắt lời:

- Thôi không được cãi nhau, chúng ta về thôi con!

Trên đường về bố Liu cảm thấy đã thấm mệt và đói bụng, ông nhổ vài cây sắn trên bờ rẫy ở cạnh bờ đường bẻ lấy củ mang về. Những bàn chân đen đui của ba người lướt trên những vạt cỏ xanh rờn còn đọng lại những hạt mưa và lướt trên những đoạn đường lấy lợi rồi bước lên những bậc thềm đá trước cửa nhà. Liu bẻ lấy những que rào vườn cho ông Lữ và bố cạo bùn đất dính trên bàn chân và đập bốp bốp xuống nền đất cho sạch tước khi bước vào nhà. Căn nhà tối dần nghe thoang thoang mùi ẩm mốc bốc lên từ nền đất ở gốc vách và mùi lông bò, mùi chua ngai ngái của phân gia súc xung quanh nhà, đẩy áp sự ấm cúng và êm đềm. Khói sương

NGUYỄN VĂN HIẾU

Làng tôi

Đã lâu về lại thăm làng
Gặp cơn gió núi thổi tràn qua sông
Em đi nhớ mạ bên đồng
Nặng đôi quang gánh vẹo hông lệch chiếu

Quê nhà biết mấy thân yêu
Lặng nghe có tiếng sáo diều đầu dây
Vẫn hồ sen trở bông đầy
Vẫn con đê với những ngày trẻ thơ

Một chiều cát trắng ngấn ngơ
Cây đa có tự bao giờ vẫn xanh
Em còn có nhớ đến anh
Đêm trăng lời hẹn đã thành ca dao

TRỊNH QUỐC THẮNG

Tháng hai

Rét lộc sao mà da diết thế
Mắm non dành giầu nụ trong cây
Sương như dải lụa giăng mờ ngõ
Mưa lộc đầu Xuân lát phát bay

Tháng Hai bỗng xoà lên lộc biếc
Nắng non nà xanh thơm lá cây
Lúa chiêm mếm mướt thì con gái
Sông cạn dòng trôi đợi nước đầy

Tháng Hai, tháng ngắn ngày cũng ngắn
Thấp thoáng người đi trẩy hội hè
Bạn cũ có còn hay đã vắng
Có trở về đây thăm chốn quê
Chợ hôm rộn rã mời chào
Con tôm, mở ốc, bó rau vườn nhà...
Bao năm đánh giặc đi xa
Bữa cơm xoàng với tương cà mà ngon

Tiên hiển bia kí mãi còn
Gương xưa như nhắc cháu con bây giờ!
Dòng sông như một giấc mơ
Có con cò trắng bất ngờ bay ngang

Tháng ba về dự hội làng
Minh ăn bánh lá rối sang thăm chùa
Tìm trời một sắc hoa mua
Giò rung đỉnh núi một trưa thành hoàng

VÂN LONG

Tiểu ẩn

Cuộc hành trình qua mùa đông khắc nghiệt
Không dung một sợi tóc thừa
Manh lá phượng lãn tàn vàng úa
Rụng nốt trong màn sương cuối thu
Cành phượng gãy guộc như khói
Toả mùa đông mặt hồ
Cây ẩn mình như không còn mình nữa
Bên cuộc diễu hành trăm sắc hoa
Giấu ở đâu hồi khô không, trụi trần
Trái tim đỏ dù thấp nghìn ngọn đuốc?
Đốt mùa hè bỏng rục
Châm ngòi cho tiếng ve ran
Tôi lữ qua hương sắc trăm nhà
Để chiêm ngưỡng cây phượng già trăm mặc
Đôi nét mực nho đậm bạc
Mơ hồ mặt lụa nước trời xuân...

TÔNG VĂN HÂN

Con gái người Thái

Con gái người Thái
Đã diện là diện hết mình
Diện từng cái răng
Diện từng sợi tóc
Diện từng sợi chỉ thêu piêu
Diện cả cái nhìn

Con gái người Thái
Đã làm là không biết mệt
Đi ruộng không xem bóng mặt trời
Đệt vải đêm không nghe gà gáy

Con gái người Thái
Đã hát là hát giọng cao
Hát không nghĩ đủ bụng mình đang đói
Đã mùa là mùa thật dẻo
Đẻo cả đôi tay dẻo cả con tim

Con gái người Thái
Khách đến nhà dù gần hay xa
Đã cô khách không tiếc gà, tiếc rượu
Chẳng tiếc gì chân đềm mời làm

Con gái người Thái
Đã yêu chỉ yêu một người
Yêu như nắm yêu cây
Yêu như rêu yêu suối
Yêu như mạ yêu đồng

len vào tận bếp mang theo cái lạnh man mát từ những khối đá những lá cây tận rừng sâu, ánh sáng bếp hắt bóng người chao lượn trên vách. Liu ngồi xuống ghế đầu chờ những gộc củi gỗ nghiêng to như cột nhà ra, những mảnh than tóe lửa nổ lép bép bay loảng nhảng. Liu nướng những củ sắn sau khi bóc vỏ trông trắng nõn ướt trên than củi và khô vàng dần. Đợi khi khô đến mức có màu vàng cháy rồi Liu mới vùi những củ sắn vào trong gio nóng, lát sau bỏ ra dùng chiếc gắp lửa (3) gỗ thử, theo kinh nghiệm Liu biết sắn đã chín. Liu tẽ những khúc sắn thơm phức cho mọi người ngồi quanh bếp lửa ăn một cách ngon lành, trong họ dường như ai cũng có chút niềm vui đơn giản len lên vuốt ve đầu óc những người đồng đặc sương núi này.

Rồi ông Lữ bước ra khỏi nhà của Liu mang theo mùi sắn thơm nồng đậm đặc trong buổi chiều hoàng hôn tràn đầy khí núi và sương mù. Bố Liu tiễn khách bước xuống những bậc thềm đá và đứng nhìn bóng ông Lữ xa dần cho tới khi nhòa vào trong lớp sương mù ở cuối bản Giáo Vài.

Con ngỗng đã là của Liu, nó là con ngỗng đầu

tiên được sống trên đất Giáo Vài đậm đặc sương mù này. Không còn ai sợ hãi nó nữa. Mọi người tin rằng sẽ không có con ma nào làm hại người và phải bó tay, cúng tế mo chay như các thầy mo thấy cúng thường nói. Mỗi buổi sáng bản Giáo Vài lại bắt đầu từ màu tối của màn sương núi đặc lénh lung linh hư ảo trước chân núi rồi nhập nhòa sáng dần trong khói sương. Khi bình minh đến những con chim từ quy trên rừng thức dậy cất tiếng thống thiết gọi bạn tình cũng là lúc Liu thức dậy mở cửa chuồng cho con ngỗng của mình. Mỗi buổi sáng sau một đêm ngủ ngon ra khỏi chuồng nó lại dang đôi cánh vỗ nhẹ phành phạch như tập thể dục rồi cất tiếng kêu ộp oạp đón chào một ngày mới. Tiếng kêu của nó như ngày một trong trẻo hơn, vang xa hơn trong bản sương mù. ■

- Mạ hoặc má (1) (Tiếng Dao): Mạ.
- Cắn On Năm(2) (cắn An Nam): Loại cắn làm bằng gỗ của người Mông, Dao.
- Gắp lửa (3): Nghĩa theo cách gọi của người Dao về chiếc kẹp gắp than được làm bằng trúc, vầu hoặc tre nữa.

ẤM LÒNG NGƯỜI THA HƯƠNG

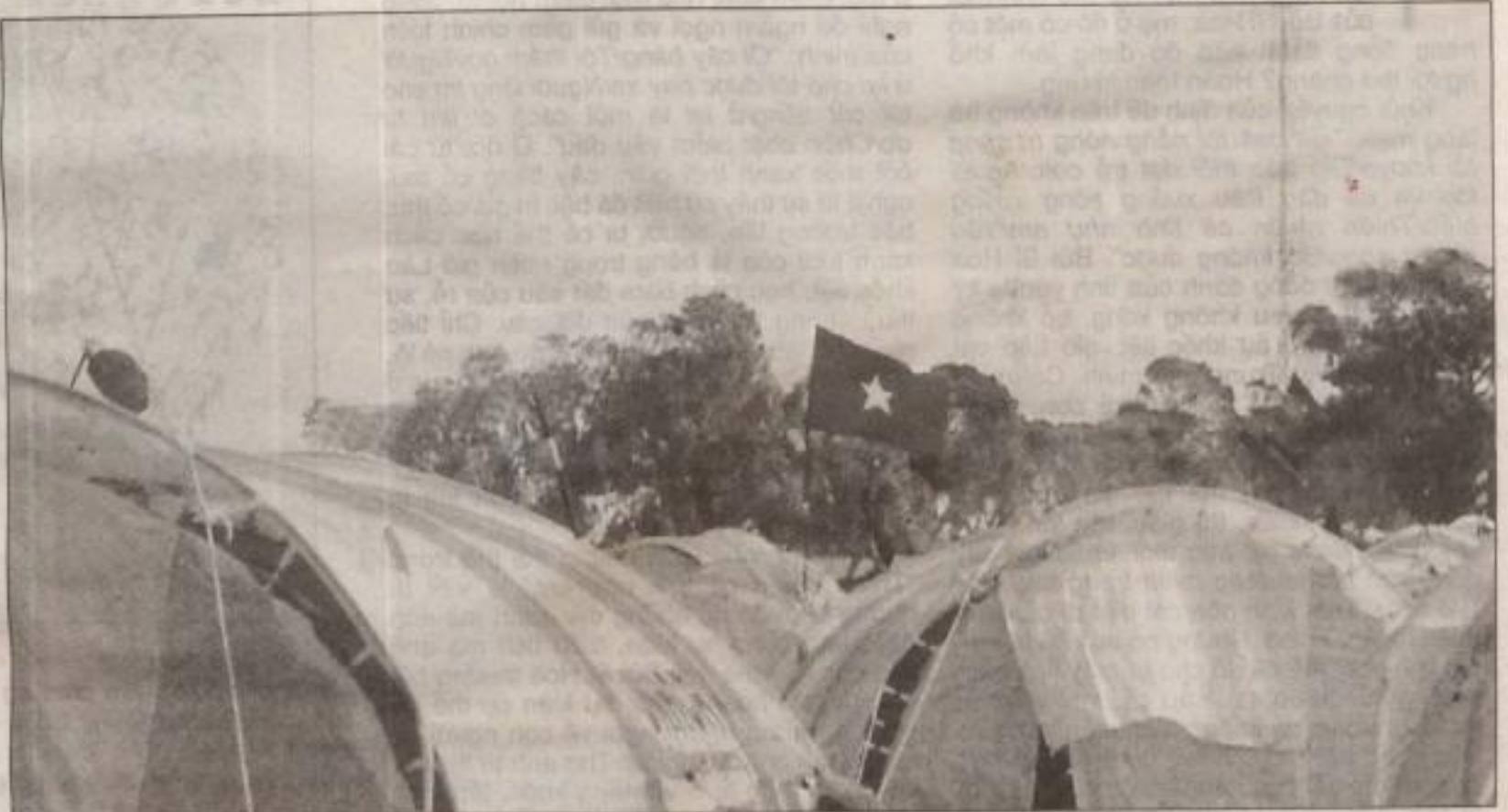
Phóng sự của LÊ NAM

Biên giới Ras Jedire. 3 giờ 30 phút chiều 3-3 chúng tôi đến khu tập kết của người lao động nước ngoài ở biên giới Ras Jedire cách trung tâm djerba gần 200km. Một quang cảnh hỗn độn, bừa bãi, bụi bặm... với hàng chục nghìn lao động nước ngoài đang tập trung ở đây. Phần lớn là người lao động Ai Cập, Bangladesh... họ còm còm trong các túp lều dựng lên bằng chính những tấm mền đắp, có nhóm thì dùng các vali dựng đứng lên và họ chui vào giữa với quần áo lạnh đầy đủ... Hàng chục ngàn người này nằm la liệt xung quanh khu vực lớn chừng 3-4 sân vận động sát tường rào biên giới với Lybia. Các tổ chức từ thiện liên tục cung cấp thức ăn, nước uống, sữa, cà chua, bánh mì... cho những người lao động tại đây. Tại cửa khẩu biên giới Tunisia và Lybia anh Arbi Billel nhân viên hội chữ thập đỏ Tunisia cho biết từ ngày 2-3 lượng người lao động đổ về biên giới đã bớt đi nhiều chỉ là từng toán vài người đi cùng nhau chứ không ở hàng trăm người như trước. Chúng tôi gặp một nhóm gần 200 lao động Việt Nam vừa mới đến đây hôm 2-3. Họ cũng nằm ở ngoài lề đường cùng với hành lý. Chiều 2-3, đại diện Đại sứ quán Việt Nam có gặp chúng tôi thông báo sẽ đưa xe đến đón chúng tôi về. Chúng tôi mong ngóng từng giờ.

CHUYẾN BAY KHÔNG NGŨ

16 giờ ngày 8-3 (giờ Tunisia) chuyến bay may số hiệu VN 8675 của hãng hàng không Vietnam Airlines (VNA) cất cánh khỏi sân bay Djerba Zarzis (Tunisia) mang theo những lao động Việt Nam cuối cùng từ Tunisia về nước. Những ngày tháng lo sợ, hoang mang nơi xứ người đã kết thúc.

Ngồi ở phòng chờ sân bay ông Mai Đình Hình (Hải Hậu, Nam Định), thần thờ nhìn xa xăm. "Lần này về nước chẳng có nỗi gì kẹo làm quà cho con cháu ở nhà. May là còn chạy được an toàn về đến đây" ông Hình thở dài. Ông là một trong những lao động Việt Nam thuộc nhóm cuối cùng vượt biên giới Libya-Tunisia hôm 6-3 để về sân bay chờ chuyến bay của VNA sang đưa về nước. Hành lý mang về quê hương lần này của ông và nhóm lao động công ty Sona chỉ vài ba bộ quần áo, 5-7 gói bánh xốp để dành do các cơ quan tình nguyện, cứu trợ khi vừa qua biên giới mang về làm quà. Có người chỉ còn cái túi xách, có người thì sang trọng hơn còn cái vali bên trong là cái mền cứu trợ. Nhưng tâm trạng ai cũng đứng ngồi không yên, chốc chốc lại hỏi nhau "khi nào lên máy bay". Khi ở tổ chờ họ từ nhà ga đến gần cầu thang máy bay, có người thì từ từ bước xuống nhưng cũng có nhiều người không kiếm chỗ nổi nhảy cẫng lên như đứa trẻ lao đến cầu thang và la lớn "về rồi, sống rồi". Sau khi đã yên vị trên máy bay họ chộp ngay các tờ báo, đọc ngấu ngiến hết tờ này đến tờ khác. Rồi đi lại, tùm nập tùm nập ba tán dóc, cười nói vang cả một góc máy bay. Ở khoang giữa máy bay nơi có máy nước nóng và mi ăn liền là nơi đông đúc và nhộn nhịp nhất. Các lao động Việt Nam, tuần tự xếp hàng để chờ đến lượt mình rót nước nóng vào ly và xì xụp ăn. Sau bao ngày ở biên giới, nằm trại tị nạn chỉ ăn bánh mì, bánh xốp, sữa tươi... nên ly mì ăn liền với họ giờ đây quả ngon miệng. Máy bay giảm độ cao, chuẩn bị hạ cánh chúng tôi thấy Nguyễn Văn Hùng, 27 tuổi, huyện Tây Sơn, Bình Định khá bồn chồn, bối rối. Hùng tâm sự, hơn 10 giờ bay anh không tài nào chợp mắt được lòng cứ nôn nao, buồn tủi khi nhớ lại những khoảng thời gian vượt qua bom đạn, chạy loạn từ Tripoli sang biên giới Tunisia, rồi những ngày nằm ngoài trời đêm lạnh, bão cát, có hôm bị mưa lạnh run ở biên giới khác ngoài chờ đợi mà không biết chờ đến khi nào... rồi nỗi nhớ nhà, nhớ vợ



Tại khu tị nạn Ras Jdir biên giới Tunisia và Libya: Cờ Việt Nam vẫn phấp phới bay như một điểm tựa tinh thần cho những công dân Việt Nam vừa thoát khỏi vùng chiến sự. Ảnh: Nguyễn Thành Phong

con...khôn xiết khiến anh không thể nào chợp mắt. Mọi thứ diễn ra quá bất ngờ làm lòng anh choáng ngợp.

7 giờ 50 phút sáng 9-3, máy bay hạ cánh. Các lao động Việt Nam ủa ra khỏi máy bay chạy ngay vào nhà chờ đã được sắp xếp ở một khu riêng, để làm thủ tục nhập cảnh, nhận hành lý. Ngay sau đó họ chạy nhanh ra ngoài cổng, nơi đó hình như đã có người thân đang ngóng chờ.

RA "CHIẾN TRƯỜNG"

Tunisia có đường biên giới gần với các điểm chiến sự nóng bỏng của Libya, đặc biệt là thủ đô Tripoli nên đây được xác định là nơi có nhiều lao động Việt Nam chọn để chạy sang tránh nạn. Ngay sau khi giải quyết để các lao động Việt Nam đã nằm chờ ở sân bay quốc tế Cairo, Ai Cập lên chuyến bay VN 6569 của hãng hàng không Vietnam Airlines về Việt Nam, tổ công tác đặc biệt bắt đầu chuẩn bị lên đường sang Tunisia ngay trong đêm 1-3, giờ Cairo. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Đoàn Xuân Hưng quyết định chọn địa điểm tập kết càng gần biên giới Libya càng tốt và phải có sân bay đủ điều kiện để máy bay Boeing 777 hạ cánh. Djerba thỏa mãn nhất những điều kiện này nhưng đi chuyển đến đó khá xa và chưa biết tình trạng cụ thể của sân bay ở đây. 19 giờ 30 đêm cùng ngày, đoàn công tác mới mua được vé máy bay đến Djerba khởi hành từ 3 giờ 40 sáng 2-3 nhưng phải mất 2 lần đổi máy bay ở Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ), Tunis (Tunisia) và đoàn công tác phải chia nhau đi trên 2 chuyến bay khác nhau từ Tunis đến Djerba vì không còn chỗ trên chuyến bay nhỏ. Kế hoạch bay trong ngày 1-3 để có mặt thật sớm ở Tunisia khảo sát tình trạng sân bay, tập trung lao động để ngay lập tức thiết lập cầu hàng không từ Hà Nội sang Tunisia đã phá sản. Lúc này lại xảy ra khả năng chính phủ mới của Tunisia có thể sẽ không cho các quan chức ngoại giao, chính phủ của tổ công tác đang mang theo hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ nhập cảnh. Chúng tôi, 4 nhà báo cầm theo hộ chiếu phổ thông lo lắng bối rối. Ngay trong đêm Đại sứ quán Việt Nam tại Cairo đã làm ngay công hàm ngoại giao đề nghị các cơ quan hữu quan của Tunisia hỗ trợ, tạo điều kiện để đoàn công tác vào Tunisia thực hiện công tác nhân đạo. Khi đoàn ra đến sân bay Cairo làm thủ tục cho chuyến bay nhân viên của hãng hàng không Turkish Airlines thẳng thừng từ chối làm thủ tục cho đoàn vì chẳng ai trong chúng tôi có visa vào Tunisia. Ngay cả công hàm ngoại giao đưa ra mãi sau họ mới quyết định để chúng tôi thành những hành khách cuối cùng của chuyến bay. Tôi nhìn vào công hàm: chúng tôi trở thành nhân viên VNA (do sợ đưa thân phận nhà báo có thể cơ quan nhập cảnh sẽ không cho vào Tunisia), do quá cấp rập nên tên của 3 trong 4 nhà báo trong đó có tôi đã bị in sai chữ lót, hai đồng nghiệp còn lại in sai họ. Ngồi trên máy bay, tôi đã nghĩ đến phương án nếu không được vào Tunisia, lại phải mất một ngày nữa quay về Ai Cập để tác nghiệp nhưng đường về thì xa lắm vì lúc đó chưa có kế hoạch đưa máy bay VNA sang Cairo. Nín thở chờ đợi!

Sau năm tiếng đồng hồ quá cảnh Istanbul, 12 giờ 50 máy bay hạ cánh xuống sân bay Tunis. 4 nhà báo chúng tôi tiến thẳng đến cơ quan nhập cảnh Tunisia để xin visa. Liếc nhìn sang đoàn công tác đang cầm hộ chiếu ngoại giao, công vụ đã lần lượt nhập cảnh. Có nhân viên nhìn hộ chiếu rồi hỏi số visa mà chúng tôi đã đăng ký trước khi đến Tunisia, nhưng khi biết là người Việt Nam cô có về tạo điều kiện và cũng chỉ liếc nhìn qua công hàm mà không để ý

đến tên chính xác của chúng tôi. Mất 10 dinar (1 dinar gần 17.000 đồng) làm thủ tục và 30 phút chờ đợi, chúng tôi đường hoàng nhập cảnh Tunisia.

Chuyến bay đầu tiên của VNA từ Djerba về Hà Nội đã phải chậm lại gần 1 giờ do phía bạn làm thủ tục chậm, cùng lúc nhiều chuyến bay của Bangladesh, Trung Quốc, Ai Cập... cũng đang chuẩn bị bay. Sau nhiều ngày chờ đợi, các chuyến bay sau được Tunisia đã mở thêm quầy làm thủ tục nên luôn làm thủ tục trước giờ bay khoảng 2 tiếng nhưng do sân bay quá bận rộn với nhiều chuyến bay chở lao động đi nên các chuyến bay VNA sau này cũng chỉ bay sớm hơn 30 - 45 phút so với lịch bay. Sân bay Djerba Zarzis vốn dĩ không đón quá nhiều chuyến bay như trong những ngày này nên áp lực công việc với các nhân viên là rất lớn...

Ngày nào cũng vậy chúng hơn 8 giờ sáng đoàn công tác lên xe tiến ra biên giới cách nơi đóng quân của Tổ công tác khoảng 200km: nhóm thì vào trại tị nạn làm việc với Tổ chức di dân quốc tế (IOM), Cao ủy Liên hiệp quốc về người tị nạn (UNHCR), nhóm thì chạy lên biên giới tìm Ras Jdir đón người lao động, đại diện các công ty lao động thì tổng hợp số liệu để cuối ngày họp giao ban, báo cáo tình hình về nước để VNA lên kế hoạch đưa máy bay sang. Đại diện công ty lao động, nhân viên VNA thì ra sân bay làm thủ tục cho lao động về nước... Hầu như chẳng có ngày nào các thành viên tổ công tác có bữa trưa.

ẤM LÒNG NGƯỜI THA PHƯƠNG

Duy nhất trong trại tị nạn UNHCR có quốc kỳ Việt Nam tung bay giữa trùng trùng lớp lớp mái lều trắng toát giữa sa mạc mênh mông. Là cờ được Phạm Văn Tám, quê Hải Dương, mang theo từ nhà. Hằng ngày, Tám cất giữ lá cờ rất kỹ, chỉ mở ra treo mỗi dịp lễ tết. Những ngày qua lá cờ đỏ sao vàng của Tám, đã trở thành nguồn cổ vũ, động viên tinh thần to lớn đối với những lao động Việt Nam khác ngoài trời này trở về. Lá cờ cũng làm ấm lòng những thành viên tổ công tác chúng tôi trong những ngày làm nhiệm vụ nơi biên thùy ở vùng đất Địa Trung Hải này.

Người dân Tunisia có ấn tượng rất tốt về người Việt Nam, trong kí ức của họ Việt Nam là một điển hình tốt khi đã từng chiến thắng Pháp rồi Mỹ, nên người Việt Nam luôn được ưu tiên, ưu ái. Trong trại tị nạn của UNHCR thiết lập cách biên giới Ras Jdir giữa Tunisia-Lybia lượng lao động Việt Nam có số lượng đông chỉ sau Bangladesh. Nhưng người lao động Việt Nam rất kỷ luật, giữ gìn hình ảnh quốc gia. Chuẩn tướng Haruadi Soussi phụ trách an ninh trật tự trại tị nạn khẳng định lao động Việt Nam rất trật tự và đoàn kết. Người lao động Việt Nam ở trại đã để lại ấn tượng đẹp trong lòng các nhân viên cứu trợ Tunisia và quốc tế. Ở trại tị nạn có quầy điện thoại miễn phí cho các lao động do Hội chữ thập đỏ Tunisia thiết lập, những lao động quốc tế cứ phải xếp hàng chờ đợi để được gọi điện thoại nhưng khi lao động Việt Nam xuất hiện họ luôn được ưu tiên lên trước. Biết người lao động Việt Nam thêm ăn gạo một số lính quan đội Tunisia sẵn sàng chia sẻ chút ít gạo cho lao động Việt Nam ăn đỡ thêm. Anh Nguyễn Văn Phú, huyện Gia Lộc, Hải Dương kể họ tự động chia sẻ gạo với tinh cảm rất niềm nở. Cảm nhận của chúng tôi trong suốt thời gian công tác ở Ai Cập rồi Tunisia là sự có mặt của đoàn công tác đã giải tỏa được tâm lý lo lắng bồn chồn cao độ của người lao động Việt Nam. Chiến dịch giải cứu các lao động Việt Nam mắc kẹt ở nước ngoài đã hoàn thành, toàn bộ hơn 10.000 người lao động Việt Nam đã được toàn tụ với gia đình. ■



Trong khi các lao động Việt Nam được đón chu đáo thì vẫn còn nhiều dân tị nạn các nước khác vẫn đang sống cảnh màn trời chiếu đất tại cửa khẩu Ras Jdir. Ảnh: N.T.P



CẦN CÓ MỘT DÒNG PHIM NGHỆ THUẬT

NGUYỄN ĐÌNH SAN

HIỆN nay, phim truyện truyền hình (PTTH) Việt Nam rất phát triển. Số lượng ra đời hàng năm ở tất cả các đài truyền hình trên cả nước phải tới vài trăm; đó là điều đáng mừng, vì đã đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Việc Đài Truyền hình Việt Nam ưu tiên thời lượng phát sóng cho phim truyện nội là rất cần thiết. Tuy nhiên, để đáp ứng chỉ tiêu số lượng phim phát sóng hàng năm; các đài truyền hình phải cho ra đời tác phẩm bằng mọi cách. Điều đó đã dẫn đến việc tạo nên những bộ phim dễ dãi, nội dung tư tưởng nông cạn, hơi hợt, chất lượng thẩm mỹ thấp khiến người xem ít có cảm tình cũng là điều dễ hiểu, khó tránh. Loại trừ một tỷ lệ còn khiêm tốn những PTTH có chất lượng, được công chúng ưa thích; còn nhìn chung, phần lớn là những phim thuộc hàng "thường thường bậc trung" hoặc vô thường vô phạt- phim "lành" nhưng không "manh"- nhằm chuyển tải được ý đồ của các tác giả về một số khía cạnh tư tưởng nào đó. Nói chung, kể chuyện bằng hình ảnh là chính. Người xem có trình độ văn hóa thấp cũng dễ dàng hiểu ngay được phim nói gì, đoán hết được kết cục ra sao. Có thể nói việc biểu hiện nội dung cốt truyện khá "thật thà". Rất hiếm thấy những tìm tòi, sáng tạo, những thủ pháp độc đáo gây ấn tượng thú vị. Xem xong phim, rất ít khi khán giả bị ám ảnh, day dứt bởi nội dung đặt ra trong phim. Nếu thuận tụy chỉ để giải trí cũng chưa đạt được vì người ta ít nhiều dị ứng, thấy kém hào hứng khi phải "thưởng thức" những phim nhạt nhẽo, vô bổ. Với những phim này, cảm giác chính là tiếc thời gian, tiếc cho sự tổn hại về năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

Tuy nhiên, PTTH hiện nay vẫn có thể tiếp tục phát triển, để đáp ứng số đông người xem đại trà với mặt bằng dân trí chưa cao. Bên cạnh đó, cần đáp ứng một đối tượng khán giả khác - số này càng ngày càng nhiều hơn là điều đáng mừng - ấy là những người xem khó tính, có trình độ hiểu biết nhất định. Họ luôn có "gu" thẩm mỹ sành, không vừa ý với những giá trị tầm thường. Chính nhờ đối tượng công chúng này mà văn học nghệ thuật mới có thể phát triển về chất lượng, và việc ra đời dòng phim nghệ thuật là rất cần thiết để thỏa mãn nhu cầu chính đáng rất đáng được trân



Cánh Diều Vàng. Giải thưởng cao quý của Điện ảnh Việt Nam

trọng đó. Vậy như thế nào được coi là "phim nghệ thuật", khác với những PTTH ra đời đại trà hiện nay? Đó là những bộ phim giàu yếu tố văn hóa, đậm tính nhân văn, với mọi sự phối hợp công phu, chọn lọc (kịch bản, đạo diễn, âm nhạc, thiết kế, diễn xuất của diễn viên, quay phim...). Những phim loại này nên là một tập hoặc vài, ba tập. Nhân vật không cần nhiều, bối cảnh cần thu hẹp để giảm thiểu kinh phí. Lời thoại cần được tiết chế mà chủ yếu là biểu hiện nội tâm qua hành động, qua diễn xuất của diễn viên với việc biểu cảm đặc biệt của đôi mắt (tình trạng phổ biến của PTTH Việt Nam hiện nay là đối thoại quá nhiều, đường

như biểu hiện nội dung phim chủ yếu qua lời thoại). Đến đây, hẳn nhiều nhà làm phim truyền hình sẽ lên tiếng: Phim truyền hình khác với phim nhựa. Những điều vị nói là của phim nhựa bên điện ảnh. Người ta có kinh phí gấp nhiều lần với cách làm riêng nên sẽ đạt được, còn PTTH của chúng tôi có đặc thù, tính chất riêng. Không nên lẫn lộn giữa hai thứ ngôn ngữ. Vâng, có thể là như thế. Nhưng xin hãy đứng ở góc độ người xem (ngoại đạo) để nhìn nhận vấn đề: làm sao người ta có thể phân biệt điện ảnh và truyền hình, phim nhựa và phim video? Và cũng làm sao phân biệt phim do đài truyền hình và phim do các hãng phim truyện nhựa (điện ảnh) sản xuất chiếu trên ti-vi, nếu không đọc nhãn hiệu đơn vị? Cứ theo quan niệm như hiện nay thì vô hình trung, mặc nhiên đã coi chỉ phim nhựa (điện ảnh) mới cần đầu tư để tạo nên giá trị nghệ thuật, còn phim truyền hình thì không cần nghệ thuật hay sao? Có lẽ điều này đã giải thích tình trạng chất lượng yếu kém của nhiều PTTH hiện nay như đã nói.

Đầu sao cũng không thể phủ nhận một thực tế: tuy không nhiều nhưng đã từng có những PTTH hay, đạt chất lượng nghệ thuật, khiến người xem ưa thích hơn hẳn nhiều phim truyện nhựa (điện ảnh) - những phim mà chỉ chiếu may lắm được một lần rồi vĩnh viễn cất vào kho. Vậy thì bản thân thể loại đâu có "tội"? Thế loại không tự nó tước bỏ giá trị hoặc độc quyền nghệ thuật, mà là quan niệm và tài năng của con người. Phim truyền hình không thể lép vế so với phim nhựa, nếu không nói ưu thế phục vụ còn hơn, do có số lượng công chúng thường thức đông gấp nhiều lần. Trong một xã hội phát triển, trình độ văn hoá của các tầng lớp công chúng ngày càng được nâng cao- phong phú về trình độ, sở thích, "khẩu vị"- đó cũng là một quy luật tự nhiên. Văn nghệ cần phải đáp ứng họ, không nên chỉ "ưu tiên" riêng một đối tượng nào. Không thể chỉ vì phục vụ số đông người mà bỏ quên một số lượng không nhỏ người xem luôn muốn thưởng thức những PTTH có giá trị nghệ thuật cao; đó mới đích thực là một công chúng thường thức lý tưởng. Chính vì thế, việc ra đời một dòng phim truyền hình nghệ thuật hiện nay, có lẽ là vô cùng cần thiết!■

CHỢT NHỚ "CHUNG MỘT DÒNG SÔNG"

HỒ NGỌC DIỆP

CHO đến nay, nền Điện ảnh Việt Nam đã lớn mạnh không ngừng - cả đội ngũ những người làm phim cũng như diện mạo của nó - ngày càng cố gắng nâng cao tính chuyên nghiệp để hội nhập vào khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, từ ngày bộ phim truyện nhựa đầu tiên ra đời đến nay- trên nửa thế kỷ đã trôi qua- *Chung một dòng sông* vẫn được đánh giá là một trong những tác phẩm có giá trị, đặt nền móng cho nền điện ảnh non trẻ Việt Nam...

Nhớ lại những ngày tháng 3 năm 1959, đoàn làm phim của Xưởng Phim truyện Việt Nam đã vượt hàng trăm cây số từ Hà Nội vào Quảng Bình, qua sông Nhật Lệ, bên kia bán đảo cát Bảo Ninh của Thị xã Đồng Hới để thực hiện phim *Chung một dòng sông*. Đây là bộ phim có chủ đề về đấu tranh thống nhất, một vấn đề nóng hổi tính thời sự nên Bộ Văn hoá khi đó đã điều động khá nhiều nhân tài, vật lực để có một bộ phim truyện đầu tiên của nước nhà, nhằm đáp ứng nhu cầu mong mỏi cháy bỏng của nhân dân trong và ngoài nước. Phạm Kỳ Nam, Nguyễn Hồng Nghi, những chiến sĩ từng tham gia làm phim trong chiến dịch Điện Biên Phủ và phim tài liệu *Việt Nam trên đường thắng lợi*, được cử làm đạo diễn và quay phim chính của bộ phim này.

Chung một dòng sông là câu chuyện xảy ra ở hai bờ Nam Bắc sông Bến Hải sau hiệp định Giơnevơ 1954. Anh Vận ở bờ Bắc có vợ là chị Hoài ở bờ Nam. Dòng sông chảy qua vị tuyến 17 ấy, ranh giới tạm thời của hai niềm đất nước đã làm đôi đường tình thương cách trở. Chiều chiều, những đoàn thuyền đánh cá từ ngoài khơi trở về cửa sông, một nửa rẽ sang bờ Bắc, một nửa



Manh Linh vai Vận, Phi Nga vai Hoài trong phim Chung một dòng sông

phải vật vờ trở về bờ Nam. Anh Vận đau đầu, xót xa mỗi lần ngồi trên thuyền đánh cá bờ Bắc nhìn xa xăm về người vợ hiền đang đứng dưới bờ Nam vẫy tay, vẫy nón... Bộ phim với nhiều tình tiết sinh động, hấp dẫn đã làm khán giả miền Bắc mê say đón nhận. *Chung một dòng sông* đã tham dự và đoạt "Giải thưởng Lớn" tại Liên hoan phim Quốc tế 1962; năm 1970 đoạt "Bông sen Vàng" trong Liên hoan phim toàn quốc lần thứ II.

Giữa cái vùng "chang chang cồn cát" suốt 4 tháng trời ròng rã giữa mùa nắng nóng, đoàn làm phim đã như cỗ máy mở hết công suất. Từ đạo diễn, quay phim, diễn viên đến đạo cụ, hoá trang, thư ký

trường quay... mồ hôi ròng rã để có những thước phim theo ý muốn. Bấy giờ, tôi là một cậu bé 14 tuổi. Một hôm, cùng gần chục đứa bạn nữa, trèo lên một cây me trên đồi để nhìn xuống khuôn viên của một ngôi đền sát đó, nơi đoàn làm phim đang quay cảnh anh Vận và chị Hoài thuở ngày đoàn tụ, đang thổ lộ tình yêu. Bỗng đạo diễn và quay phim nhìn thấy, liền quay ống kính về phía chúng tôi: "Này, các cháu, chú quay phim đấy nhé. Các cháu cứ chỉ chỉ, trỏ trỏ tự nhiên, xem như mình đang là các thiếu nhi ở bờ Nam sông Bến Hải đang hướng về bờ Bắc trong ngày Quốc khánh". Cảnh quay tình cờ mà hoá thật như tưng có trong kịch bản. Bọn bạn đám lưng tôi thùm thụp

vì đã được đạo diễn hướng ống kính cho quay cận cảnh, nhất là Phạm Chính, một cậu bạn tôi được khen là đẹp trai và diễn xuất rất cừ... Khi phim thành tập, chiếu lên, lũ trẻ chúng tôi đứa nào cũng vỗ tay reo hò rất sung sướng.

Tháng 2-1965, Mỹ đánh vào Đồng Hới, Quảng Bình, mở màn cho chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc. Mẹ Suốt, người chèo đò ngang, giữa bão táp bom đạn vẫn cầm chắc mái chèo chở bộ đội qua sông và trở thành anh hùng. Tuổi trẻ làng quê Bảo Ninh chúng tôi mỗi người bỗng có một số phận. Người vào trường Đại học. Người tham gia lực lượng thanh niên xung phong. Người khoác súng vào Nam đánh giặc. Người theo cha chú lên thuyền ra khơi bám biển đánh cá...

Năm 1968, tôi trở lại Quảng Bình nhận công tác sau khi tốt nghiệp trường chuyên nghiệp. Thật bàng hoàng khi tôi được biết, Phạm Chính đã hy sinh từ tháng 5 năm trước. Trước đó một năm, bố anh, ông Phạm Rà, liệt sĩ ngành Giao thông Vận tải cũng đã bị bom Mỹ giết hại ở cửa Nhượng - Hà Tĩnh khi đoàn thuyền chở gạo vào Quảng Bình vừa ngang qua đây. Phạm Chính hy sinh, lúc anh đang là Tiểu đội trưởng trong Đại đội pháo C300 của Thị đội Đồng Hới. Lần đó giặc Mỹ ném bom xuống trận địa trên cát, sau làng. Phạm Chính bị một mảnh bom chém vào lưng, trong khi anh đang ẩn cò súng. Toàn thân anh đề lên khẩu pháo hai nòng đang nóng bỏng. Mồ của cậu bé từng đồng trong bộ phim *Chung một dòng sông* năm xưa, được gia đình và dân làng đặt ở một trảng cát rộng, trên đồi. Tôi đến thắp hương trên mộ anh, nghẹn ngào ứa nước mắt...

Trên 50 năm đã qua đi, nhưng bộ phim *Chung một dòng sông* vẫn để lại một dấu ấn tốt đẹp ban đầu cho nền điện ảnh nước nhà. Nhân Ngày Điện ảnh Việt Nam (15-3-2011), được tổ chức tại TP Hồ Chí Minh, tôi chợt nhớ lại một vài kỷ niệm nhỏ không bao giờ quên của những ngày thơ bé bên dòng sông quê hương yêu dấu của mình.■

(Tiếp theo trang 1)

quá gối, chân quàng đôi dép chằm bằng mo cau rất lạ mắt. Đôi dép chỉ có một quai nhỏ phía trước rịt chặt lấy ngón chân giữa, hai quai sau chằng vào cổ chân, đập lạch bạch lên mặt đường, theo bước chạy mỗi lúc một dài ra, nhanh dần, nhanh dần...

Ngồi trên xe, tôi cứ chỉ cái này cái nọ luôn miệng "chị rửa mẹ?". Mẹ tôi dường như chỉ chờ tôi hỏi để trả lời, giảng giải. Đó là người ta in gạch, còn kia không phải nường ốc đâu mà người ta đổ vò ốc vào lò để hầm với đó. Rồi mẹ cốc nhẹ vào đầu tôi: "Đồ tham ăn, lúc mô cũng nghĩ tới nấu với nường."

Buồn cười thật, thường ngày, chơi quanh quẩn ở nhà, nay được ngồi xe với mẹ, thấy chị cũng lạ, cũng thích. Trời đang đẹp, chiếc xe kéo mũi trần như muốn bay lên giữa bao la: trời xanh, mây trắng, nắng vàng, đồng lúa trải rộng tít tắp. Và gió, gió trời và gió xe hây hây, người cứ nhẹ hẫng.

Gặp ngày trời mưa, xe lên mũi, quày bặt. Ngồi giữa bị bung mà xe chạy đến đâu mẹ tôi thuộc đến đó như có người nhắc. Mẹ giỏi thiệt. Mẹ tôi bảo: giỏi chi, cứ nghe tiếng bánh xe là mẹ biết. Xe chạy trong phố, bánh xe lăn trên mặt đường dầu, êm ru. Qua làng xóm Thanh Hà, chạy trên đường đá, bánh xe kêu lộc cộc. Qua khỏi cổng Ông Đá, rẽ vào đường đất, trâu bò hay lợn, có hang có hục, xe

ấm lòng cha mẹ mình. Thì không báo hiệu được nhiều, một chút vậy cũng quý chứ sao.)

Nghe mẹ tôi thưa vậy, ông tôi co ngón tay cùng nhẹ vào trán tôi, gật gật đầu, không nói gì nhưng tôi thấy mắt ông ướt ướt.

Không rõ đến năm nào, chứng như đã có bằng yếu lược, đi học dưới phố, tôi phải nhường cho em gái tôi được đi xe kéo với mẹ, còn tôi lợi bộ với cha.

Cũng chẳng xa xôi gì. Chỉ một quãng tắt qua Bến Cá là tới đò Ruộng. Ông lái đò, cũng chỗ quen biết, đã có tuổi nhưng tay chân còn rắn chắc. Thấy cha con tôi đứng chờ đò, từ dưới ghe đã oang oang chào lên.

Đội khách lên đò xong xuôi, ông rùn người trên cây sào dài đã lên nước bóng nhẫy, chống mạnh một chống. Cái đò rướn mình lia bờ. Sông hẹp, chỉ dăm ba tay sào, đò đã sạt vào bờ cát bên kia.

Xuống đò là tới đất Phú Chiêm, quê ngoại tôi rồi. Con đường đất hẹp, chạy quanh co qua các ruộng lúa dẫn vào làng. Cha tôi bật dù che cả cho tôi. Trời nóng, cha tôi cởi khăn đóng, áo dài khoác vào khuỷu tay, có khi trông vành khăn vào cổ tôi, nói vui: đeo dùm cha "cái nong heo".

Còn tôi thì xách guốc. Đôi guốc xà lan tự tay cha tôi đeo, đóng quai da bò lật ngược theo kiểu phố. Xách guốc, đi chân không trên rệ cỏ, cứ mát rượi dưới gan bàn chân.

nào cũng có vườn cây, bóng cây lợp kín trời, đi ngoài đường mà như đi trong nhà. Gần đến nhà ngoại, cha bảo tôi mang guốc vào kéo đạp gai. Rồi đi.

Cha tôi xếp dù, đóng khăn mặc áo chỉnh tề, móc dù vào khuỷu tay, rảo bước thong dong. Dáng đi của cha sang vậy mà cứ bị mẹ tôi trề môi ghẹo: "Đi làm rể mà như thế ông xã ra việc làng"

Sợ bọn con nít chọc, tôi phải vừa đi vừa chạy cho kịp cha. Rửa mà cũng không thoát. Chỗ gần nhà, bọn hán cứ đứng đầu ngõ, gào rập rờn:

Phú Chiêm ăn cá bỏ đầu

Kim Bồng đến lượm xô xâu mang về

Rồi thì

Cái đầu đẹp lép cá chai

Ăn tham với vợ là trai Kim Bồng

Kim Bồng là quê tôi. Tôi thì tức điên mà cha tôi nghe vậy lại cười, bảo "Kệ cha hán, cứ làm thỉnh ngó lơ, đi."

Lúc ngang qua nhà các cậu tôi, cha tôi chỉ giờ tay chào, không ghé. Phải lên nhà ông bà thưa trình trước đã rồi đi đâu mới đi - Đạp rể con phải lấy chữ Lễ làm đầu, cha tôi thường bảo vậy.

Cùng giò xong, các cậu tôi rủ: chiều bài còn thiếu một tay chờ anh dự cho vuông sòng.

Chơi vui thôi, chỉ đẩy qua đẩy lại mấy đồng xu lẻ để ván bài có trốn, nên cha tôi thường ở lại đêm, chỉ có mẹ con tôi về. Mà không ở lại thì hai người cũng chẳng mấy hồi chịu về cùng. Mẹ tôi bảo:

-Vợ chồng, đi ra đi vô đụng đầu cả ngày, ức chi còn cặp kè ngoài đường như cái đồ không biết mắc tịt!

Nghỉ hè hồi trước dưới phố bắt chước Tây gọi là nghỉ Va-căng. Còn trên ngoại tôi gọi là nghỉ nắng. Giờ nghỉ lại mới thấy quê mình hay có kiểu nói ngộ thiệt: vào những ngày cuối năm học, khi hoa phương đã đổ sân trường, ngồi trong lớp mồ hôi chảy ròng ròng như có con chi bò trong người, lúc đó mà nhắc đến hai chữ nghỉ nắng là bụng dạ ấm học trò nhiệt đới cứ chộn rộn cả lên.

Riêng với tôi, nghỉ nắng có nghĩa là được về ở với ngoại. Mẹ tôi bảo trên ngoại mát mẻ lại có anh Năm kèm cho khỏi chạy ròng dăng nắng, rớt hết chữ. Ông ngoại thì bảo để cho nhà có con nít, hẳn vui. Còn bà ngoại thì xi một cái "Vui chi, thêm mệt!" Nói rứa thôi, chứ hề thấy đám cháu nội vừa nhét vở lên rường nhà mà chưa thấy tôi về, bà đã nhắc ông "Hay là ông biểu mấy đứa chạy xuống xem thử chó con có ấm mình ấm mấy chì không"

Còn ở dưới nhà tôi mấy ngày đó, hề cứ hắt xi hơi mợ cái là mẹ tôi bảo "Ngoại nhắc rồi đó, sửa soạn đi"

Hôm sau, mới thấy mẹ con tôi tới ngõ, ông cười nói: "Mai đạp lúa rồi, về dùm ông mấy bữa hè". Biết ông nói giỡn nhưng bụng cứ thỉnh thích.

Sáng hôm sau, ông dậy sớm ra quét sân, tôi vội cầm chổi theo ông:

-Phải moi móc thật kĩ, không để sót một hạt sạn, biết tại rằng không?

-Dạ biết. Để sạn chui vô chén cơm nhai mẹ răng, miệng ai cũng như miệng mình.

Ông tôi thường nói rứa, tôi nhớ mà nói theo. Vậy mà cũng được ông khen: "Cái thẳng, giỏi"

Cơm nước xong, lúa cũng tới tấp về. Những bó lúa nặng trĩu đòn xóc xuống, xếp ngay ngắn quanh sân theo vòng tròn ốc. Khi sân đã đầy lúa thì lúa bò vào đạp. Chú bò đực lực lưỡng vai u thịt bắp, chứng đã quen việc, vừa bèn hơi lúa đã bước lên đi phàm phàm. Chú đi vòng quanh sân, dẫm lên những bó lúa ngon lành. Mùi lúa mới cắt ngòn ngọt, thơm đầy sân. Chú vừa đi vừa lúc lắc đầu, khinh khật mũi, coi bộ bực bội lắm. Tội nghiệp chú, ngó như thành nhỏ háu ăn ngồi gần kẹo mà không được bốc. Không nhịn được, chốc chốc chú lại cúi xuống định ngoạm đại mấy cọng. Nhưng mõm đã bị đóng rọ. Thèm mấy cũng chịu, chú đành ngừng đầu hùng dũng bước. Khi nào chú chàng đi chậm rãi đứng lại dạng hai chân sau ra, hạ mõng xuống, đuôi vồng lên hình dáng đầu ngà, là sắp có chuyện rồi. Đã sẵn cái giỏ trạc ở góc sân, tôi nhảy phóc ra bung vào hứng ngay dưới đi chú. Cái công việc không mấy thơm tho sạch sẽ này không biết vì sao tôi lại thích nên ông đã giao cho tôi và khen tôi biết tén vén đầu ra đấy.

Khi mặt trời đã lên quá ngọn tre, ngoại bốc một nắm gié lên, sấm soi rồi hò:

-Nục rồi, hò bỏ lại!

Tôi liền hò...ọ...ọ một tiếng. Con vật chỉ chờ có vậy, đứng lại ngay, chờ người đến tháo rọ cho ra nhai rơm. Các người dùm cầm mỏ xáy ra xáy lúa. Mỏ xây bằng sắt, cong như mỏ bồ nông, tra trên đầu cán tre. Người xây lúa luôn mỏ xây xuống dưới lớp lúa mới đạp lán đầu, nâng một mỏ lên, khê tung hứng một cái trước khi lật trái cho bò dẫm tiếp. Ngó như làm xiếc.

Trong khi người lớn xây lúa, bọn con nít chúng tôi được ngoại cho uống nước nửa buổi trước.

Ở chỗ ngoại tôi hồi đó, ngày cơm ba bữa, giữa buổi sáng có uống nước nửa buổi, nửa chiều có nước xế, làm đêm thì có nước khuya. Có chi ăn nấy: khoai khô ngào đường, sắn luộc chấm muối mè, hôm nào làm nặng thì

QUÊ NGOẠI

Truyện ngắn của PHẠM PHÁT



cứ lác lác la lác lư. Về gần nhà, xe chằm chậm lại.

Đến cổng, mẹ ghé tai tôi "Tới rồi! Tới rồi!"

Vừa thấy mẹ con tôi bước vào, bà ngoại tôi đã chửi lớn: "Cha con gái mẹ bay, ràng chữ mới về?"

Thì mẹ con tôi lúc nào chẳng về sớm nhưng ngoại tôi lúc nào chẳng chửi vậy. Nghe bà chửi mẹ cười rất tươi. Còn tôi thì sưng rạn lên khi thấy ông ngoại cười với tôi - cái cười ít khi thành tiếng mà hiển tử, lúc nào cũng như được dầu sắn sau đôi môi dày và chòm râu bạc trắng.

Nhớ lời mẹ dặn, tôi bước đến trước mặt ông, nâng gói quà nhỏ lên bằng hai tay - tôi nhớ rồi mà mẹ cứ nhắc "hai tay, con!"

Ông tôi cầm gói quà nói:

-Để coi, cà cường tha mỗi chì về cho ông đây.

Ưống công cà cường tha mới... Tên ở nhà của tôi hồi nhỏ là Cường nên ông thường gọi chọc tôi theo câu ca đó.

Tôi bỗng lúng túng. Mẹ tôi phải đỡ lời:

-Thưa... cha sắp nhỏ mua thuốc trà hiệu Ông Tiên kính cha đó.

(Lúc nào có quà kính ông bà, mẹ tôi cũng nói "cha sắp nhỏ mua". Sau này lớn lên tôi mới hiểu, chẳng riêng mẹ tôi, các chị các bà mình đều nói tốt cho chồng như thế, để làm

Gặp ngày mùa, hương đồng thơm ngọt mũi. Thỉnh thoảng, một chú châu chấu đứng trên bông lúa, múa rầu như chào hỏi. Chao ôi, con châu chấu! Một thằng nhỏ lên mười ở phố làm sao bỏ đi cho đành!

Nhưng cha tôi giục: mau lên kéo ông ngoại lại cho thằng khác, mất phần như chơi.

Ấy là cha tôi nhắc đến cái bong bóng heo mà ông ngoại tôi thường bảo mấy người làm heo dành cho tôi từ ngày hôm trước. Bong bóng heo phơi khô thổi thành trái banh. Đã bẹp rồi thì xé ra bịt lon sữa bò làm trống, khua inh nhà, bị là mà thích.

Cha tôi đi trước xách đồ cúng. Lễ vật thì đám mô vô đám nấy. Ngày giò ngày kị thì sấm quả bánh ngọt Hiệp Lợi. Mồng năm thì bánh ú tro, Tết phải có bánh tổ lấy tận lò Phó Tám. Có năm cha tôi đem về gói trằm ròn lại thêm mấy cái lồng đèn Tàu để ông tôi treo chơi ba ngày tết. Mỗi thức đều được gói gắm vuông vức bằng giấy nhựt trình rồi đặt tất cả vào giữa vuông vải mộc, buộc chéo bốn góc thành một cái xách tay rất tiện. Những thứ này không được giao con nít xách, nhờ tay rơi lên rơi xuống lấm láp, không nên.

Đường qua đồng trắng nắng, mồ hôi mồ kê nhè nhại, bước vào đến đầu làng như thế ngày nay được bước vào phòng lạnh. Hai bên đường nhà ở liền nhau. Trước cửa nhà

DẶM DÀI ĐẤT NƯỚC...

NGUYỄN NGỌC PHAN

NHÀ báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh Hoàng Kim Đán vừa cho ra mắt công chúng cuốn *Thăng Long - Hà Nội Việt Nam kỳ*... do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Cuốn sách vừa như một món quà nhiều ý nghĩa mừng Thăng Long - Hà Nội tròn 1000 năm tuổi, vừa là sự kiện chào đón thập niên mới của thế kỷ XXI.

350 trang, in khổ 21x20, gọn gàng xinh xắn với trên bốn mươi bài viết: Bút ký, ghi chép, tùy bút và thơ, giới thiệu những vùng đất "Địa linh nhân kiệt". Mỗi địa danh vài trang viết ngắn gọn. Với những nét chấm phá, người đọc vẫn biết được xuất xứ những danh thắng tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội qua 1000 năm hình thành và phát triển cùng đất nước Việt Nam với hàng ngàn năm lịch sử... Những danh lam, thắng cảnh ấy sừng sững hiện ra trước mắt người đọc cả bằng lời và bằng ảnh. Chùa Một Cột - Công trình được khởi dựng năm 1049, phỏng theo giấc mơ của vua Lý Thái Tông (1028 - 1054). Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh tung bay ngạo nghễ trong "Kỳ đài Thăng Long" mà dân gian quen gọi Cột Cờ - "Hồn thiêng đất Việt..."... Từ trung tâm Thủ đô, tác giả dẫn dắt người đọc ngược Bắc Ninh "Trên quê hương nhà Lý", ra vùng Đông Bắc "Cồn Sơn - Kiếp Bạc" tới Vịnh Hạ Long - Kỳ quan thiên nhiên thế giới; ngược lên Tây Bắc "Điện Biên ngày ấy" rồi xuôi về "Cố đô Hoa Lư", vào miền Trung "Huế - Trên những dòng sông quê hương", "Đô thị cổ Hội An", "Mỹ Sơn - Di sản văn hóa thế giới của Việt Nam", Tam quan Bình Định, bát ngát rừng dừa, vào Nam bộ - "Củ Chi đất thép thành đồng", ra biển khơi "Với bộ đội Trường Sa" và khép lại cuốn sách là "Xuân đến mọi miền" ám áp bởi những đóa hoa, con người nồng hậu và cảnh trí thiên nhiên mê mông.

Cảnh và người hòa quyện, cùng làm nên sự phong phú và thành công của cuốn sách. Đó là ngoài những thắng cảnh, di tích lịch sử, tác giả còn đưa người đọc tiếp cận một mảng khác - chân dung những nhân vật nổi tiếng, những con người Việt Nam tài ba, những người đã và đang góp phần công sức của mình làm nên trang sử vẻ vang của dân tộc ở nhiều lĩnh vực. Có người mà sự nổi tiếng đã vượt ra ngoài biên giới. "Những lần được gặp và chụp ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp"; "Hình ảnh Giáo sư - Viện sĩ Tôn Thất Tùng"; "Tôn nữ Nhị Hà, người Hoàng tộc có 16 nghề thành đạt"... Từ trang sách bước ra, mỗi người một vẻ, một vị trí trong xã hội, với những công việc khác nhau, ở nhiều thế hệ tuổi tác khác nhau. Có người đã đi vào cõi vĩnh hằng bằng trang tiểu sử sáng chói tận mai sau. Lại có nhân vật mà ở ngoài đời, họ vẫn hiện hữu quanh ta, đi tiên phong trong phong trào đổi mới và hội nhập. Đặng Tính, vị Chính ủy huyền thoại của Bộ Tư lệnh Trường Sơn thương quý chiến sĩ như người ruột thịt trong "Người mang mật danh 602"; Nổi niềm bi thương của một ông vua trước cảnh mất nước qua "Bức chân dung vua Hàm Nghi và cụ Hải Âu, người chăm sóc cuối đời nhà vua"; "Nhà văn Nguyễn Tuân với Sông Đà" hào hoa và dĩ dóm... đến những người bình thường (mà chả bình thường chút nào) - "Hai người Hà Nội ở Đà Lạt", anh bộ đội phục viên trong "Hồi Huy với văn hóa doanh nhân và Tập đoàn Mai Linh". Tất cả, họ là những "bông hoa" đậm đà hương sắc, góp phần làm nên một rừng hoa đẹp.

Cách bố trí thứ tự bài vở, sự đan xen giữa những bài viết về chân dung danh



nhân với danh lam thắng cảnh theo một bố cục cân đối, chặt chẽ thể hiện rõ sự sắp xếp có dụng ý của tác giả, vốn dĩ là một người đã từng được phong tước hiệu Nghệ sĩ nhiếp ảnh xuất sắc của Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. Điều này càng thể hiện rõ hơn, bởi lẽ trong cuốn sách có cả bộ ảnh song hành cùng những bài viết, và bởi lẽ tác giả không chỉ "kỹ" bằng lời mà còn "kỹ" bằng ảnh. Những tấm ảnh phong cảnh, di tích, danh lam và đặc biệt ảnh chân dung không chỉ dừng lại ở việc minh họa đơn thuần. Tinh thần vẫn không chỉ toát lên ở những trang viết mà còn ở những khuôn hình. Những tấm ảnh qua chọn lựa, được đặt đúng chỗ lại càng đắc địa. Ảnh nói thay lời. Ảnh nâng cao cho bài. Phải chăng, sự thành công ở những bài viết của Hoàng Kim Đán ngoài phần nhờ kinh nghiệm của một nhà báo, thì phần còn lại chính là nhờ ở năng khiếu cảm máy của anh, để người đọc thấy đâu là "điểm mạnh", vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên, cách bố cục chắc gọn trong bài viết của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.

Là tác giả, chủ biên và biên soạn hàng chục đầu sách các thể loại, từng được các Nxb Hà Nội, Quân đội Nhân dân, Đà Nẵng, Văn hóa Thông tin, Văn học... ấn hành. Hoàng Kim Đán viết và làm sách như một niềm bức xúc phải giải tỏa, một món nợ đời, nợ người cần trang trải. Vài, ba năm anh lại cho trình làng một tác phẩm. Bản thảo cuốn này chưa in anh đã có ý tưởng cuốn sách khác. Với sự nhạy cảm của một nhà báo, lại là nghệ sĩ nhiếp ảnh, Hoàng Kim Đán không bỏ qua một triển lãm ảnh nghệ thuật nào, để ghi vào bộ nhớ, để sưu tầm những tác phẩm đạt giải, những tác phẩm có giá trị, mang tính lịch sử để khi cần phục vụ cho những cuốn sách biên soạn. Năm 2000, nhân kỷ niệm 990 năm Thăng Long, Hoàng Kim Đán đã cho xuất bản cuốn sách tổng hợp "Hồi Gươm - Hà Nội Việt Nam" và ngay từ lúc đó, lòng nhủ lòng, anh đã có ý nghĩ phải "làm một cái gì đó" để chào mừng đại lễ 1000 năm tuổi của Hà Nội. Nhưng giữa thập niên này, Hoàng Kim Đán phải làm chủ biên để năm 2007, kịp cho xuất bản cuốn sách *Đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh* vì lớp người làm nên huyền thoại đường Trường Sơn đã lần lượt ra đi vào cõi vĩnh hằng. Mãi năm 2008, anh mới có điều kiện thời gian bắt tay vào làm công trình mừng ngày đại lễ. Với *Thăng Long - Hà Nội Việt Nam... ký người đọc, người xem* được tiếp cận, được thưởng thức một tác phẩm với "những trang viết đầy tính văn học của anh, là sự bổ sung quý báu cho anh, cả hai cộng hưởng với nhau, đem đến cho chúng ta cái cảm giác viên mãn khi thưởng thức công trình nghệ thuật đặc sắc này". - Lời tựa cuốn sách trên của nhà thơ Hữu Thịnh.■

TÀN VĂN

THÁNG BA

LÊ NGUYỆT MINH

ÔNG bạn bảo: Tháng ba rồi ấy nhỉ? Thế là xong Tết. Xong hết cả hội hè lẫn chúc tụng. Nhưng tháng ba tới lại có cái vẻ dửng dưng và đong đếm khác với những thời khắc đã qua khi bắt đầu xuân.

Nếu bạn còn ở ngoài Bắc, bạn sẽ cảm thấy thật chùng chình trong cái chậm rãi của tiết trời tháng ba. Khi mùa xuân vẫn còn đang ở vào độ chín, còn đầy hương hoa ngoài ngõ, trên cây gió và mưa sa. Mỗi sáng thức giấc, đôi khi những cơn gió lùa qua khe cửa, vẫn cảm nhận được cái rùng mình vì lạnh. Hay những ngày mở mắt ra, thấy nắng bông đùa đứng tấn ngần ngoài song, mới ngỡ ngàng vùng khỏi chăn ấm, thấy mình như tươi mới và gọn gàng hơn, lao ra ngoài hiên nhà, vướn vai một cái, hít đầy ngực một không gian thanh tịnh có nắng nhỏ xinh trên giàn hoa trước nhà, đậu đầy trên vai áo của mẹ, đang đứng hong phơi những cành quất đầu năm đã được đem ra trồng lại trong vườn nhà.

Tháng ba. Có lẽ khiến người ta nhớ nhiều tới hoa gạo và hoa xoan. Hai loài hoa với những sắc màu đối kháng nhau, nhưng lại cùng sinh ra và hương hòa trong cái tiết trời "nửa chừng xuân" thế này.

Đó có thể là một sáng nào kia, khi ta cấp sách tới trường đi học, băng qua một vài góc gao đầu làng, thấy những bóng đèn đỏ rực rỡ ngay trên đầu ta, như gọi trời đất về tiễn mùa xuân đi để đón hạ đến. Bởi vậy, mới có cái câu thơ nhang nhác nhớ nhung: "Tháng ba hoa gạo gọi trời...". Có phải vì thế, hoa gạo y như một tiếng gọi triu mến và linh thiêng, đưa trời đất vào cái tiết oi ả của mùa hè sắp tới chăng?

Tôi vẫn nhớ hồi xưa lắm rồi, có lẽ khi tôi mới chỉ ba bốn tuổi, buổi sáng mở mắt ra, chạy xuống bếp xem mẹ đang nấu nướng, bàn chân trần nhỏ xíu, băng qua con đường đất cũng nhỏ xíu, dẫn ra cả mảnh vườn lớn sau nhà, ở đó có cây xoan. Cứ qua tiết, nhất là vào dịp trời nồm như mùa xuân này, là hoa xoan bắt đầu rụng. Những cánh hoa nhỏ xíu, li ti li ti, rơi văng lai trong mưa phùn, giữa không gian ào ạt của thời tiết, cứ đờm đờm, buồn buồn, rơi như không dứt, nên lúc nào cũng có cảm giác, như ở cái khoảng không gian trong vườn nhà mình, là khoảng trời chấm phá của những tiếng rơi nhẹ nhàng mà thao thiết ấy. Nghĩ về hình ảnh của hoa xoan, có lẽ phải hiện lên trong tâm tưởng những đứa trẻ nhà quê thời ấy cái ngõ nhỏ bằng đất, nằm co quạnh trong trời mưa phùn và con bé con đi chân trần chạy loảng hoảng xuống bếp tìm mẹ khi vừa tỉnh giấc...

Tháng ba ở thành phố thì khác. Năm nay tháng ba và Tết giáp mặt nhau tới đường đột. Mới hôm nào hết đoàn người này tới đoàn người kia, còn hành lý lủ lượm kéo nhau về miền Bắc ăn Tết, rồi lại ồn ào nao nhiệt kéo nhau trở lại phương Nam, bỏ lại tháng ba và mùa xuân luyến tiếc xứ đào. Trở về Sài Gòn, ôi tháng ba. Có bao nhiêu người nghĩ tới tháng ba. Có người chặc lưỡi: "Sao nhanh thế, tháng ba rồi kia".

Có lẽ thời khắc của tháng này, dễ khiến người ta rơi vào trạng thái ngỡ ngàng, luyến tiếc, lại có chút gì đó như bị đánh mất, rồi đâm ra chi li tính toán. Có người lại cảm thấy như trong mình đang cồn lên một nỗi nhớ khó định hình, day dứt và kiếm tìm.

Người ở phố, nghĩ gì về tháng ba nhỉ? Khi mỗi sáng ngủ dậy, trời không có mưa, chỉ có nắng chao chát đe dọa ngoài cửa sổ và tiếng chim sẻ nhà bên lãnh lốt như giục giã đi làm. Không có mưa xuân lất phất rơi, cũng chẳng còn hội hè làng xóm nào. Cứ như một giấc mơ xa dần xa dần, và mình thì là cái chấm nhỏ xíu ấy, đen đặc và mờ nhạt dần đi.

Có gã thanh niên đang thêm yêu, chỉ mong tháng ba mau về, còn mua hoa hồng tặng bạn gái.

Còn những người yêu mùa xuân, yêu tiếng rơi mỏng tang nhỏ nhẹ của hoa sưa Hà Nội thì đã sớm giục giã xa xôi: Sao không ra ngoài này, hoa sưa rụng đầy trời thương nhớ...■

NGẪN CHẶN TÁI PHÁT TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Câu chuyện được ghi lại qua lời kể của anh Đỗ Xuân Sơn, sinh năm 1961, nhà số 9, Đường Chu Văn Thịnh, Tổ 1, phường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La về căn bệnh tai biến mạch máu não từng xảy ra với anh và cách điều trị hiệu quả mà anh đã áp dụng.



Ảnh minh họa

ANH Sơn cho biết: "Khoảng tháng 4 năm 2000, khi tôi đang treo cờ để chuẩn bị cho đợt bầu cử Hội đồng Nhân dân nhiệm kỳ mới thì thấy tay run run, không thể giơ lên được, người bủn rủn, choáng váng, tôi tưởng mình bị cảm. Vợ tôi gọi bác sĩ đến và đo huyết áp cho tôi, huyết áp tăng cao 180/100. Sau đó, tôi bị tê nửa người bên phải, gia đình đưa tôi lên bệnh viện địa phương cấp cứu. Bác sĩ cho biết tôi bị tai biến mạch máu não nhẹ. Điều trị ở đây 10 ngày, huyết áp đã ổn định hơn nhưng tình trạng tê nửa người của tôi vẫn chưa dứt, trí nhớ suy giảm rõ rệt, tôi chỉ nhớ được những việc xảy ra một đến hai ngày là cùng, xa hơn thì chịu không nhớ nổi, tay tôi vẫn chưa viết chữ được.

Sau đó, gia đình đưa tôi xuống bệnh viện dưới Hà Nội điều trị tiếp. 10 ngày sau, tôi ra viện trong tình trạng sức khỏe tốt hơn. Tôi uống thuốc điều trị tại nhà khoảng 2 tháng thì tình trạng tê nửa người bên phải đã hết, tay viết được một chút, trí nhớ cũng khá hơn.

Do trong gia đình cũng có người đã từng bị tai biến mạch máu não nặng, tôi hiểu hậu quả của căn bệnh này rất nghiêm trọng, nếu bệnh tái phát thì nguy hiểm lắm, không biết dùng nào mà lẩn. Vì thế, tôi đã tìm hiểu nhiều loại thuốc Tây y, Đông y để ngăn chặn tái phát bệnh. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2008, tôi đọc báo và được biết sản phẩm Nattospes có thể hỗ trợ điều trị, phòng ngừa rất tốt tai biến mạch máu não. Là

một người trong ngành y, tôi hiểu đây là sản phẩm nguồn gốc tự nhiên, không gây tác dụng phụ - cái hay ở sản phẩm này so với thuốc Tây y là thế! Tôi mua Nattospes về dùng. Thời gian đầu tôi dùng 2 viên/ngày, sau giảm xuống 01 viên/ngày, liên tục trong 4-5 tháng. Kết quả là tôi thấy người khỏe khoắn, ăn uống ngon miệng, ngủ tốt hơn, mọi sinh hoạt đều dễ chịu, tay viết lưu loát, trí nhớ minh mẫn như bình thường và không phải dùng sổ ghi nhớ nữa. Đặc biệt, trước kia tôi rất hay đau đầu - một di chứng của tai biến, nhưng bây giờ gần như hết hẳn. Mục đích chính mà tôi sử dụng Nattospes là để phòng ngừa cơn tái biến. Và điều này đã được khẳng định, đó là từ khi dùng Nattospes đến nay, tôi chưa hề bị cơn tái biến nào".

Anh Sơn chia sẻ thêm: "Đến nay, tôi vẫn duy trì dùng Nattospes, mỗi năm tôi uống 2 đến 3 đợt, mỗi đợt 2 tháng, kết hợp với ăn uống điều độ, tập thể dục nhẹ nhàng. Sức khỏe và cuộc sống của tôi đã tốt hơn nhiều".■

HỮU ÍCH

(Theo tạp chí Sống khỏe - Số ra ngày 5/10/2010)

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐỨC

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ



Để lấy kết quả xổ số truyền thống mới nhất

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8197**



Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8297**



Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8597**



Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN** Gửi đến **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT** Gửi đến **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức

MẠNG RIÊNG ẢO QUỐC TẾ

"Mạng của chính Khách hàng"

Cuộc sống đích thực

VNPT



S-VPN

Gọi 18001001
hay 04.38410036

Để biết thêm chi tiết



Công ty Viễn thông Quốc tế

www.vti.com.vn

Sản phẩm của VNPT



VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUẤN • Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
• Tòa soạn, Trj sự : 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trj sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghethuatvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 5.900 đồng.